

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHUẨN ASC CHO NUÔI CÁ Pangasius**CÔNG TY DOCIFISH**

Ngày:	23,24 tháng 11 năm 2012	Tổ chức đánh giá:	CÔNG TY BUREAU VERITAS CERTIFICATION VIET NAM
CLIENT :	CÔNG TY DOCIFISH	ĐÁNH GIÁ VIÊN:	ĐỖ THÀNH MUỖN HUỖNH VĂN THUẬN NGUYỄN HUY
NGƯỜI PHỤ TRÁCH LIÊN HỆ:	Mr. NGUYỄN TẤN TỚI		
TIEU CHUẨN ĐĂNG GIÁ	ASC- PANGASIUS STANDARD V 1.0	NGÀY VIẾT BÁO CÁO:	Lần đầu: 27, 28, 29 tháng 08 năm 2012, bổ sung 19/10/2012 và 23,24/11/2012
LEAD ASSESSOR :	ĐỖ THÀNH MUỖN	NGÀY SOÁT XÉT:	28 tháng 11 năm 2012
LOẠI ĐÁNH GIÁ	ĐÁNH GIÁ LẦN ĐẦU		
	TÁI ĐÁNH GIÁ		
	ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG		Đánh giá bổ sung
Tóm lược kết quả đánh giá:			
<p>Các Trang trại nuôi cá tọa lạc ở các vị trí thích hợp cho phát triển cho nuôi trồng thủy sản phát, chủ trang trại có tầm nhìn chiến lược và chấp nhận đầu tư cho trang trại để có được chứng nhận với tiêu chuẩn ASC cho cá Tra. Tuy nhiên, tiêu chuẩn ASC cho cá Tra là một tiêu chuẩn tương đối mới và nhiều điểm khác biệt so với các tiêu chuẩn áp dụng cho nuôi trồng thủy sản hiện nay, ví dụ như: quản lý số lượng và chất lượng nước sử dụng, hệ số chuyển đổi thức ăn, tỉ lệ bột cá sử dụng, tỷ lệ từ vong vv... và đặc biệt là với các tiêu chí xã hội áp dụng cho nhân viên của trang trại và cộng đồng người dân sống xung quanh trang trại, bên cạnh đó đội ngũ nhân viên kỹ thuật của trang trại không có nhiều kinh nghiệm trong việc áp dụng tiêu chuẩn. Chính vì thế, có khá nhiều điểm không phù hợp đã được chỉ ra trong quá trình đánh giá.</p> <p>Bên cạnh đó, Docifish có hai trang trại áp dụng tiêu chuẩn ASC và cùng được đánh giá trong lần đầu tiên. Tuy nhiên kết quả đánh giá cho thấy một số điểm không phù hợp được phát hiện ở trang trại số 1 nhưng không phát hiện ở trang trại số 6 và ngược lại. Điều đó cho thấy rằng việc quản lý và kiểm tra chéo giữa các trang trại không được áp dụng.</p> <p>Đánh giá bổ sung đã được lên kế hoạch và được tiến hành để kiểm tra hiệu quả của các hành động khắc phục. Tất cả các điểm không phù hợp đã được đóng dựa trên các kết quả kiểm tra thực tế và chứng cứ được cung cấp.</p> <p>Cuộc đánh giá witness kiểm chứng ngày 23,24/11/2012 được thực hiện bởi Cô Edith Lam - Lead Assessor của ASI nhằm đóng các điểm không phù hợp đã nêu cho BVC đợt đánh giá 27-29/08/2012. Kết quả là tất cả các điểm NC ASI đã nêu cho BVC đã được chấp nhận và đóng bởi Cô Edith Lam.</p> <p>Trong đợt đánh giá bổ sung 23,24/11/2012, BVC đã phát hiện thêm tại Farm 04 điểm không phù hợp nhỏ, Farm đã báo cáo phân tích nguyên nhân và đề xuất kế hoạch khắc phục, phòng ngừa, BVC đã xem xét và đồng ý báo cáo kế hoạch khắc phục, tuy nhiên các điểm không phù hợp nhỏ này vẫn đang trạng thái mở và sẽ được kiểm tra thực tế vào đợt đánh giá giám sát vào năm sau.</p>			
Phạm vi chứng nhận:			
Tiêu chuẩn	ASC Pangasius Standard phiên bản 1,0 - Tháng 01 năm 2012.		
Hoạt động và phạm vi chứng nhận	Nuôi trồng cá Tra.		
Loài:	Pangasianodon hypophthalmus / Pangasius hypophthalmus		
Mô tả về thủy vực nhận nước	Sông Mekong - nhánh sông Tiền Giang.		
Kế Hoạch Đánh giá:			
- Kiểm tra hồ sơ và các hành động được tiến hành trước khi tiến hành đánh giá thực tế.	Kiểm tra hồ sơ hệ thống quản lý chất lượng và các tính toán cho các ao đã thu hoạch.		
- Đệ trình của các bên liên quan, bao gồm cả tài liệu bằng văn bản hoặc thông tin khác và trả lời của đơn vị đánh giá chứng nhận cho mỗi câu hỏi / thắc mắc của các bên liên quan.	Bureau Veritas sẽ thông báo cho các bên liên quan các kế hoạch và mời họ tham gia bằng văn bản trước khi tiến hành đánh giá hoặc tham gia trực tiếp vào buổi đánh giá thực tế. Tất cả các bên liên quan, ngay cả khi không liên quan trực tiếp với Bureau Veritas đều được mời để tham gia.		
	Tên trang trại :	Trang trại số 1 - Docifish Trang trại số 6 - Docifish	
	Địa chỉ :	Trang trại số 1 - Docifish: Ấp Bình Tân, xã Bình Thạnh, Huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp Trang trại số 6 - Docifish: Ấp Đông Huệ, xã Tân Khánh Đông, Thị Xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	

	Người liên hệ :	Ông Nguyễn Tấn Tới
	Các chứng nhận đã đạt được :	Trang trại số 1 - Docifish: đã được chứng nhận GlobalGAP.
<p>Các địa điểm của trang trại liên quan đến chứng nhận ASC với thông tin chi tiết cho mỗi địa điểm như sau:</p>	<p>Tên và đại diện các bên liên quan tham gia đánh giá :</p>	<p>Đánh giá lần đầu: *ASI: Bà Edith Lam - Đại diện đơn vị công nhận cho Tiêu chuẩn ASC Pangasius; bà Đặng Ánh Hằng - Phiên dịch. * Công ty Bureau Veritas Certification Việt Nam: ông Đỗ Thành Muôn, ông Huỳnh Văn Thuận - Đánh giá viên; ông Huỳnh Thiện Khiêm, ông Nguyễn Huy - Thực tập viên. * Công ty Docifish: ông Nguyễn Tấn Tới - Phó giám Đốc Kỹ thuật, ông Nguyễn Bá Thông - Phó giám Đốc Nhân Sự. * Trang trại số 1 - Docifish: ông Huỳnh Chính Trung - Trại trưởng /Chuyên viên Sức khỏe cá, ông Nguyễn Bá Thông - Quản lý Nhân sự, cô Nguyễn Thị Diệu Hiền & cô Ngô Thị Kim Ngân - Nhân viên phòng quản lý chất lượng, ông Võ Hoàng Thái - Kỹ thuật viên trại. * Trang trại số 6 - Docifish: ông Phan Văn Minh - Trại trưởng /Chuyên viên Sức khỏe cá, ông Lê Hải Lâm: Quản lý Nhân sự, cô Nguyễn Thị Yến Nhi và cô Nguyễn Thị Kiều Trang - Nhân viên phòng quản lý chất lượng, ông Lê Hữu Hiếu - Kỹ thuật viên trại. <u>Đánh giá bổ sung:</u> * Công ty BVC Viet Nam: ông Đỗ Thành Muôn, ông Huỳnh Văn Thuận - Đánh giá viên; ông Nguyễn Huy - Chuyên Viên Kỹ thuật. * Công ty Docifish: Ông Đặng Thiên Luân - Giám đốc quản lý tất cả các trang trại Docifish, ông Nguyễn Tấn Tới - Phó giám Đốc Kỹ thuật, ông Nguyễn Bá Thông - Phó giám Đốc Nhân Sự. * Trang trại số 1 - Docifish: ông Đặng Thiên Luân - Trại trưởng, Bà Đặng Thị Thu Hương - Chuyên viên Sứckhỏe cá, ông Nguyễn Bá Thông - Quản lý Nhân sự, cô Nguyễn Thị Diệu Hiền & cô Ngô Thị Kim Ngân - Nhân viên phòng quản lý chất lượng, ông Võ Hoàng Thái - Kỹ thuật viên trại. * Trang trại số 6 - Docifish: ông Phan Văn Minh - Trại trưởng /Chuyên viên Sức khỏe cá, Lê Hải Lâm: Quản lý Nhân sự, cô Nguyễn Thị Yến Nhi và cô Nguyễn Thị Kiều Trang - Nhân viên phòng quản lý chất lượng, ông Nguyễn Trọng Việt - Kỹ thuật viên trại. <u>Đánh giá bổ sung bởi ASI 23.24/11/2012:</u> * Tổ chức Công Nhận ASI: Cô Edith Lam - Lead Essessor, Cô Đặng Ánh Hằng, Cô Lâm Mỹ Lam - phiên dịch. * Công ty BVC Viet Nam: ông Đỗ Thành Muôn, ông Huỳnh Văn Thuận - Đánh giá viên; ông Nguyễn Huy - Chuyên Viên Kỹ thuật. * Công ty Docifish: Ông Đặng Thiên Luân - Giám đốc quản lý tất cả các trang trại Docifish, ông Nguyễn Tấn Tới - Phó giám Đốc Kỹ thuật. * Trang trại số 1 - Docifish: ông Đặng Thiên Luân - Trại trưởng, Bà Đặng Thị Thu Hương - Chuyên viên Sức khỏe cá, cô Nguyễn Thị Diệu Hiền & cô Ngô Thị Kim Ngân - Nhân viên phòng quản lý chất lượng, ông Võ Hoàng Thái - Kỹ thuật viên trại. * Trang trại số 6 - Docifish: ông Phan Văn Minh - Trại trưởng /Chuyên viên Sức khỏe cá, Lê Hải Lâm: Quản lý Nhân sự, cô Nguyễn Thị Yến Nhi và cô Nguyễn Thị Kiều Trang - Nhân viên phòng quản lý chất lượng, ông Nguyễn Trọng Việt - Kỹ thuật viên trại.</p>
	Thời gian đánh giá :	<p>Đánh giá lần đầu: ngày 27, 28 & 29 tháng 08 năm 2012 Đánh giá bổ sung: ngày 19 tháng 10 năm 2012 ASI đánh giá bổ sung: 23,24/11/2012</p>

Sơ lược các lần đánh giá trước (nếu áp dụng):

Không áp dụng, đây là lần đánh giá lần đầu.

Findings

	KẾT QUẢ LẦN ĐÁNH GIÁ TRƯỚC			KẾT LUẬN LẦN ĐÁNH GIÁ HIỆN TẠI		
	Number	NON-CONFORMANCES REFERENCES	Open/closed	Number	NON-CONFORMANCES REFERENCES	Open /closed
Nhận xét	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	2	OB-SC21/OB-SC22	Đóng

Lỗi nhẹ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	17 04	NC-EV1/NC-EV2/NC-EV3/NC-EV4/NC-EV5/NC-EV6/NC-EV7/NC-EV9/NC-EV10/NC-EV11/NC-SC12/NC-SC14/NC-SC15/NC-SC16/NC-SC17/NC-SC19/NC-SC20/ NC-EVa1-new/ NC-EVa2-new/ NC-EVa3-new/ NC-SCa4-new	Đóng Mở
Lỗi nặng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	3	NC-EV8/NC-EV13/NC-SC18	Đóng
Tổng kết hiện trạng thực tế trang trại	Tất cả các điểm không phù hợp BVC phát hiện tại Farm ngày 27-29/08/2012 đã được đóng, còn 04 điểm không phù hợp nhỏ BVC phát hiện 23,24/11/2012, farm đã báo cáo phân tích nguyên nhân và đề xuất kế hoạch khắc phục, phòng ngừa, BVC đã xem xét và đồng ý báo cáo kế hoạch khắc phục, tuy nhiên các điểm không phù hợp nhỏ này vẫn để trạng thái mở và sẽ được kiểm tra thực tế vào đợt đánh giá giám sát vào năm sau.					
Hiện trạng chứng nhận của đơn vị được đánh giá	ĐÁNH GIÁ LẦN ĐẦU - CHƯA ĐƯỢC CHỨNG NHẬN					
<u>Đánh giá kết quả:</u>						
Xem chi tiết kết quả đánh giá trong tập tin đính kèm						
<u>Xác nhận tiếp tục CoC</u>						
<u>Xác định các sản phẩm nuôi trồng thủy sản đủ điều kiện để tiếp tục chuỗi hàng trình Chains of Custody</u>						
Đánh giá của hệ thống theo dõi, truy tìm và sự phân biệt trong hoạt động nuôi trồng thủy sản là đủ để đảm bảo rằng tất cả các sản phẩm được xác định và bán có xác nhận của hoạt động nuôi trồng thủy sản có nguồn gốc từ các đơn vị chứng nhận chứng nhận						
Yêu cầu	Mức độ rủi ro			Nhận xét của đánh giá viên và bằng chứng.		
	Rủi ro thấp	Rủi ro trung bình	Rủi ro cao			
1. Hệ thống theo dõi, truy xuất và phân biệt giữa sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận.	X			Có một hệ thống rõ ràng cho việc theo dõi, truy xuất và phân biệt giữa sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận.		
2. Khả năng thay thế chứng sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận trước khi thu hoạch	X			Trang trại chỉ sản xuất một loại sản phẩm của sản phẩm và tất cả sản phẩm sẽ được chứng nhận		
3. Khả năng đưa sản phẩm từ bên ngoài vào trang trại được chứng nhận	X			Trang trại có hệ thống truy xuất nguồn gốc và lưu hồ sơ khá tốt. Rất khó để đưa một sản phẩm không được chứng nhận trộn lẫn với sản phẩm được chứng nhận.		
4. Mức độ hoàn thiện của hệ thống quản lý chất lượng.		X		Hệ thống quản lý chất lượng cần được cải thiện.		
5. Sử dụng phương tiện vận chuyển khi thu hoạch.	X			Khi thu hoạch, cá được vận chuyển sống đến nhà máy chế biến bằng ghe đục.		
6. Sử dụng nhà thầu phụ khi thu hoạch	X			Chỉ sử dụng nhà thầu phụ khi thu hoạch.		

Nhận xét của đánh giá viên	CÓ	KHÔNG	DIỄN GIẢI
Hệ thống quản lý đủ hiệu quả, các sản phẩm nuôi trồng thủy sản sau khi thu hoạch có thể đi tiếp chuỗi hành trình sản phẩm CoC và đủ điều kiện để dán nhãn ASC.	X		Hệ thống quản lý đủ hiệu quả.
Mô tả điểm của sự thay đổi quyền sở hữu sau khi chuỗi chứng nhận lưu ký là cần thiết	Phạm vi của giấy chứng nhận bao gồm việc nuôi và thu hoạch. Giấy chứng nhận CoC được yêu cầu từ người bán sản phẩm đến nhà máy chế biến. Chỉ có các sản phẩm chỉ được thu hoạch sau ngày cấp giấy chứng nhận được phê duyệt mang nhãn ASC.		
QUYẾT ĐỊNH CHỨNG NHẬN			
TRIỂN VỌNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN			
Hội đồng chứng nhận sẽ ra quyết định sau cùng ngay sau khi Bureau Veritas Certification được Công Nhận.			
Ngày cấp :			
Ngày hết hạn :			
Phạm vi chứng nhận :			
Danh sách các điểm không phù hợp cần được khắc phục :	Tất cả các điểm không phù hợp BVC phát hiện tại Farm ngày 27-29/08/2012 đã được đóng, còn 04 điểm không phù hợp nhỏ BVC phát hiện 23,24/11/2012, farm đã báo cáo phân tích nguyên nhân và đề xuất kế hoạch khắc phục, phòng ngừa, BVC đã xem xét và đồng ý báo cáo kế hoạch khắc phục, tuy nhiên các điểm không phù hợp nhỏ này vẫn để trạng thái mở và sẽ được kiểm tra thực tế vào đợt đánh giá giám sát vào năm sau.		
Chữ ký của khách hàng :			
Chữ ký của đánh giá viên :			
Báo cáo Không phù hợp			
<i>Xem báo cáo không phù hợp trong file đính kèm</i>			
Cam kết về Thông tin nhạy cảm liên quan đến kinh doanh trong báo cáo đánh giá			
<i>Báo cáo này không chứa phụ lục bí mật thông tin thương mại nhạy cảm. Bureau Veritas đã đồng ý nội dung của thông tin thương mại nhạy cảm với người nộp đơn.</i>			

AUDIT MANUAL - ASC Pangasius Standard
Created by the Pangasius Aquaculture Dialogue

Scope: *Pangasianodon hypophthalmus, Pangasius bocourti*

Lời nói đầu:
 Để xác định mức độ tuân thủ tiêu chuẩn ASC cho cá tra, Đánh giá viên cần kiểm tra thông tin hoàn tất của một kỳ nuôi trồng, hoặc trên một điểm thời gian cụ thể trong chu kỳ nuôi (ví dụ như thả giống) cho một số yêu cầu.
 Vì lý do này, trong lần đánh giá đầu tiên, trang trại cần lưu trữ dữ liệu đầy đủ ít nhất cho một hoặc nhiều chu kỳ nuôi cho mỗi trang trại tại thời điểm đánh giá.

Vì vậy, tại thời điểm đánh giá lần đầu:
 • Hộ Nuôi cá: phải có khả năng hiển thị đầy đủ hồ sơ (ví dụ như sử dụng thức ăn, tỷ lệ tử vong, vv...) ít nhất 1 chu kỳ cây trồng hoàn tất cho mỗi trang trại (tức là từ thả giống đến khi thu hoạch) và các thông tin có liên quan đến tất cả các hoạt động này: Hồ sơ con giống, hồ sơ quản lý nuôi trồng, hồ sơ thu hoạch, vv ...
 • Đánh giá viên: phải sử dụng các dữ liệu lưu trữ cho một vụ nuôi hoàn chỉnh của mỗi trang web để tính toán mức độ tuân thủ của các chuẩn mực có liên quan.

Áp dụng cho tất cả các yêu cầu liên quan trong Sổ tay hướng dẫn đánh giá:
 Hộ Nuôi cá: Tại lần đánh giá đầu tiên: dữ liệu của ít nhất 1 chu kỳ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi trang trại phải sẵn có để cung cấp dữ liệu cho đơn vị đánh giá.
 Đánh giá viên: Tại lần đánh giá đầu tiên: dữ liệu của ít nhất 1 chu kỳ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi trang trại phải được thẩm tra để xác định mức độ tuân thủ so với các yêu cầu.

COMMENTS -RAISONNE
 Chữ màu xanh: đánh giá lần đầu.
 Chữ màu đỏ: đánh giá bổ sung.

NGUYÊN TẮC 1. XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH TRANG TRẠI TUÂN THEO KHUNG LUẬT PHÁP CỦA CHÍNH QUYỀN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG C/NC/NA

1.1 Tiêu chí: Quy định quốc gia và địa phương

	Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):	Kiểm tra của đánh giá viên (Yêu cầu áp dụng đối với đơn vị đánh giá):			
1.1.1	Tiêu chuẩn: Sự hiện diện của tất cả các giấy phép thích hợp và đăng ký theo yêu cầu của chính quyền địa phương và quốc gia	a. Duy trì hồ sơ để chứng minh trang trại có tất cả các đăng ký theo yêu cầu của chính quyền địa phương và quốc gia.	A. Xác minh trang trại có tất cả các đăng ký theo yêu cầu của chính quyền địa phương và quốc gia.	C	Đất được thuê từ tỉnh Đồng Tháp. Có một hợp đồng cho thuê đất trong vòng 20 năm, ký ngày 01/11/ 2007 với tổng diện tích 20 ha cho cả hai vùng nuôi của Docfish.
	Yêu cầu: Có	b. Có giấy phép nuôi trồng thủy sản.	B. Kiểm tra giấy phép nuôi trồng thủy sản của trang trại	C	Có giấy đăng ký kinh doanh trong đó có nuôi trồng thủy sản.
	Áp dụng: Tất cả	c. Có giấy phép kinh doanh.	C. Kiểm tra giấy phép kinh doanh.	C	Giấy phép Kinh Doanh số 1400480183 do Phòng Kinh doanh Đồng Tháp cấp lần đầu vào ngày 08 Tháng Mười Hai 2008, sửa đổi ngày 29 tháng 5 năm 2009.
		d. Có các hợp đồng khác, giấy phép, hoặc giấy phép theo yêu cầu của chính quyền địa phương và quốc gia (xem 1.1.3 và 1.1.4).	D. Kiểm tra tình tuân thủ.	C	Không yêu cầu các giấy phép khác.
1.1.2	Tiêu chuẩn: Sự hiện diện của các tài liệu chứng minh phù hợp với pháp luật về thuế	a. Duy trì hồ sơ và nộp thuế cho cơ quan thích hợp (ví dụ như thuế sử dụng đất, thuế nước sử dụng thuế, thuế thu nhập) trong 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, trang trại phải lưu hồ sơ > 6 tháng	E. Xác minh khách hàng có hồ sơ và nộp thuế cho cơ quan chức năng. [Chú ý: Đối với hệ thống tích hợp, thuế chỉ có thể áp dụng ở mức độ chế biến. Tuy nhiên khách hàng phải có bằng chứng nộp thuế]	C	Trang trại có thanh toán tiền thuế đất một lần mỗi năm, thanh toán 2011 được thực hiện vào cuối năm.
	Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	b. Giữ cập nhật thông tin về pháp luật thuế áp dụng theo quy của các cấp thẩm quyền đối với các trang trại đang hoạt động	B. Xác nhận khách hàng có thông tin pháp luật về thuế hiện tại và một sự hiểu biết cơ bản các yêu cầu về thuế.	C	Kiểm tra lệ phí đất: có hóa đơn thanh toán cho năm 2011.
1.1.3	Tiêu chuẩn: Sự hiện diện của tài liệu chứng minh việc tuân thủ xả nước thích hợp (bao gồm cả nước thải) quy định	Hướng dẫn áp dụng cho yêu cầu 1.1.3 - Tuân thủ Quy định xả nước Chỉ số 1.1.3 yêu cầu các trang trại phải áp dụng phù hợp với tất cả các quy định về xả nước ở cấp địa phương và quốc gia. Nếu các cơ quan quản lý có thẩm quyền đã áp đặt giới hạn về xả nước thải trang trại (tức là bằng cách phát hành giấy phép xả nước hoặc cơ chế so sánh khác) là trách nhiệm của các hộ nuôi cá để chứng minh sự tuân thủ. Bốn loại bằng chứng được chấp nhận: a. Tuyên bố của một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025 xác nhận nhân viên của họ đã thu thập các mẫu nước tại điểm xả thải. b. Kết quả thử nghiệm nước từ một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025; c. Văn bản pháp luật có liên quan chứng minh sự tuân thủ; d. Tuyên bố từ chính quyền địa phương có thẩm quyền về chất lượng nước và năng lực để kiểm tra các thông số chất lượng nước chứng minh tính tuân thủ. Có quy định yêu cầu giám sát việc xả nước trang trại, giám sát được tiến hành hàng năm (tối thiểu) hoặc thường xuyên hơn nếu có yêu cầu theo quy định của địa phương hoặc quốc gia. Nếu không có đủ bằng chứng cho thấy rằng trang trại phù hợp với các quy định về xả nước thì đánh giá viên sẽ ghi nhận một điểm không phù hợp. Lưu ý 1: Tiêu chuẩn ASC đã tái củng cố định tiêu chí đối với một số thông số chất lượng nước. Tiêu chí này được thể hiện theo Nguyên tắc 3 dưới đây.			
	Yêu cầu: Có	a. Giấy xác nhận của một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025 cho thấy nhân viên của họ thu thập các mẫu nước tại điểm xả thải.	A. Xác minh việc tuân thủ. Nếu (b), (c) hoặc (d), sau đó nhập vào không áp dụng cho (a)	C	Có giấy xác nhận của một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025 cho thấy nhân viên của họ thu thập các mẫu nước tại điểm xả thải. Các mẫu được thu thập vào ngày 18 Tháng Bảy 2012 bởi "Trung Tâm quan trắc kỹ thuật Tài Nguyên và Môi Trường - tỉnh Đồng Tháp"
	Áp dụng: Ao	b. Có kết quả thử nghiệm nước từ một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025.	B. Xác minh việc tuân thủ. Nếu (a), (c) hoặc (d), sau đó nhập vào không áp dụng cho (b)	C	Mẫu nước đã được kiểm nghiệm bởi phòng thí nghiệm được công nhận tiêu chuẩn ISO 17025.
		c. Có văn bản quy phạm pháp luật chứng minh sự tuân thủ.	C. Xác minh việc tuân thủ. Nếu (a), (b) hoặc (d), sau đó nhập vào không áp dụng cho (c).	C	Áp dụng theo TT45/2010-BNNPTNT phát hành 22/07/2012/07/22, thử nghiệm đã được thực hiện hàng năm, kiểm tra kết quả cho thấy sự phù hợp.
		d. Các báo cáo từ các cơ quan địa phương có thẩm quyền về chất lượng nước và năng lực để kiểm tra các thông số chất lượng nước chứng minh tuân thủ.	D. Xác minh việc tuân thủ. Nếu (a), (b) hoặc (c), sau đó nhập vào không áp dụng cho (d).	C	Không áp dụng
1.1.4	Tiêu chuẩn: Sự hiện diện của các tài liệu chứng minh phù hợp với địa phương và quốc gia quy định của pháp luật về sử dụng đất và nước	a. Đối với ao, duy trì bản sao quyền sở hữu đất hoặc hợp đồng cho thuê ề. Đối với đăng quảng hoặc bè, duy trì giấy phép cho phép neo đậu bè hoặc đăng quảng tại vị trí được chỉ định.	A. Verify client has documents to show legal access to and use of land and water.	C	Xem 1.1.1
	Yêu cầu: Có	b. Obtain required permits to use and discharge water for the purposes of operating a farm. Comply with any and all permit restrictions stated therein (e.g. maximum capacity of production, water allocation volumes, etc).	B. Verify farm has obtained permits and complies with the terms.	C	Xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 19/07/2012: Không thu phí nước cấp và nước xả thải cho nuôi trồng thủy sản tại thời điểm hiện tại.

	Áp dụng: Tất cả	c. If the farm operates in a country and region with no permitting system for land and water use, provide documentary evidence (e.g. letter from authorities) attesting to this fact.	C. As applicable, review evidence to confirm that the farm does not need permits for land and water use in the country and region of operation.	C	Không áp dụng
NGUYÊN TẮC 2: CÁC TRANG TRẠI PHẢI ĐƯỢC TOA LẠC, THIẾT KẾ, XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ ĐỂ TRÁNH (HOẶC ÍT NHẤT LÀ GIẢM THIỂU) CÁC TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC LÊN MÔI TRƯỜNG VÀ NHỮNG NGƯỜI SỬ DỤNG KHÁC.					
2.1 Tiêu chí: Tuân thủ các kế hoạch - quy hoạch phát triển chính thống					
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):	Kiểm tra của đánh giá viên (Yêu cầu áp dụng đối với đơn vị đánh giá):		
2.1.1	Tiêu chuẩn: Trang trại (4) nằm trong khu vực đã được phê duyệt phát triển nuôi trồng thủy sản Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Cung cấp một bản đồ chi tiết của trang trại với ít nhất 4 tọa độ GPS. b. Cung cấp các kế hoạch chính thức để xác định phê duyệt khu vực phát triển nuôi trồng thủy sản phát triển. Nếu có không có, cần có một tuyên bố từ các cơ quan có thẩm quyền xác nhận. c. Xác nhận Trang trại nằm trong một khu vực đã được phê duyệt cho nuôi trồng thủy sản, sử dụng bằng chứng từ bản đồ hoặc danh sách các địa điểm chính thức.	A. Đánh giá bản đồ để xác nhận vị trí trang trại và chính xác tọa độ GPS. Nếu có thể, xác minh thông tin không gian bằng cách sử dụng Google Map, hình ảnh truyền hình vệ tinh hoặc các phương tiện tương tự. B. Đánh giá bản đồ quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản địa phương. Nếu không có bản đồ quy hoạch, cần chứng minh rằng nước và địa phương khu vực trang trại tọa lạc không có phê duyệt khu vực phát triển nuôi trồng thủy sản. C. Xác minh trang trại nằm ở khu vực được chấp thuận nuôi trồng thủy sản. Nếu không có các quy hoạch này, đánh giá viên trả lời là 'không áp dụng'.	C C C	* Tọa độ GPS của trang trại số 1: 10°18'1.04"N; 105°48'20.99" E 10°18'7.28"N; 105°48'21.91"E 10°18'7.62"N; 105°48'48.61"E 10°18'5.93"N; 105°48'48.81"E * Tọa độ GPS của trang trại số 6: 10°22'12.09"N; 105°43'35.31"E 10°22'11.07"N; 105°43'33.97"E 10°22'23.59"N; 105°43'29.39"E 10°22'21.55"N; 105°43'23.83"E Đã có tuyên bố từ tỉnh Đồng Tháp, giấy đăng ký số 286/UBND-HC ngày 22/07/2009 rằng hai trang trại này được nằm trong khu vực phát triển Nuôi trồng thủy sản. Xem 2.2.1.b
Ghi chú	[4] Pond, lồng và đăng quảng trên loại hình nuôi cá của trang trại				
2.2 Tiêu chí: Chuyển đổi các hệ sinh thái tự nhiên					
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):	Kiểm tra của đánh giá viên (Yêu cầu áp dụng đối với đơn vị đánh giá):		
2.2.1	Tiêu chuẩn: Đối với ao [5], bằng chứng [6] chỉ có đất đã được phân bổ cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong 10 năm trước khi được sử dụng để phát triển ao mới hoặc mở rộng cho trang trại Yêu cầu: Có Áp dụng: Ao được thành lập sau ngày 31 Tháng Tám 2010	a. Cung cấp một bản tuyên bố xác định tháng và năm xây dựng trang trại, và ghi rõ ngày tháng của bất kỳ mở rộng trang trại tiếp theo. b. Nếu trang trại (hoặc bất kỳ bản mở rộng của nó) đã được xây dựng sau ngày 31 Tháng Tám năm 2010, cần có một tuyên bố / bản đồ sử dụng đất lịch sử từ một tổ chức của chính phủ chỉ ra rằng đất nông nghiệp hoặc đất nuôi trồng thủy sản trong 10 năm trước khi xây dựng của họ. -	A. Xác minh tờ khai cho nông xây dựng trang trại và bất kỳ mở rộng tiếp theo. Xác định bất kỳ ao được thành lập sau ngày 31 tháng 8 năm 2010. B. Đánh giá bằng chứng từ các tổ chức chính phủ. Trường hợp bản đồ sử dụng đất hoặc thông tin không gian được cung cấp, qua kiểm tra đối với bản đồ của trang trại (xem 2.2.1). C. Xác minh tính chính xác của (a) và (b) trên đây trong các cuộc phỏng vấn với các thành viên trong cộng đồng địa phương để xác nhận không có bằng chứng cho việc chuyển đổi các vùng đất ngập nước, hệ sinh thái nào khác (khác với nông nghiệp hoặc đất nuôi trồng thủy sản) là áp dụng theo tiêu chí 2.2.1.	C C C	* Farm 1: Farm hợp đồng xây dựng với Công ty Hồng Phát vào ngày 01/10/2009 đến 15/03/2010. * Trang trại 6: có hợp đồng xây dựng với công ty Tấn Tài 08/10/2008, thanh lý hợp đồng 09/12/2009. Kiểm tra bản đồ phục hồi đất, bản đồ xây dựng trang trại và bản đồ hiện tại: tất cả các thông tin chính xác. Phỏng vấn cộng đồng dân cư liên hệ trang trại: trang trại đã được xây dựng cách đây 3-4 năm
Ghi chú	[5] Đối với ao được thành lập sau khi công bố các tiêu chuẩn PAD.				
Ghi chú	[6] Từ các tổ chức chính phủ.				
2.2.2	Tiêu chuẩn: Bằng chứng đóng góp ít nhất là 0,50 USD cho mỗi tấn cá được sản xuất đã được trả vào quỹ phục hồi môi trường và xã hội [7] hàng năm Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Giữ thư có chữ ký đến ASC, cam kết trả tiền đóng góp vào quỹ cho tất cả các loại cá được chứng nhận thu hoạch từ ngày chứng nhận lần đầu. b. Giữ lại Xác nhận từ ASC cho thấy lá thư có chữ ký trang trại đã được nhận. c. Giữ lại bằng chứng của tất cả các khoản thanh toán đã được thực hiện vào quỹ.	A. Xác minh trang trại đã ký một lá thư nói cam kết đóng góp vào quỹ. B. Xác minh bằng chứng cho thấy ASC đã nhận được lá thư. C. Xác minh trang trại đã thực hiện các thanh toán vào quỹ. Ngay sau khi ASC đã thiết lập quỹ, thông tin này sẽ được đăng trên trang web của ASC.	C NC --> Đồng C	Có thư Cam kết đóng góp 0.5 USD / tấn cá cho "Quỹ ASC" sau khi trang trại được chứng nhận, ký bởi Tổng Giám đốc DOCIFISH NGAY 10/10/2011. Không có bằng chứng thư xác nhận từ ASC. --> 10/10/2012 kiểm tra thư xác nhận của ASC ngày 09/10/2012 xác nhận đã nhận được thư cam kết đóng góp ít nhất là 0,50 USD cho mỗi tấn cá được sản xuất đã được trả vào quỹ phục hồi môi trường và xã hội. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực. Không áp dụng, Quỹ chưa thiết lập
Ghi chú	[7] Được xác định bởi Hội đồng Nuôi trồng thủy sản Stewardship Council (ASC). Nếu một quy cơ ư được tạo ra và được công nhận bởi ASC tại thời điểm đánh giá, yêu cầu 2.2.2 sẽ không được xem xét.				
2.2.3	Tiêu chuẩn: Bằng chứng [8] rằng đất không được thoái ra các thủy vực nước thông thường [9] Yêu cầu: Có Áp dụng: Ao được thành lập sau ngày 31 Tháng Tám 2010	a. Cung cấp một tuyên bố nói rằng các trang trại đã không thải đất vào các vực nước thông thường sau ngày 31 tháng tám năm 2010. b. Đối với hoạt động xây dựng được liệt kê trong 2.2.1.a liên quan đến vận chuyển đất và xây ra sau ngày 31 Tháng 8 năm 2010, cung cấp một tuyên bố chỉ ra nơi mà đất đã được chuyển đến hoặc làm thế nào nó đã được xử lý. -	A. Xác minh trang trại đã đưa ra tuyên bố. B. Xem xét danh sách các hoạt động xây dựng, phương tiện xử lý đất. C. Trong các cuộc phỏng vấn cộng đồng địa phương, xác minh không có bằng chứng rằng các trang trại đã thải đất thải vào nguồn nước chung.	C C C	Không áp dụng, ao đã được thành lập trước ngày 31 tháng 8 năm 2010 - Không áp dụng, ao đã được thành lập trước ngày 31 tháng 8 năm 2010. - Hợp đồng xây dựng chỉ ra rằng đất từ hoạt động xây dựng ao sẽ được sử dụng để làm hệ thống đê bao. Phỏng vấn cộng đồng: Trang trại không thải đất ra các nguồn nước tự nhiên trong quá trình xây dựng.
Ghi chú	[8] Đối với ao được thành lập sau khi công bố các tiêu chuẩn PAD.				

Ghi chú		[9] Ngoại trừ xả thải vào các vực nước thuộc trang trại và không có tác động tiêu cực đến người sử dụng tài nguyên nước khác.			
2.2.4	Tiêu chuẩn: Bằng chứng [10] không có tác động tiêu cực đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng [11] Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a.Thực hiện tìm kiếm của các xuất bản (ví dụ như địa phương báo, tạp chí) và đối chiếu tài liệu để xác định các loài nguy cấp hiện diện trong khu vực.	A. Đánh giá kết quả tìm kiếm đầy đủ và hoàn chỉnh	C	Có Báo cáo khoa học thực hiện bởi Đại học Cần Thơ về "Nhận diện các loài nguy cơ tuyệt chủng / IUCN danh sách đỏ tại trang trại số 1 & trang trại số 6 của Docifish "với nội dung bao gồm: - Xác định các loài có nguy cơ tuyệt chủng có thể xuất hiện tại khu vực trang trại so sánh với danh sách của IUCN. - Đánh giá rủi ro cho tất cả các thực hành nông nghiệp tại trang trại có thể làm nguy hiểm cho các loài này. - Áp dụng thực hành canh tác mới để không có tác động tiêu cực đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng / IUCN".
		b.Xác định xem có bất kỳ loài nào xuất hiện trong khu vực được liệt kê như là loài đang bị đe dọa tuyệt chủng bởi các cơ quan có thẩm quyền quốc gia.	B. Xem xét nguồn gốc và tính chính xác của danh sách.	C	Nguồn gốc và danh sách chính xác.
		c. Chuẩn bị một danh sách của tất cả các loài có nguy cơ tuyệt chủng xảy ra trong khu vực bằng cách kết hợp các kết quả từ 2.2.4 (a) và 2.2.4 (b) với kết quả từ việc tìm kiếm cơ sở dữ liệu của IUCN (xem 6.6.2).	C. Đánh giá danh sách cho đầy đủ. So sánh với kết quả từ tìm kiếm cơ sở dữ liệu cho các loài danh sách đỏ IUCN (xem 6.6.2).	C	Có danh sách của một số loài có nguy cơ tuyệt chủng, có khả năng hiện diện trong khu vực trang trại. So sánh với kết quả của việc tìm kiếm cơ sở dữ liệu của IUCN: kết quả phù hợp.
		d.Chuẩn bị các thủ tục bằng văn bản mô tả làm thế nào trang trại tránh tác động tiêu cực đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng có thể xảy ra trên trang trại.	D. Đánh giá tính đầy đủ của thủ tục.	C	Thủ tục sẵn có và đầy đủ.
		-	E. Trong các cuộc phỏng vấn cộng đồng địa phương, xác minh không có bằng chứng cho thấy: - Các trang trại hiện nay có tác động tiêu cực đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng - Các trang trại gần đây đã không có tác động tiêu cực (kể từ tháng 8 năm 2010).	C	Phỏng vấn cộng đồng: - Các trang trại hiện nay không có tác động tiêu cực đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng - Các trang trại gần đây đã không có tác động tiêu cực (kể từ tháng 8 năm 2010).
Ghi chú		[10] Hồ nuôi phải nộp kết quả của một tìm kiếm của xuất bản (ví dụ như báo địa phương, tạp chí) và đối chiếu tài liệu. Báo cáo từ các cộng đồng địa phương và các tổ chức cũng sẽ được sản xuất.			
Ghi chú		[11] Được thiết lập bởi cơ quan chức năng IUCN và quốc gia.			
2.3 Tiêu chí: Sự kết nối, lưu thông giữa các địa điểm					
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):	Kiểm tra của đánh giá viên (Yêu cầu áp dụng đối với đơn vị đánh giá):		
2.3.1	Tiêu chuẩn: Trang trại không cản trở giao thông, di chuyển của các loài thủy sản và chuyển động của nước	a.Chứng thực của cộng đồng hoặc bằng chứng tương tự để chứng minh các trang trại không cản trở giao thông, di chuyển của thủy sản và chuyển động của nước.	A. Kiểm tra trang trại thực tế xác minh rằng đường, bè và / hoặc cấu trúc trang trại liên kết không cản trở giao thông, thủy sản, chuyển động của nước.	NA	Không áp dụng. Ao
	Yêu cầu: Có Áp dụng: Bè và Đãng Quăng	-	B. Trong các cuộc phỏng vấn cộng đồng địa phương, xác minh không có bằng chứng cho thấy nông trại cản trở chuyển hướng, thủy sản, chuyển động của nước.	NA	Không áp dụng. Ao
2.3.2	Tiêu chuẩn: Chiều rộng tối thiểu của mặt nước [15] không có lồng/bè (xem Sơ đồ 1, Phụ lục C)	a.Cung cấp một bản đồ hoặc sơ đồ đo lồng và chiều rộng của mặt nước.	A. Kiểm tra chéo bản đồ trang trại hoặc sơ đồ hiện tại bằng cách sử dụng Google Map, hình ảnh vệ tinh hoặc các phương tiện tương tự (nếu có thông tin chi tiết). Nếu bố trí trang trại hiện nay khác với hình ảnh có sẵn gần đây nhất, xác minh rằng bản đồ hoặc sơ đồ phản ánh cách bố trí trang trại thực tế.	NA	Không áp dụng. Ao
	Yêu cầu: ≥ 50% Áp dụng: Bè	b.Cung cấp các phép đo và tính toán đủ để hiển thị tuân thủ (xem Sơ đồ 1 từ Phụ lục C của tra tiêu chuẩn ASC)	B. Xác minh rằng các tính toán chính xác và xác nhận tuân thủ.	NA	Không áp dụng. Ao
Ghi chú		[15] Mặt nước: Bất kỳ ao, hồ, kênh, sông, suối hoặc bất kỳ, thuộc về chính phủ hay tư nhân, bao gồm cả các vùng vịnh và bờ biển.			
2.3.3	Tiêu chuẩn: bề rộng tối đa của 1 trại nuôi có thể chiếm được tính toán tại thời điểm mực nước/bề rộng của thủy vực là nhỏ nhất(xem biểu đồ 2, phụ lục C)	a. Cung cấp 1 bản đồ hoặc biểu đồ thể hiện kích thước các đăng quăng và chiều rộng thủy vực	A. Kiểm tra chéo độ chính xác bản đồ và biểu đồ trang trại sử dụng bản đồ trên google, những hình ảnh trên vệ tinh hoặc những phương tiện tương tự(nếu những thông tin chi tiết thể hiện)	NA	Không áp dụng. Ao
	Yêu cầu: ≤ 20% chiều rộng thủy vực	b. Cung cấp kích thước và cách tính nhằm thỏa mãn yêu cầu tiêu chuẩn(xem biểu đồ 2 phụ lục C tiêu chuẩn ASC)	B. Xác định phương pháp tính chính xác và xác nhận sự thỏa mãn yêu cầu tiêu chuẩn	NA	Không áp dụng. Ao
	Áp dụng: các đăng quăng	-	C. Kiểm tra các địa điểm để xác nhận biểu đồ của trại thể hiện 1 cách chính xác về kích thước và vị trí các đăng quăng trong thủy vực	NA	Không áp dụng. Ao
2.3.4	Tiêu chuẩn: số lượng tối đa các đăng quăng kề nhau được phép (xem biểu đồ 2, phụ lục C)	a. Cung cấp 1 bản đồ hoặc biểu đồ thể hiện kích thước, số lượng các đăng quăng và khoảng cách giữa chúng.	A. Kiểm tra các địa điểm để xác nhận biểu đồ của trại thể hiện một cách chính xác về kích thước và vị trí các đăng quăng và khoảng cách đất giữa các đăng quăng	NA	Không áp dụng. Ao
	Yêu cầu: hai và chỉ khi một đoạn bờ sông còn lại có chiều bằng 02 đăng mà không canh tác 2 bên bờ sông Áp dụng: các đăng quăng	b. Trên bản đồ, thể hiện sự sắp xếp các đăng quăng thỏa mãn với yêu cầu tiêu chuẩn về số lượng và khoảng cách các đăng quăng kề nhau (xem biểu đồ 2, phụ lục C).	B. Kiểm tra việc sắp xếp của trại của các đăng quăng thỏa mãn yêu cầu tiêu chuẩn.	NA	Không áp dụng. Ao
2.4 Tiêu chí: sử dụng nước					
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):	Kiểm tra của đánh giá viên (Yêu cầu áp dụng đối với đơn vị đánh giá):		
		a. Báo cáo ghi nhận lượng nước lấy vào. Báo cáo của đánh giá lần đầu phải bao quát đầy đủ ít nhất 1 vụ thu hoạch cho mỗi 1 địa điểm.	A. Kiểm tra việc lưu trữ các hồ sơ hoàn chỉnh của lượng nước lấy vào.	C	Farm had record of water abstracted daily for individual pond & calculated for each harvesting pond.

2.4.1	<p>Tiêu chuẩn: Trại nuôi tuân thủ giới hạn phân phối nước quy định bởi chính quyền địa phương (16) hoặc một tổ chức độc lập có uy tín(17)</p> <p>Yêu cầu: có</p> <p>Áp dụng: ao</p>	<p>b. Có được một tuyên bố từ chính quyền địa phương cho biết các giới hạn phân phối nước (đơn vị nhất định) cho trang trại. Nếu chính quyền địa phương không đặt giới hạn phân phối nước cho các trang trại hoạt động trong khu vực, có được một tuyên bố từ chính quyền địa phương xác nhận thực tế này.</p>	<p>B. Xem các giới hạn phân bổ nước cho trang trại của chính quyền địa phương. Nếu chính quyền địa phương không đặt ra giới hạn phân bổ nước, xác nhận trang trại có một xác nhận.</p>	C	Xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 19/07/2012: Không thu phí nước cấp và nước xả thải cho nuôi trồng thủy sản tại thời điểm hiện tại.
		<p>c. Nếu giới hạn phân bổ nước không phải do chính quyền địa phương (xem 2.4.1b), có được một tuyên bố từ một tổ chức độc lập có uy tín (xem chú thích 17) cho thấy các giới hạn phân phối nước (đơn vị nhất định) cho trang trại</p>	<p>C. Xem xét bằng chứng giới hạn phân phối nước được qui định bởi tổ chức độc lập có uy tín</p>	C	Xem 2.4.1.b
		<p>d. Chứng minh sự uy tín của tổ chức được xác định trong điều 2.4.1(b) bằng cách cung cấp những bài viết hoặc những báo cáo về giới hạn phân phối nước.</p>	<p>D. Xem xét bằng chứng sự uy tín về trách nhiệm của tổ chức cho việc giới hạn phân phối nước</p>	C	Xem 2.4.1.b
		<p>e. Tính toán điểm lấy nước vào trại trên từng mùa vụ chứng minh sự thảo mãn yêu cầu giới hạn phân phối nước tối thiểu.</p>	<p>E. Kiểm tra lượng nước của trang trại so với giới hạn phân bổ nước. Xác minh sự tuân thủ với các giới hạn được thiết lập bởi chính quyền địa phương. Kiểm tra chéo với các giá trị được báo cáo cho tổng lượng nước cho phép (xem 2.4.2).</p>	C	Kiểm tra các số liệu: phù hợp.
		Footnote	<p>[16] Valid for both surface water and groundwater. Surface water is defined as "water collecting on the ground or in a stream, river, lake, wetland or ocean." Groundwater is defined as "water beneath the earth's surface that supplies wells and springs." Note the term "surface water" is used here in place of the original term "surficial water" that appeared in the Pangasius Aquaculture Dialogue Standards.</p>		
Footnote	<p>[17] A reputable independent institution can be a government organization, an academic institution or an organization that is not linked specifically to the aquaculture sector, but has generated water use parameters for the region, or is responsible for water allocation. Reputability of the institution shall be demonstrated by the farmer showing peer reviewed articles and/or reports on water allocation. Documents produced for a sector other</p>				
2.4.2	<p>Tiêu chuẩn: Đối với các ao, tỉ lệ tối đa của lượng nước sử dụng (không phải lượng nước tiêu thụ) trên một tấn cá được sản xuất. Tính lượng sử dụng bằng công thức trong phụ lục D.</p> <p>Yêu cầu: 5,000 m³/ tấn cá được sản xuất</p> <p>Áp dụng: Ao</p>	<p>Hướng dẫn cho khách hàng của Chỉ số 2.4.2 - Tính toán Tỷ lệ nước Tổng số tóm tắt cho mỗi tấn cá được sản xuất Phụ lục D của cả tra tiêu chuẩn ASC cung cấp một công thức để tính toán "Q" là tỷ lệ của tổng lượng nước lấy vào cho mỗi tấn cá được sản xuất. Trang trại phải thực hiện những tính toán này bằng cách sử dụng dữ liệu thu hoạch từ mỗi ao và sau đó sử dụng các kết quả để xác định một số liệu trung bình trên tất cả các ao của trang trại. Tính toán có thể được thực hiện như mô tả ở đây. Đối với ao đầu tiên: - Tính toán tổng lượng nước lấy vào ("TEV") theo mét khối (m³) trong chu kỳ sản xuất; - Tính tổng trọng lượng của cá được sản xuất ("A") trong tấn tại thời điểm thu hoạch; - Tính toán Q ao đầu tiên sử dụng các phương trình: Q = TEV / A Lặp lại việc tính toán cho ao ao thứ hai thứ ba, ... v cho đến khi Q đã được xác định cho từng ao đã được thu hoạch. Sử dụng các giá trị Q từ mỗi ao (Q1, Q2, Q3 ... Qn) để tính toán mức trung bình toàn trang trại, hoặc Qavg.</p>	<p>A. Xem xét lại cách tính dựa trên hồ sơ điểm lấy nước để đảm bảo tính chính xác</p>	C	<ul style="list-style-type: none"> * Có ghi nhận lượng nước lấy vào hàng ngày cho tất cả các ao. * Farm 1: có 9 ao thu hoạch trong ao tổng số 10 * Farm 6: có 1 ao thu hoạch trong ao 1 tổng số
		<p>b. Duy trì hồ sơ thể hiện sản lượng cá thu hoạch cá thu hoạch cá theo từng trại.</p>	<p>B. Kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ của trại thể hiện sản lượng cá thu hoạch</p>	C	<ul style="list-style-type: none"> Có biên nhận thu hoạch cá cho các ao đã thu hoạch với thời gian và số lượng thu hoạch.
		<p>c. Tính tổng trọng lượng cá thu hoạch của mỗi ao theo đơn vị tấn.</p>	<p>C. Xem xét lại công thức tính dựa vào lượng cá thu hoạch và lượng cá theo ước tính để xác nhận độ chính xác. Nếu cần thiết, sẽ cần đối to àn bộ với cân nặng cá thu hoạch nhưng không để bán.</p>	NC-> Đồng	<ul style="list-style-type: none"> * Farm 1: Không có tính toán sản lượng cá thu hoạch theo tấn (chỉ tính toán theo Kg) -> 19/10/2012: phỏng vấn kỹ thuật viên cách tính và kiểm tra kết quả tính lượng nước sử dụng trên một tấn cá được sản xuất, kiểm tra mẫu cho ao 6;9 trại 1 kết quả đạt. Điểm không phù hợp này được đồng với hành động hiệu lực. * Farm 6: phù hợp
		<p>d. Với mỗi ao, cách tính tỉ lệ của tất cả lượng nước sử dụng trên 1 tấn cá được sản xuất (xem hướng dẫn trong Phụ lục D).</p>	<p>D. Xem xét lại độ chính xác của công thức tính. Kiểm tra chéo lượng nước và trọng lượng vụ thu hoạch của những ao riêng để có thể điều chỉnh với tổng sản lượng hằng năm</p>	NC-> Đồng	<ul style="list-style-type: none"> * Farm 1: có tính lượng nước lấy vào cho mỗi tấn cá được sản xuất, nhưng kết quả là sai bởi vì sản lượng cá sử dụng để tính toán đơn vị tính là kg (thay vì tấn). -> 19/10/2012: phỏng vấn kỹ thuật viên cách tính và kiểm tra kết quả tính lượng nước sử dụng trên một tấn cá được sản xuất, kiểm tra mẫu cho ao 6;9 trại 1 kết quả đạt. Điểm không phù hợp này được đồng với hành động hiệu lực. * Farm 6: phù hợp
		<p>e. Sử dụng kết quả của những ao thu hoạch, tính tỉ lệ trung bình cho toàn trang trại với tổng nước sử dụng cho mỗi tấn cá</p>	<p>E. Xác nhận mức trung bình của trang trại Q ≤ 5.000 m³/metric tấn cá được sản xuất</p>	NC-> Đồng	<ul style="list-style-type: none"> * Farm 1: Sai công thức tính toán, xem 2.4.2. c & d -> 19/10/2012: phỏng vấn kỹ thuật viên cách tính và kiểm tra kết quả tính lượng nước sử dụng trên một tấn cá được sản xuất, kiểm tra mẫu cho ao 6;9 trại 1 kết quả đạt. Điểm không phù hợp này được đồng với hành động hiệu lực. * Farm 6: phù hợp
Footnote	<p>[18] Water abstracted is water removed from the water body and introduced into the farm. It includes both surficial water and groundwater.</p>				
<p>NGUYÊN TẮC 3. GIẢM TỐI ĐA TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA NUÔI CÁ TRẠI /BA SA ĐỐI VỚI CÁC NGUỒN LỢI ĐẤT VÀ NƯỚC</p>					
<p>3.1 Tiêu chí: Hiệu suất sử dụng dinh dưỡng</p>					
Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):			Kiểm tra của đánh giá viên (Yêu cầu áp dụng đối với đơn vị đánh giá):		

3.1.1	<p>Tiêu chuẩn: Tối đa lượng photpho(TP)(19) trong thức ăn trên 1 tấn cá sản xuất được</p> <p>Yêu cầu: 20 kg/ tấn</p> <p>Áp dụng: lồng và đăng quảng</p>	<p>Hướng dẫn cho khách hàng cho các chỉ số 3.1.1 và 3.1.2 - Phòng thí nghiệm Phân tích của TP và TN trong thức ăn</p> <p>Để chứng minh sự tuân thủ với Chỉ số 3.1.1 và 3.1.2, các trang trại phải có khả năng để thiết lập số lượng photpho tổng số (TP) và nitơ tổng số (TN) trong thức ăn. Trang trại được lấy từ mỗi của các nhà cung cấp thức ăn của họ một tuyên bố nếu rở TP tối đa và nội dung TN. Các trang trại sau đó tiến hành xác minh kê khai nhà cung cấp bằng cách kiểm tra một số đại diện của lô (ví dụ nh 1 mẫu cho mỗi 1.000 tấn của một nguồn cấp dữ liệu đ ược sử dụng) cho TP và TN nội dung. Việc đo kiểm phải được thực hiện bởi một phòng thí nghiệm độc lập hoàn toàn được công nhận để thực hiện các phân tích ph ù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025. Kết quả sẽ hiển thị các tờ khai được thực hiện bởi các nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi là chính xác và rằng thức ăn là trong giới hạn quy định trong tuyên bố. Trang trại phải chứng minh sự tuân thủ tất cả các nguồn cấp dữ liệu đ ược sử dụng trong các loại cây trồng đ ược bao gồm trong tính toán, bất kể cho dù những thức ăn đ ược trang trại tạo hoặc thương mại có nguồn gốc. Tất cả các tính toán phải đ ược thực hiện trên cơ sở cây trồng vụ.</p> <p>Ghi chú 1: Đối với kiểm toán đầu tiên, trang trại không bắt buộc phải kiểm tra nội dung TP v à TN các nguồn cấp dữ liệu bằng cách sử dụng một ph òng thí nghiệm độc lập.</p> <p>Lưu ý 2: nguồn cấp dữ liệu đề cập đến tất cả các mặt hàng thức ăn hoặc thức ăn chăn nuôi, bất kể ở đầu hoặc l àm thể nào chúng đ ược sản xuất, và áp dụng cho tất cả các trang trại đang tìm kiếm chứng nhận.</p>	<p>a. Duy trì hồ sơ thể hiện từng loại và lượng thức ăn sử dụng. Yêu cầu này áp dụng với tất cả loại thức ăn sử dụng trong mùa vụ đã đ ược tính toán. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh cho mỗi đại điểm.</p> <p>b. Đã công bố thành phần TP liên quan của các nhà cung ứng thức ăn sử dụng trong mùa vụ đã đ ược tính toán. Đánh giá lần đầu, hồ s ơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm.</p> <p>c. Cung cấp bằng chứng trang trại đã bốc mẫu kiểm tra thành phần TP để xác nhận việc công bố của những nhà cung cấp là chính xác và thức ăn là yêu cầu tối thiểu trong công bố</p> <p>d. Sử dụng kết quả của 3.1.1 và 3.1.1b để tính toán lượng TP bằng kg thêm vào cho mỗi...Đánh giá lần đầu, hồ s ơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm.</p> <p>e. Sử dụng tổng trọng lượng cá sản xuất , tính toán lượng photpho thêm vào thức ăn cho mỗi tấn cá . Đánh giá lần đầu, hồ s ơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm.</p>	<p>A. Xác nhận hồ sơ về thức ăn của trang trại hoàn chỉnh và chính xác.</p> <p>B. Kiểm tra trang trại đã nắm rõ công bố của thành phần TP trong thức ăn.</p> <p>C. Xem xét lại bằng chứng xác nhận trang trại đã kiểm tra thành phần TP đ ược báo cáo 1 cách chính xác bởi những nhà cung cấp thức ăn</p> <p>D. Xem xét lại công thức tính của trại. Kiểm tra chéo hồ s ơ mua hàng đ ưa trên số lượng thức ăn báo cáo của trại</p> <p>E. Xem xét lại công thức tính toán để xác nhận trang trại thỏa m ãn với yêu cầu tiêu chuẩn</p>	<p>NA</p> <p>NA</p> <p>NA</p> <p>NA</p> <p>NA</p>	<p>Không áp dụng. Ao</p> <p>Không áp dụng. Ao</p> <p>Không áp dụng. Ao</p> <p>Không áp dụng. Ao</p> <p>Không áp dụng. Ao</p>
Footnote	[19] TP includes all forms of phosphorus found in the sample (Adapted from Australian Government, Department of Meteorology).					
3.1.2	<p>Tiêu chuẩn: Lượng nitơ tổng tối đa trong thức ăn trên 1 tấn cá sản xuất đ ược</p> <p>Yêu cầu: 70kg/tấn</p> <p>Áp dụng: lồng và đăng quảng</p>	<p>Note: see instructions for indicator 3.1.1</p> <p>a. Duy trì hồ sơ thể hiện từng loại và lượng thức ăn sử dụng. Yêu cầu này áp dụng với tất cả loại thức ăn sử dụng trong mùa vụ đã đ ược tính toán. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh cho mỗi đại điểm.</p> <p>b. Đã công bố thành phần TN liên quan của các nhà cung ứng thức ăn sử dụng trong mùa vụ đã đ ược tính toán. Đánh giá lần đầu, hồ s ơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm.</p> <p>c. Cung cấp bằng chứng trang trại đã bốc mẫu kiểm tra thành phần TN để xác nhận việc công bố của những nhà cung cấp là chính xác và thức ăn là yêu cầu tối thiểu trong công bố</p> <p>d. Sử dụng kết quả của 3.1.1 và 3.1.1b để tính toán lượng TN bằng kg thêm vào cho mỗi...Đánh giá lần đầu, hồ s ơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm.</p> <p>e. Sử dụng tổng trọng lượng cá sản xuất , tính toán lượng nitơ thêm vào thức ăn cho mỗi tấn cá . Đánh giá lần đầu, hồ s ơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm.</p>	<p>A. Xác nhận hồ sơ về thức ăn của trang trại hoàn chỉnh và chính xác.</p> <p>B. Kiểm tra trang trại đã nắm rõ công bố của thành phần TN trong thức ăn.</p> <p>C. Xem xét lại bằng chứng xác nhận trang trại đã kiểm tra thành phần TN đ ược báo cáo 1 cách chính xác bởi những nhà cung cấp thức ăn</p> <p>D. Xem xét tính toán của trang trại. Kiểm tra chéo hồ s ơ mua so với số lượng thức ăn chăn nuôi báo cáo của trang trại.</p> <p>E. Xem xét lại công thức tính toán để xác nhận trang trại thỏa m ãn với yêu cầu tiêu chuẩn</p>	<p>NA</p> <p>NA</p> <p>NA</p> <p>NA</p> <p>NA</p>	<p>Không áp dụng. Ao</p> <p>Không áp dụng. Ao</p> <p>Không áp dụng. Ao</p> <p>Không áp dụng. Ao</p> <p>Không áp dụng. Ao</p>	
Footnote	[20] TN means the measure of all forms of nitrogen found in the sample, including nitrate, nitrite, ammonia N and organic forms of nitrogen (Australian Government, Department of Meteorology).					
Footnote	[21] Feed refers to all feeds or feed items, regardless of where or how they are produced, and applies to all farms seeking certification. Farms that meet the requirements should be able to demonstrate compliance, regardless of whether their feed is made by a commercial feed mill or on site. See Principle 5 for further details.					

3.1.3	<p>Tiêu chuẩn: Tổng lượng TP thải ra trên 1 tấn cá sản xuất (xem phương pháp tính toán trong phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu: 7.2kg/tấn</p> <p>Áp dụng: Ao</p>	<p>"Hướng dẫn cho khách hàng của Chỉ số 3.1.3 và 3.1.4 - Lấy mẫu và phân tích phòng thí nghiệm của TP và TN tương thái</p> <p>Xác định nồng độ phot pho tổng số (TP) trong mẫu nước được thực hiện bằng cách sử dụng các phương pháp: Kejdahl và Blue Indo-phenol. Xác định nồng độ nitơ tổng số (TN) trong mẫu nước được thực hiện bằng cách sử dụng các phương pháp: Kejdahl và axit ascorbic. Quyết định sẽ được thực hiện bởi một phòng thí nghiệm độc lập hoàn toàn được công nhận để thực hiện các phân tích phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025.</p> <p>Farms sẽ đo lượng TP và TN discharged từ tối thiểu là 1 ao trong sản xuất, ít nhất một trong các ao đo được lựa chọn ngẫu nhiên. Trang trại phải ghi lại số lượng và danh tính của ao được lựa chọn trước khi lấy mẫu. Thủ tục cần thiết cho việc thu thập mẫu nước như sau:</p> <p>- Hai mẫu nước được lấy một từ ao (= nước ao) và một từ vị trí lấy nước vào (= nước cấp). Hai mẫu được lấy trong cùng một ngày.</p> <p>- Tất cả các mẫu nước được lấy theo phương pháp được cung cấp bởi một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025 và sẽ có sẵn để chứng nhận vào ngày đánh giá. Các phòng thí nghiệm được công nhận sẽ được yêu cầu để xác minh rằng lấy mẫu được tiến hành theo phương pháp này.</p> <p>- Tất cả các mẫu nước được thu thập trong nửa sau của chu kỳ sản xuất (tức là ≥ 90 ngày sau khi thả giống)</p> <p>- Ao mẫu nước được thu thập tại 50% độ sâu ao</p> <p>- Tất cả các mẫu nước được thu thập trước khi 11:00 sáng</p> <p>- Ao mẫu nước được thu thập > 6 giờ sau khi lấy nước vào ao</p> <p>Đối với hồ sơ trang trại đánh giá lần đầu, theo dõi TP và TN phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p> <p>Để chuẩn bị cho lần đánh giá toán đầu tiên:</p> <p>Trang trại mời phòng thí nghiệm được công nhận đến trang trại để lấy mẫu nước</p> <p>- Nếu mẫu không tuân thủ, trang trại có hành động khắc phục trước khi tiến hành đánh giá ASC</p> <p>- Trường hợp không phù hợp, trang trại có nước lấy mẫu bởi laboratory được công nhận sau khi thực hiện hành động khắc phục để hiển thị tuân thủ</p> <p>- Tất cả các kết quả lấy mẫu được cung cấp cho đánh giá viên phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm được công nhận để cho thấy rằng hành động khắc phục đã được thực hiện và trang trại hiện tại là phù hợp với tiêu chuẩn ASC "</p>			
		a. Nêu tên và số công nhận của phòng thí nghiệm độc lập đã sử dụng để kiểm soát chất lượng nước và phot o hợp đồng lấy mẫu và phân tích nước theo như hướng dẫn 3.1.3	A. Xác nhận phòng thí nghiệm đủ chuẩn để tiến hành lấy mẫu và phân tích nước	C	* Mẫu nước được thu bởi "Trung Tâm Quan Trắc Kỹ Thuật Tài Nguyên và Môi Trường" - số công nhận ISO 17 025 - Vilas 412. * Các mẫu nước được thu bởi các nhân viên phòng thí nghiệm, có hồ sơ chi tiết lấy mẫu nước có chữ ký và con dấu của Phòng thí nghiệm.
		b. Lưu kết quả kiểm TP của mẫu nước ao và mẫu cấp.	B. Xem xét kết quả phòng thí nghiệm về hàm lượng TP	C	Kết quả kiểm: phù hợp
		c. Với mỗi ao, xác định tổng trọng lượng cá thu hoạch và tổng lượng tối đa nước thải ra trong suốt chu kỳ vụ nuôi	C. Xem xét tính chính xác của dữ liệu	C	Kiểm tra dữ liệu: chính xác.
		d. Nhập giá trị của mục b và c vào công thức để tính tổng lượng TP thải ra trên mỗi tấn cá sản xuất được. lập lại như vậy cho những ao lấy mẫu.	D. Xem xét cách tính toán để đảm bảo độ chính xác	NC-> Đóng.	* Farm 1: có kết quả tính toán TP 9 ao thu hoạch, kiểm tra kết quả: chính xác và phù hợp. * Farm 6: Có kết quả tính toán TP cho 1 ao thu hoạch nh ưng kết quả không chính xác do áp dụng sai công thức tính toán. Sử dụng tổng lượng cá thu hoạch (harvesting volume) thay vì dùng sản lượng thu hoạch (harvesting yield) để tính toán. -> 19/10/2012: Kiểm tra hồ sơ tính TP của ao 2 đã thu hoạch trại 6, kết quả tính đạt. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.
		e. Áp dụng giá trị TP từ những ao khác nhau để tính kết quả trung bình lượng TP thải ra trên mỗi tấn cá sản xuất được cho toàn trại nuôi.	E. Xem xét kết quả tính toán lượng trung bình TP có thỏa mãn với yêu cầu tiêu chuẩn.	NC-> Đóng.	* Farm 1: Tính toán chính xác và phù hợp. * Farm 6: Sai công thức tính toán (xem 3.1.3.d) -> 19/10/2012: Kiểm tra hồ sơ tính TP của ao 2 đã thu hoạch trại 6, kết quả tính đạt. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.
3.1.4	<p>Tiêu chuẩn: Số lượng TN thải ra trên một tấn cá sản xuất (Xem phương pháp đo TN và tính toán trong Phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu: 27.5 kg/tấn cá sản xuất</p> <p>Áp dụng: Ao</p>	<p>Note: see instructions for Indicator 3.1.3</p> <p>a. Nêu tên và số công nhận của phòng thí nghiệm độc lập đã sử dụng để kiểm soát chất lượng nước và phot o hợp đồng lấy mẫu và phân tích nước theo như hướng dẫn 3.1.3</p> <p>b. Lưu kết quả kiểm TN của mẫu nước ao và mẫu cấp.</p> <p>c. Với mỗi ao, xác định tổng trọng lượng cá thu hoạch và tổng lượng tối đa nước thải ra trong suốt chu kỳ vụ nuôi</p> <p>d. Nhập giá trị của mục b và c vào công thức để tính tổng lượng TN thải ra trên mỗi tấn cá sản xuất được. lập lại như vậy cho những ao lấy mẫu.</p> <p>e. Áp dụng giá trị TN từ những ao khác nhau để tính kết quả trung bình lượng TN thải ra trên mỗi tấn cá sản xuất được cho toàn trại nuôi.</p>	<p>A. Xác nhận phòng thí nghiệm đủ chuẩn để tiến hành lấy mẫu và phân tích nước</p> <p>B. Xem xét kết quả phòng thí nghiệm về hàm lượng TN</p> <p>C. Xem xét tính chính xác của dữ liệu</p> <p>D. Xem xét cách tính toán để đảm bảo độ chính xác</p> <p>E. Xem xét kết quả tính toán lượng trung bình TN có thỏa mãn với yêu cầu tiêu chuẩn.</p>	<p>C</p> <p>C</p> <p>C</p> <p>NC-> Đóng.</p> <p>NC-> Đóng.</p>	<p>* Mẫu nước được thu bởi "Trung Tâm Quan Trắc Kỹ Thuật Tài Nguyên và Môi Trường" - số công nhận ISO 17 025 - Vilas 412. * Các mẫu nước được thu bởi các nhân viên phòng thí nghiệm, có hồ sơ chi tiết lấy mẫu nước có chữ ký và con dấu của Phòng thí nghiệm.</p> <p>Kết quả kiểm: phù hợp</p> <p>Kiểm tra dữ liệu: chính xác.</p> <p>* Farm 1: có kết quả tính toán TP 9 ao thu hoạch, kiểm tra kết quả: chính xác và phù hợp. * Farm 6: Có kết quả tính toán TP cho 1 ao thu hoạch nh ưng kết quả không chính xác do áp dụng sai công thức tính toán. Sử dụng tổng lượng cá thu hoạch (harvesting volume) thay vì dùng sản lượng thu hoạch (harvesting yield) để tính toán. -> 19/10/2012: Kiểm tra hồ sơ tính TN của ao 2 đã thu hoạch trại 6, kết quả tính đạt. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p> <p>* Farm 1: Tính toán chính xác và phù hợp. * Farm 6: Sai công thức tính toán (xem 3.1.3.d) -> 19/10/2012: Kiểm tra hồ sơ tính TP của ao 2 đã thu hoạch trại 6, kết quả tính đạt. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p>
3.2 Tiêu chí: Đo chất lượng nước trong thủy vực nhận	Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):	Kiểm tra của đánh giá viên (Yêu cầu áp dụng đối với đơn vị đánh giá):			

3.2.1	<p>Tiêu chuẩn: Phần trăm thay đổi hàm lượng oxy hòa tan trong ngày DO của thủy vực nhận thải tương ứng với hàm lượng DO bão hòa tại nhiệt độ và độ mặn lúc đo. Trường hợp ngoại lệ đối với các ao có TN & TP trong nước thải thấp hơn TN và TP trong nước cấp.</p> <p>Yêu cầu: <=65%</p> <p>Áp dụng: tất cả</p>	<p>"Hướng dẫn cho khách hàng của Chỉ số 3.2.1 - Tỷ lệ phần trăm thay đổi trong đo Oxy hòa tan ban ngày Trang trại có trách nhiệm theo dõi tỷ lệ phần trăm thay đổi trong oxy hòa tan ngày đêm ở vùng nước tiếp nhận. Nồng độ oxy hòa tan (DO) được báo cáo so với DO bão hòa ở nhiệt độ, độ mặn và độ cao cụ thể của nước. DO được đo bằng cách sử dụng một máy đo oxy cầm tay hoặc một phương pháp (hoá học) chính xác hơn, với độ chính xác được thành lập trong các tài liệu. Các vị trí đo nên là nơi gần nhất với vị trí nhận thải nếu có thể nhưng không cách điểm xả thải quá 200m. Ngoài ra, các hướng dẫn sau đây cần được tuân theo: - Giám sát DO được thực hiện hai tuần một lần - Trong mỗi ngày lấy mẫu, hai DO được đo: 1 giờ trước khi mặt trời mọc và 2 giờ trước khi mặt trời lặn (+ / - 30 phút). - Phép đo được thực hiện ở mức 0,3 mét dưới mặt nước. - Nhiệt độ và độ mặn được ghi nhận cùng một lúc vào thời điểm đo DO.</p> <p>Lưu ý 1: Ngoại trừ / không áp dụng Chỉ số 3.2.1 khi trang trại có hàm lượng TN & TP trong nước thải thấp hơn hàm lượng Tn & TP trong nước cấp. Ngoại trừ này áp dụng cho bất kỳ thủy vực nhận thải. Xem Chỉ số 3.3.1 và 3.3.2 để biết thêm thông tin về đo lường sự khác biệt trong TN và TP đầu vào và đầu ra giữa ao. "</p> <p>a. Cung cấp phương pháp đo DO</p> <p>b. Hiệu chỉnh tất cả các thiết bị định kỳ và theo phương pháp khuyến cáo của nhà sản xuất. Nhiệt độ, độ mặn và độ cao phải được điều chỉnh cho hiệu chuẩn hoặc tính toán.</p> <p>c. Tính phần trăm thay đổi DO mỗi ngày kiểm tra sử dụng hướng dẫn trong phụ lục D.</p> <p>d. Sử dụng kết quả 3.2.1.c để tính toán phần trăm thay đổi DO trung bình trên 12 tháng kiểm tra. Lần đánh giá đầu tiên phải lưu hồ sơ trên 6 tháng</p> <p>e. Sắp xếp giám sát đo DO khi đánh giá viên đánh giá vùng nuôi.</p>	<p>A. Xem xét dữ liệu đảm bảo việc kiểm soát bao gồm những yêu cầu</p> <p>B. Kiểm tra các kỹ thuật viên hiệu chỉnh thiết bị theo yêu cầu.</p> <p>C. Xem xét công thức tính đảm bảo tính chính xác</p> <p>D. Xác nhận phần trăm thay đổi trung bình của DO là ≤ 65%</p> <p>E. Chứng kiến việc đo DO tại trang trại để xác nhận việc tuân thủ. Giá trị DO đo được phải nằm trong phạm vi của dữ liệu trang trại cho DDO. Nếu bất kỳ một trong số kết quả đo được nằm ngoài kết quả ghi nhận của trang trại, đánh giá viên sẽ ghi nhận 1 điểm không phù hợp.</p>	<p>C</p> <p>C</p> <p>NC --> ĐỒNG</p> <p>NC --> ĐỒNG</p> <p>NC --> Open</p>	<p>Có kết quả đo DO định kỳ 1 lần/2tuần trong thời gian 7-8 tháng.</p> <p>Một máy đo sử dụng để đo Oxy, nhiệt độ và độ muối. Kỹ thuật viên hiệu chuẩn thiết bị trước mỗi lần đo theo hướng dẫn hiệu chuẩn thiết bị của nhà cung cấp.</p> <p>* Farm 1: Kiểm tra kết quả tính toán: phù hợp. * Farm 6: Kiểm tra ghi nhận kết quả đo DO, thời gian đo không phù hợp, đo hàm lượng Oxy cao nhất vào lúc 2-3 giờ chiều. --> 19/10/2012: kiểm tra hồ sơ tính phần trăm thay đổi hàm lượng Oxy hòa tan từ 01-18/10/2012 kết quả đạt. quan sát thực tế và phỏng vấn kỹ thuật viên về phương pháp và thời điểm đo nhận thấy phù hợp. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p> <p>* Farm 1: Kiểm tra kết quả tính toán DO < 65%. * Farm6: Có thực hiện tính toán DO nhưng kết quả không chính xác do thời gian đo DO không theo hướng dẫn của tiêu chuẩn. --> 19/10/2012: kiểm tra hồ sơ tính phần trăm thay đổi hàm lượng Oxy hòa tan từ 01-18/10/2012 kết quả đạt. quan sát thực tế và phỏng vấn kỹ thuật viên về phương pháp và thời điểm đo nhận thấy phù hợp. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p> <p>Không áp dụng --> 19/10/2012: chuyên gia giám sát thực tế việc đo Oxy của kỹ thuật viên trại lúc 5h30 sáng và 4h30 chiều, kết quả đạt trong giới hạn bình thường như hồ sơ 7-8 tháng qua. Không phát hiện lỗi. --> 23,24/11/2012: Chuyên gia giám sát thực tế việc đo Oxy của kỹ thuật viên trại lúc 4h50 sáng và 3h30 chiều thực hiện bởi kỹ thuật viên cô Nhi, kết quả đạt trong giới hạn bình thường như hồ sơ 7-8 tháng qua Quy trình hiệu chuẩn dụng cụ đo Oxy không quy định tần suất hiệu chuẩn và không lưu hồ sơ hiệu chuẩn. (NCA1)</p>
Footnot	[22] DO is the concentration of oxygen dissolved in water, expressed in mg/l or as percent saturation, where saturation is the maximum amount of oxygen that can theoretically be dissolved in water at a given altitude and				
Footnot	[23] "Receiving water" is the first natural water body that receives the water from the farm and does not belong to the farm.				
3.3	Chỉ tiêu: Đo lường chất lượng nước thải từ ao [24]				
		Compliance Criteria (Required Client Actions):	Auditor Evaluation (Required CB Actions):		
Footnote	[24] Tiêu chí này không thích hợp cho vùng nuôi dạng bè hoặc đăng quăng				

3.3.1	<p>Chỉ tiêu: Trung bình phần trăm thay đổi tối đa của TP giữa nước vào và nước ra (xem phương pháp đo TP và công thức TP xả thải ở Phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu : 100%</p> <p>Áp dụng: Ao</p>	<p>Hướng dẫn cho khách hàng về chỉ tiêu 3.3.1 và 3.3.2 - Đo lường thay đổi của TN và TP giữa đầu vào đầu ra.</p> <p>Xác định nồng độ photpho tổng (TP) trong mẫu nước được thực hiện bằng cách sử dụng các phương pháp: Kejdahl và Blue Indo-phenol. Xác định nồng độ nitơ tổng (TN) trong mẫu nước được thực hiện bằng cách sử dụng các phương pháp: Kejdahl và axit ascorbic. Việc xác định sẽ được thực hiện bởi một phòng thí nghiệm độc lập hoàn toàn được công nhận để thực hiện các phân tích phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025. Kết quả xét nghiệm sẽ được đi kèm bởi một tuyên bố cho biết việc tuân thủ các phương pháp thiết lập trong tiêu chuẩn Cá tra ASC và Sổ tay Đánh giá.</p> <p>Vùng nuôi đo lường sự thay đổi trong TP và TN từ chỉ một tập hợp con của tổng số ao nuôi trong sản xuất: 15% của tất cả các ao (giá trị làm tròn đến số nguyên gần nhất). Ít nhất một trong những ao được lựa chọn ngẫu nhiên. Trang trại phải ghi lại số lượng và lựa chọn các ao trước khi lấy mẫu. Thủ tục cần thiết cho việc thu thập mẫu nước như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu được thu thập bởi các nhân viên từ các phòng thí nghiệm hoàn toàn độc lập được công nhận; - Mẫu được lấy từ "đầu vào" và "đầu ra" (đầu vào = nước trong ống nạp, càng gần trang trại đang được chứng nhận càng tốt. Đầu ra = nước thực tế được thải ra, không phải là nước nhận được. Đối với các trang trại sử dụng hệ thống xử lý nước thì có thể là các nước trong phần cuối cùng của hệ thống xử lý trước khi thải); Mẫu được thu thập từ các cửa hút gió ao và các cửa hàng trong nửa thứ hai của mùa nuôi trồng (tức là ≥ 90 ngày sau khi thả giống); - Trong Mỗi ngày lấy mẫu, ít nhất là hai mẫu được thu thập từ các đầu ra và được thực hiện ít nhất 1 giờ một phần (sử dụng giá trị trung bình trong các tính toán dưới đây); - Mức tối thiểu các trang trại phải lấy mẫu từ một ao một năm. <p>Tỷ lệ phần trăm thay đổi trong TP = (TP đầu ra) - (TP đầu vào) / (TP Đầu ra) X 100 Tỷ lệ phần trăm thay đổi trong TN = (TN đầu ra) - (TN đầu vào) / (TN Đầu vào) X 100 Khí nhiều hơn một ao được lấy mẫu, xác định một "Độ rộng trung bình trang trại" bằng cách tính toán tỷ lệ phần trăm thay đổi trung bình cho tất cả các ao lấy mẫu.</p>		<p>C</p> <p>* Farm 1: Kiểm tra kết quả TP của ao 9, được làm ngày 27 tháng 3, 2012 * Farm 6: kiểm tra kết quả TP ao 1, được làm ngày 18 tháng 6, 2012</p> <p>C</p> <p>Kiểm tra bảng tính, tất cả chính xác</p> <p>C</p> <p>Kiểm tra bảng tính, tất cả tuân thủ</p> <p>C</p> <p>Không áp dụng * Mẫu nước được thu bởi "Trung Tâm Quan Trắc Kỹ Thuật Tài Nguyên và Môi Trường" - số công nhận ISO 17 025 - Vilas 412. * Các mẫu nước được thu bởi các nhân viên phòng thí nghiệm, có hồ sơ chi tiết lấy mẫu nước có chữ ký và con dấu của Phòng thí nghiệm.</p>
3.3.2	<p>Tiêu chuẩn: Trung bình phần trăm thay đổi tối đa của TN giữa đầu vào và đầu ra (xem phương pháp đo lường TN và công thức xả thải TN ở phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu: 70%</p> <p>Áp dụng: Ao</p>	<p>Note: see instructions for Indicator 3.3.1</p> <p>A. Cung cấp kết quả phòng lab TN cho mẫu nước thải vào và ra</p> <p>B. Đối với mỗi ao, tính toán tỷ lệ phần trăm thay đổi của TN giữa đầu vào và đầu ra tại mỗi ngày lấy mẫu bằng cách sử dụng các phương pháp trình được hiển thị ở trên.</p> <p>C. Sử dụng kết quả của 3.3.2 (b) để tính toán tỷ lệ phần trăm thay đổi trung bình tại TN trên toàn bộ giai đoạn giám sát.</p> <p>D. Cung cấp bằng chứng tại hiện trường về việc lấy mẫu nước thải ao cho TP và TN của nhân viên từ các phòng thí nghiệm được công nhận.</p>	<p>C</p> <p>C</p> <p>C</p> <p>C</p>	<p>* Farm 1: Kiểm tra kết quả TN của ao 9, được làm ngày 27 tháng 3, 2012 * Farm 6: kiểm tra kết quả TN ao 1, được làm ngày 18 tháng 6, 2012</p> <p>C</p> <p>Kiểm tra bảng tính, tất cả chính xác</p> <p>C</p> <p>Kiểm tra bảng tính, tất cả tuân thủ</p> <p>C</p> <p>Không áp dụng -> 23,24/11/2012: Chuyen gia quan sát thực tế nhân viên "Trung Tâm Quan Trắc Kỹ Thuật Tài Nguyên và Môi Trường" - số công nhận ISO 17 025 - tiến hành thu mẫu, các mẫu nước được thu bởi các nhân viên phòng thí nghiệm, có hồ sơ chi tiết lấy mẫu nước có chữ ký và con dấu của Phòng thí nghiệm.</p>
Footnote	[25] Nước trong kênh vào, càng gần trại nuôi chứng nhận càng tốt.			
Footnote	[26] Nước thực tế được thải ra, không phải nước nhận			
3.3.3	<p>Chỉ tiêu: Hàm lượng oxy hòa tan tối thiểu trong nước xả thải (xem phương pháp xác định DO ở phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu: 3mg/l</p> <p>Áp dụng: Ao</p>	<p>Hướng dẫn chủ trang trại về Chỉ số 3.3.3 – Đo hàm lượng DO trong nước thải</p> <p>Xem Tiêu chí 3.2.1 mô tả chung về thiết bị và phương pháp được sử dụng để đo hàm lượng ô-xy hòa tan (DO). Đo hàm lượng DO tại nơi xả nước thải (đo hàm lượng DO trong nước đang được xả ra ngoài, không phải nước nhận. Đối với các trang trại sử dụng hệ thống xử lý nước, đây có thể là phần cuối của hệ thống xử lý trước khi xả thải); Kiểm tra DO ít nhất một lần trên tuần.</p> <p>a. Cung cấp các ghi chép về hàm lượng DO trong nước xả ra môi trường tự nhiên. Ở lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đầy đủ ghi chép trong vòng 6 tháng trở lên.</p> <p>b. Sử dụng tất cả các số liệu đo đạc hàng tuần để tính hàm lượng DO trung bình trong nước xả thải trong cả quá trình theo dõi. Đối với lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đầy đủ ghi chép trong vòng 6 tháng trở lên.</p>	<p>C</p> <p>NC -> ĐỒNG</p>	<p>Cho cả ao 1 và ao 6: có hệ thống xử lý nước thải nhưng việc đo lường DO thải vào nước được thực hiện hàng ngày trước khi thải nước thải vào kênh</p> <p>* Vùng 1: Kiểm tra ao 6, 8, kết quả đo DO <3mg/l * Vùng 6: kiểm tra ao 1, kết quả đo DO <3mg/l -> 19/10/2012: Kiểm tra hồ sơ đo hàm lượng Oxy hòa tan tối thiểu từ 01-19/10/2012 của trại 1,6 kết quả đạt, quan sát thực tế và phỏng vấn kỹ thuật viên về phương pháp đo, kết quả đạt. Điểm không phù hợp này được đồng với hành động hiệu lực.</p>

		c. Trong quá trình khảo sát thực địa, thu xếp cho đánh giá vì ền xem việc chuẩn hóa thiết bị và đo đạc.	C. Trong quá trình đánh giá tại hiện trường, quan sát cách thức trang trại hiện chỉnh thiết bị đo lường DO (hoặc lấy mẫu phân tích hóa) để xác nhận sự tuân thủ	C	Đánh giá viên quan sát chuyên gia kỹ thuật vùng nuôi hiệu chuẩn thiết bị và đo DO. Tuân thủ. -> 19/10/2012: chuyên gia giám sát thực tế lại cách đo hàm lượng oxy hòa tan tối thiểu trong nước xả thải, không có kết quả nào nhỏ hơn 3 mg/l. Đạt.
3.4 Criteria: Sludge disposal for ponds and pens, not cages [27]					
		Compliance Criteria (Required Client Actions):		Auditor Evaluation (Required CB Actions):	
Footnote	[27] Đối với nuôi cá lồng, không yêu cầu giám sát khu hệ sinh vật đáy vì lồng nuôi chỉ chiếm một phần nhỏ sản lượng. Tình trạng này cần được theo dõi và điều chỉnh nếu sản lượng nuôi cá lồng tăng một cách đáng kể.				
3.4.1	Chỉ số: Bảng chứng không thải bùn trực tiếp vào nguồn nước nhận hoặc các hệ sinh thái tự nhiên [28] Yêu cầu: Có Phạm vi áp dụng: Tất cả	a. Cung cấp kế hoạch chi tiết về quản lý bùn thải (xem mục 3.5.1). Kế hoạch này sẽ đảm bảo không có bất cứ dạng bùn thải nào được xả trực tiếp vào thủy vực nước nhận xả thải hoặc hệ sinh thái tự nhiên. b. Lưu giữ các ghi chép về việc xả bùn thải cho thấy thể tích hay trọng lượng và điều kiện (tươi hoặc khô) khi được xả thải. Ở lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đủ ghi chép trong vòng 3 tháng trở lên. c. Nếu bùn thải được chuyển cho bên khác (VD: để sử dụng trong nông nghiệp) thì cần có xác nhận từ bên tiếp nhận về khối lượng chất thải được chấp nhận, thời gian chuyển và kế hoạch sử dụng bùn thải đó. Bên này cũng phải khai báo rằng bùn thải sẽ không được đổ trực tiếp vào nguồn nước nhận và hệ sinh thái tự nhiên. d. Nếu sử dụng nơi chứa bùn thải thì cung cấp bản đồ đánh dấu địa điểm nơi chứa bùn thải trong khu vực trang trại hoặc tài liệu chứng minh quyền tiếp cận hợp pháp nơi chứa bùn thải (giấy chứng nhận sử dụng hoặc chứng nhận của chủ sở hữu) -	A. Review the farm's sludge management plan. B. Xem xét hồ sơ để xác nhận xử lý thích hợp theo kế hoạch. C. Nếu có ©, xác nhận rằng trang trại có bằng chứng hồ sơ tài liệu thích hợp D. Nếu có (d), kiểm tra nơi chứa bùn trong thời gian đánh giá tại hiện trường Trong cuộc phỏng vấn cộng đồng địa phương và nhân viên, xác minh không có bằng chứng cho thấy trang trại thải bùn trực tiếp vào nguồn nước nhận từ hệ sinh thái tự nhiên	C C C C C	Coó kế hoạch chi tiết về quản lý bùn thải: Trại 1: bùn được chứa trong ao chứa bùn. Trại 6: Bùn được bơm cho vườn cây ăn trái của các hộ dân xung quanh. * Vùng 1: Kiểm tra hồ sơ ao 1, 6, chỉ ra kế hoạch tiêu hủy thích hợp với kế hoạch * Vùng 6: Kiểm tra hồ sơ ao 1, cho thấy việc Vùng 1: Kiểm tra hồ sơ ao 6, 8, tuân thủ Vùng 6: kiểm tra hồ sơ ao 1, tuân thủ Kiểm tra hiện trường: * Vùng 1: có 1 ao chứa bùn * Vùng 6: Có vườn trái cây gần đó với một số khu vực được bón bùn Phỏng vấn cộng đồng: không có bằng chứng cho việc trang trại thải bùn trực tiếp vào nguồn nước nhận tự hệ sinh thái tự nhiên
Footnote	[28] "The complex of a community and its environment functioning as an ecological unit in nature." More simply, it's both living and non-living things that interact with each other. In these standards, both the terrestrial and aquatic ecosystems are considered.				
3.4.2	Chỉ số: Bảng chứng nơi chứa bùn thải có kích cỡ phù hợp (xem công thức tính nơi chứa bùn thải ở phụ lục D) Yêu cầu: Có Phạm vi áp dụng: Trang trại có nơi chứa bùn thải	Công thức tính nơi chứa bùn thải được trình bày trong phụ lục D của Tiêu chuẩn ASC đối với Cá Tra/Basa. Trang trại sẽ ghi chép về cách sử dụng công thức này để tính toán quy mô thích hợp (thể tích tối thiểu) của một nơi chứa bùn thải. Ví dụ, các trang trại ghi chép các tính toán của họ về kế hoạch quản lý bùn thải (xem 3.4.1a). Tất cả diện tích và thể tích bùn thải phải được xem xét trong tính toán. Đối với diện tích ao, chỉ xem xét diện tích ao mà bùn thải phải được đưa ra trong hai tháng sau đó: Ghi chú I: Nếu công thức tính nơi chứa bùn thải cho ra con số âm thì có nghĩa là nơi chứa bùn vượt quá thể tích tối thiểu (kích thước phù hợp).	a. Xem xét bảng tính của trang trại để thẩm tra tính chính xác. Xác nhận tuần thủ b. Trong cuộc đánh giá tại hiện trường, kiểm tra nơi chứa bùn thải	NC -> ĐÓNG C	* Vùng 1: Bùn được chứa trong ao chứa bùn nhưng không có tính toán thể tích ao chứa bùn để chứng minh sự tuân thủ -->19/10/2012: Kiểm tra hồ sơ tính toán ao chứa bùn thải cho Trại 1, kết quả đạt. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực. * Vùng 6: Bùn được chuyển vào vườn cây xung quanh trang trại làm phân bón. Có tính toán thể tích chứa bùn chứng minh sự phù hợp. Kiểm tra hiện trường: * Vùng 1: bùn được trữ trong ao chứa bùn * Vùng 6: Bùn được cho vườn trái cây của người địa phương
3.5 Criteria: Waste management					
		Compliance Criteria (Required Client Actions):		Auditor Evaluation (Required CB Actions):	
3.5.1	Chỉ số: Bảng chứng về chất thải rắn từ trang trại được thải vào môi trường tự nhiên Yêu cầu: Không Áp dụng: Tất cả	a. Lập kế hoạch quản lý chất thải rắn cho trang trại. Kế hoạch này có thể bao gồm các loại chất thải khác từ trang trại (xem 3.4.1, 3.5.2, 3.5.3, và 3.5.4). b. Trong thời gian khảo sát thực địa, bố trí cho đánh giá vì ền kiểm tra hệ thống quản lý chất thải rắn của trang trại. -	A. Xem xét kế hoạch quản lý chất thải rắn của trang trại B. Kiểm tra bất cứ bằng chứng nào của chất thải rắn tại trang trại (túi, thùng) đang được thải vào môi trường tự nhiên xung quanh trang trại C. Xác nhận rằng kế hoạch quản lý chất thải rắn của vùng nuôi được thực hiện và có hiệu lực. Đánh giá nếu có rủi ro hoặc tiềm ẩn của việc xả thải.	C NC - ĐÓNG NC - ĐÓNG	Có kế hoạch quản lý chất thải rắn, bao gồm cách xử lý tất cả các loại rác thải (see 3.4.1, 3.5.2, 3.5.3, 3.5.4) Kiểm tra hiện trường: Farm 1: Chất thải rắn (bao nilon, chai n ước nhựa rỗng) rơi trên bờ sông cạnh hệ thống đê. Farm 6: Chất thải rắn (chai nước nhựa rỗng, bao nhựa) đ ược đốt tại bờ đập. -> 19/10/2012: Kiểm tra thực tế trại 1 và 6 không phát hiện chất thải rắn quanh trại, kiểm tra hồ sơ ghi chép việc xử lý chất thải rắn từ 01-18/10/2012 đạt. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực. Kiểm tra tại hiện trường: quản lý chất thải rắn không đ ược thực hiện theo kế hoạch quản lý --> 19/10/2012: Kiểm tra thực tế trại 1 và 6 không phát hiện chất thải rắn quanh trại, kiểm tra hồ sơ ghi chép việc xử lý chất thải rắn từ 01-18/10/2012 đạt. Điểm không phù hợp này đ ược đóng với hành động hiệu lực.

3.5.2	<p>Chỉ số: Bảng chứng về chất thải rắn có nguồn gốc từ con người hoặc động vật được xả thải vào môi trường tự nhiên</p> <p>Yêu cầu: không</p> <p>Áp dụng: tất cả</p>	a. Trong thời gian khảo sát thực địa, cung cấp cho đánh giá vi ên mô tả chung về hệ thống xử lý chất thải người và động vật. Cho phép đánh giá viên kiểm tra.	A. Giám định hệ thống xử thải rắn cho bất cứ bằng chứng nào về việc chất thải rắn của con người hoặc động vật nuôi vào môi trường tự nhiên.	C	Sử dụng nhà vệ sinh tự hoại
		b. Đối với hệ thống vệ sinh tự hoại, cho biết lịch làm sạch và bảo dưỡng hệ thống (xem mục 3.5.4c).	B. Thăm tra việc hút và bảo trì theo kế hoạch.	C	Không áp dụng -> 19/10/2012: Kiểm tra kế hoạch vệ sinh, làm sạch nhà vệ sinh tự hoại ban hành ngày 10/01/2012 cho trại nuôi 1,6, kết quả phù hợp. -> 23,24/11/2012: Quy trình giám sát và bảo trì nhà vệ sinh chưa xác định chi tiết về tần suất giám sát để thực hiện (góp ý cải tiến)
		c. Trong thời gian khảo sát thực địa, cho đánh giá vi ên xem địa điểm tất cả nhà vệ sinh tự hoại và lịch nạo vét và bảo dưỡng của hệ thống.	C. Giám định nhà vệ sinh tự hoại để thăm ra rằng ko có sự rò rỉ hoặc thải trực tiếp vào môi trường tự nhiên. Thăm tra rằng việc hút và bảo trì theo kế hoạch	C	Không áp dụng -> 19/10/2012: Kiểm tra kế hoạch vệ sinh, làm sạch nhà vệ sinh tự hoại ban hành ngày 10/01/2012 cho trại nuôi 1,6, kết quả phù hợp. Kiểm tra thực tế không phát hiện bằng chứng về chất thải rắn có nguồn gốc từ con người hoặc động vật được xả thải vào môi trường tự nhiên
		d. Cung cấp bằng chứng về việc chôn lấp chất thải động vật (nếu áp dụng).	D. Giám định để thăm tra rằng trang trại chôn phân động vật nuôi (nếu có)	C	Kiểm tra hiện trường: đạt, không có động vật nuôi n ào khác tại trang trại
		e. Xác định các nhà vệ sinh tự hoại theo hợp đồng lắp đặt, nếu có	E. Xem xét hợp đồng xây dựng (nếu có)	C	Không áp dụng -> 19/10/2012: kiểm tra hợp đồng xây dựng với nhà thầu Nguyễn Thanh Tùng ký ngày 29/11/2011 và hồ sơ nghiệm thu công trình ký ngày 10/12/2011, kết quả đạt.
3.5.3	<p>Chỉ số: Bảng chứng về các chất thải từ thuốc và hóa chất được xả thải vào môi trường tự nhiên</p> <p>Yêu cầu: Không</p> <p>Phạm vi áp dụng: Tất cả</p>	a. Lập kế hoạch quản lý chất thải từ thuốc và hóa chất của trang trại.	A. Xem xét kế hoạch quản lý chất thải hóa học và thuốc của trang trại	C	Kế hoạch quản lý hóa chất và thuốc thải của trang trại
		b. Trong thời gian khảo sát thực địa, cho phép đánh giá vi ên kiểm tra hệ thống quản lý chất thải thuốc và hóa chất của trang trại	B. Giám định trang trại có bất kỳ bằng chứng nào của hóa chất hoặc thuốc thải đang được xả vào môi trường tự nhiên xung quan trang trại	C	Kiểm tra tại hiện trường: * Farm 1: Không áp dụng * Farm 6: không có bất cứ bằng chứng của hóa chất hoặc thuốc thải đang được xả vào môi trường tự nhiên xung quang trang trại -> 19/10/2012: Chuyên gia kiểm tra thực tế trại nuôi 1: không phát hiện bằng chứng về các chất thải từ thuốc và hóa chất được xả thải vào môi trường tự nhiên. Chuyên gia cũng kiểm tra kho chứa bao bì hóa chất rỗng, kết quả đạt. -> 23,24/11/2012: Chuyên gia kiểm tra thực tế trại nuôi 1 và 6: không phát hiện bằng chứng về các chất thải từ thuốc và hóa chất được xả thải vào môi trường tự nhiên. Chuyên gia cũng kiểm tra kho chứa bao bì hóa chất rỗng, kết quả đạt
		-	C. Xác nhận tăng kết hoạch của trang trại đ ược vận hành và có hiệu lực. Đánh giá nếu có rủi ro hoặc tiềm năng xả thải.	C	Vận hành theo quy trình
3.5.4	<p>Chỉ số: Bảng chứng về việc tiêu hủy [30] cá chết/cá sắp chết hợp lý</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Phạm vi áp dụng: Tất cả</p>	Lập kế hoạch tiêu hủy cá chết/cá sắp chết hợp lý cụ thể cách thức tiêu hủy bằng một hoặc nhiều cách như: thiêu hủy (không tính thiêu hủy bình thường vì không được phép); chôn vùi; ủ lên men dùng làm phân bón, bồn tự hoại hoặc sản xuất bột cá hoặc dầu cá; thức ăn cho gia súc (đòi hỏi phải có xác nhận của chuyên viên bệnh học thủy sản, xem Nguyên tắc 6); bán. Tuyệt đối không sử dụng cá chết làm thực phẩm cho người trừ phi được giết mổ và chế biến đặc biệt.			
		a. Cung cấp cho đánh giá viên kế hoạch tiêu hủy cá chết/cá sắp chết của trang trại.	A. Xem xét kế hoạch của trang trại có tuân thủ tiêu chí 3.5.4	C	Vùng nuôi có kế hoạch cho việc phân hủy cá chết và cá sắp chết
		b. Chôn vùi, thiêu đốt, ủ: lập kế hoạch xác định quy trình, địa điểm và nơi chứa.	B. Thăm tra bằng giám định (nếu có)	C	* Cá chết bởi tác nhân gây bệnh hoặc thuốc trừ sâu/ hóa chất ô nhiễm : chôn cất * cá chết thông thường: bán hàng ngày
		c. Bồn tự hoại: kế hoạch nêu rõ quy trình tiêu hủy cá trong bồn tự hoại, cụ thể lịch nạo vét bồn và xác định nhân sự liên quan (VD: hợp đồng với bên ngoài trang trại).	C. Thăm tra bằng xem xét bằng chứng hồ sơ tài liệu (nếu có)	NA	Không áp dụng, ko sử dụng bồn tự hoại
		d. Sản xuất bột cá hoặc dầu cá: đ ược nêu rõ trong kế hoạch (nếu trang trại lập kế hoạch). Lưu ý rằng phương án này chỉ được phép nếu chuyên viên bệnh học thủy sản xác nhận không nhiễm thuốc trừ sâu.	D. Thăm tra bằng giám định (nếu có)	C	Có hợp đồng mua bán cá sắp chết với bên mua: cá được dùng làm phân bón
		e. Thức ăn cho động vật khác ngoài cá tra (không kể bột cá và dầu cá nêu trong mục "d"): Phương án này chỉ được phép nếu chuyên viên bệnh học thủy sản kết luận nguyên nhân cá chết không phải là một tác nhân truyền nhiễm hoặc chất ô nhiễm hóa học/thuốc trừ sâu.	E. Thăm tra rằng trang trại có tuyên bố vẫn bán từ chuyên gia sức khỏe thủy sản.	C	Có hợp đồng mua bán cá sắp chết với người mua: cá được dùng để sản xuất phân bón -> 19/10/2012: Kiểm tra hợp đồng mua cá chết cá 2 trại nuôi v và hồ sơ ghi chép lượng cá chết bán hàng ngày, chọn mẫu kiểm tra hồ sơ tháng 08/2012 đạt, bao gồm cả hồ sơ chuyên viên thú y trại kết luận cá chết không nhiễm bệnh hay hóa chất trước khi bán. -> 23,24/11/2012: Kiểm tra hợp đồng mua cá chết cá 2 trại nuôi v và hồ sơ ghi chép lượng cá chết bán hàng ngày, chọn mẫu kiểm tra hồ sơ tháng 08 và tháng 11/2012 đạt, bao gồm cả hồ sơ chuyên viên thú y trại kết luận cá chết không nhiễm bệnh hay hóa chất tr ước khi bán.

		f. bán: kế hoạch xác định rõ phương án bán. Đối với bán hết cá, chủ trại phải làm hợp đồng trong đó quy định rõ bên mua sẽ sử dụng cá chết như thế nào. Nếu định dùng làm thức ăn gia súc (thức ăn trực tiếp hoặc bột cá, đầu cá) hợp đồng v à công bố của chuyên gia bệnh học thủy sản cần xác nhận việc tuân thủ yêu cầu trong 12 tháng trở lại đây. Đối với đánh giá lần đầu, chủ trang trại phải có đủ ghi chép trong vòng 6 tháng trở lên.	F. Kiểm tra bằng xem xét bằng chứng hồ sơ tài liệu (nếu có)	C	Có hợp đồng mua bán với người mua, hồ sơ ghi nhận số lượng bán.--> 19/10/2012: Kiểm tra hợp đồng mua cá chết cá 2 trại nuôi và hồ sơ ghi chép lượng cá chết bán hàng ngày, chọn mẫu kiểm tra hồ sơ tháng 08/2012 đạt, bao gồm cả hồ sơ chuyên viên thú y trại kết luận cá chết không nhiễm bệnh hay hóa chất trước khi bán. --> 23,24/11/2012: Kiểm tra hợp đồng mua cá chết cá 2 trại nuôi và hồ sơ ghi chép lượng cá chết bán hàng ngày, chọn mẫu kiểm tra hồ sơ tháng 08 và tháng 11/2012 đạt, bao gồm cả hồ sơ chuyên viên thú y trại kết luận cá chết không nhiễm bệnh hay hóa chất trước khi bán.
		-	G. Xác nhận rằng kế hoạch của vùng nuôi được vận hành hiệu quả. Bảng chứng bao gồm phỏng vấn với công nhân để xác nhận rằng việc tuân thủ hủy tuần thủ kế hoạch	C	Kế hoạch được vận hành hiệu quả, quá trình phỏng vấn công nhân vùng nuôi tại hiện trường cho thấy tuân thủ
Footnote	[30] Tiêu hủy cá chết đúng cách bao gồm: thiêu đốt, chôn vùi, lên men và làm phân bón hoặc sản xuất bột cá hoặc đầu cá. Không sử dụng cá chết làm thực phẩm cho con người. Cũng có thể chấp nhận được nếu có bằng chứng thuyết phục rằng tỷ lệ chết không phải do các tác nhân truyền nhiễm hoặc do chất ô nhiễm hóa học/thuốc trừ sâu gây ra, cá có thể đ ược sử dụng làm thức ăn cho các động vật khác ngoài cá tra, ba sa. Bằng chứng về				
3.6 Criteria: Enlrgy consumption					
		Compliance Criteria (Required Client Actions):		Auditor Evaluation (Required CB Actions):	
3.6.1	Chỉ số: Thông tin sẵn có với các thông số sau đây (theo năm/trang trại theo đơn vị được chứng nhận): - Nhiên liệu sử dụng - Lượng điện tiêu thụ - Số lượng cá chết đối với mỗi phương pháp tiêu hủy cá đã áp dụng Yêu cầu: Có Phạm vi áp dụng: Tất cả	a. Lưu giữ các ghi chép (VD: hóa đơn) tiêu thụ năng lượng của trang trại. Tính toán lượng nhiên liệu và điện sử dụng cho trang trại trong 12 tháng gần đây, ở lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đầy đủ ghi chép trong vòng 6 tháng trở lên. b. Cung cấp các ghi chép về số lượng cá chết (xem Chỉ số 6.4.4) và phương pháp hủy bỏ (xem Chỉ số 3.5.4). Ở lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đủ ghi chép cho một vụ tron vẹn tại mỗi điểm (xem lời mở đầu).	A. Xem xét bằng tính. Kiểm tra việc trang trại lưu dữ hồ sơ năng lượng tiêu thụ B. Kiểm tra rằng trang trại bảo trì chính xác hồ sơ cá chết và tiêu hủy	C	Có biên nhận của vùng nuôi về năng lượng tiêu thụ cho cá năm: điện, đầu. Có bảng tính và biên nhận C C C C C C
NGUYÊN TẮC 4: BẢO TỒN ĐA DẠNG LOÀI VÀ QUẢN THỂ HOANG ĐÁ					
4.1 Tiêu chuẩn: Sự hiện diện của cá tra trong hệ thống thoát nước					
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)		Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)	
4.1.1	Chỉ thị: Trang trại nằm trong một lưu vực sống nơi mà các loài nuôi là loài bản địa hoặc có khả năng tự xác lập giống hình thành trước ngày 1 tháng 1 năm 2005 Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Trang trại trong một lưu vực sống, nơi loài, hoặc là bản địa hoặc có khả năng tự tái tạo giống được thành lập	Lưu ý: Nếu loài nuôi không phải là loài bản địa ở lưu vực sống và các loài không có khả năng tự xác lập nguồn giống, thì Chỉ số 4.1.1. sẽ không được áp dụng. Nhập a. Cung cấp một công bố từ trang trại và nhà cung cấp giống để xác định các loài cá tra nuôi (tên Latin). Duy trì hồ sơ mua con giống. b. Cung cấp một bản đồ của lưu vực sống hiển thị vị trí của trang trại (xem 2.1.1). c. Nếu loài nuôi là bản địa lưu vực sống, cung cấp tài liệu chứng minh (giấy tờ xem xét tương đương, IUCN, FAO hay tổ chức quốc tế khác). d. Nếu loài không phải là bản địa và đã tự tái xác lập nguồn giống trong lưu vực sống, cung cấp tài liệu chứng minh (giấy tờ xem xét tương đương, cơ quan chính phủ [cơ quan có thẩm quyền] tuyên bố hay các tài liệu so sánh tham khảo khác về các phạm vi tác động của các nhóm tuổi tại các thời điểm và vị trí khác nhau) để chứng minh các loài này đã có khả năng tự xác lập nguồn giống trước ngày 01 tháng 01 năm 2005. e. Thăm tra sự đồng nhất của loài nuôi bằng cách quan sát trực tiếp trong thời gian đánh giá tại trại.	A. Xem xét công bố. Xác nhận rằng các loài nuôi được xác định chính xác trong hồ sơ thu mua. B. Xem xét bản đồ để xác nhận vị trí trang trại trong phạm vi lưu vực sống. C. Xác nhận tài liệu cho thấy các loài nuôi là loài bản địa lưu vực sống. D. Xác nhận tài liệu cho thấy các loài nuôi có khả năng tự xác lập nguồn giống được thành lập ở lưu vực sống trước ngày 01 tháng 01 năm 2005. E. Thăm tra sự đồng nhất của loài nuôi bằng cách quan sát trực tiếp trong thời gian đánh giá tại trại.	C C C NA C	Có công bố từ trại sản xuất giống là giống loài "Pangasianodon hypophthalmus" Có bản đồ của lưu vực sống hiển thị vị trí của trang trại. Các loài nuôi là loài bản địa lưu vực sống, có bản sao báo cáo của FAO (Sauvage, 1878) và Tap chí khoa học của Tr ường Đại học Cần Thơ đã ban hành năm 2008 N/A, các loài là loài bản địa Kiểm tra loài trong chuyên đánh giá tại trại thấy được sự phù hợp
4.1.2	Chỉ thị: Nếu quần thể tự xác lập giống, phải có bằng chứng cho thấy điều này không có tác động tiêu cực đến môi trường [33] Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Trang trại ở lưu vực sống nơi loài không phải là bản địa và có khả năng tự xác lập giống	a. Cung cấp tài liệu chứng minh: giấy tờ xem xét tương đương, báo cáo của cơ quan chính phủ (cơ quan có thẩm quyền) hoặc các tài liệu tham khảo so sánh khác cho thấy không có tác động tiêu cực. Tác động tiêu cực bởi cá tra nuôi bao gồm nh ư ung không giới hạn: - Thay đổi sự đa dạng di truyền của cá tra hoang dã thông qua giao phối. - Cạnh tranh (ví dụ nh ư chiếm chỗ ở của các loài địa phương) - Môi trường sống bị phá hoại.	A. Xem xét bằng chứng không có tác động xấu. Nếu quần thể tự xác lập giống không được thành lập ở lưu vực sống, hoặc nếu loài là loài bản địa lưu vực sống, Chỉ số 4.1.2 sẽ không được áp dụng.	NA	N/A, loài là loài bản địa
Chú thích	[32] Khả năng tự xác lập được định nghĩa là tái tạo một cách tự nhiên. Giấy tờ xem xét tương đương, báo cáo của cơ quan chính phủ (cơ quan có thẩm quyền) hoặc các tài liệu tham khảo so sánh khác trên các phạm vi ảnh hưởng của các nhóm tuổi khác nhau tại các thời điểm và vị trí khác nhau như là bằng chứng cần thiết.				
Chú thích	[33] Giấy tờ xem xét tương đương, báo cáo của cơ quan chính phủ (cơ quan có thẩm quyền) hoặc các tài liệu tham khảo so sánh khác là cần thiết như một bằng chứng.				
4.1.3	Chỉ thị: Nếu loài không phải là loài bản địa và không có khả năng tự xác lập giống, phải có bằng chứng cho thấy các loài này không thể sống trong lưu vực sống [34] Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Trang trại ở lưu vực sống nơi các loài không phải là loài bản địa và không có khả năng tự xác lập giống "	a. Cung cấp giấy tờ xem xét tương đương dựa trên các dữ liệu hiện trường. Phân tích lý thuyết là không thể chấp nhận được.	A. Xem xét bằng chứng được trang trại cung cấp để xác nhận rằng các loài nuôi không thể thiết lập trong lưu vực sống.	NA	N/A loài là loài bản địa

Chu thích	[34] Công bố xem xét tương đương trên một tạp chí có uy tín được yêu cầu như là bằng chứng cho thấy loài này không thể được xác lập.				
4.2 Tiêu chí: Đa dạng di truyền					
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)		
4.2.1	Chỉ thị: Chứng minh [35] rằng con giống [36] đã được sinh sản từ quần thể cá tra tự nhiên tái tạo ở lưu vực sông [37] Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Trang trại ở lưu vực sông, nơi mà loài hoặc là loài bản địa hoặc là loài có khả năng tự tái xác lập giống được thành lập "	a. Có được bằng chứng cho một trong những điều sau đây:	A. Xem xét bằng chứng để xác nhận cá tra là loài bản địa lưu vực sông hoặc loài nào khác có khả năng tự xác lập giống ở đó	C	Xem 4.1.1
		b. Cung cấp một bản đồ của lưu vực sông hiển thị vị trí của trang trại (xem 2.1.1).	B. Xem xét bản đồ để xác nhận vị trí của trang trại trùng với quần thể cá tra bản địa hoặc loài có khả năng tự tái xác lập giống đã được thành lập trong lưu vực sông.	C	Xem 4.1.1, Vị trí GPS của trại và bản đồ trại đã sẵn có
		c. Có công bố của nhà cung cấp khẳng định giống cá đ được sinh sản từ cá bố mẹ có nguồn gốc từ quần thể cá tra sinh sản tự nhiên trong lưu vực sông (thậm chí thông qua vài thế hệ của sinh sản nuôi giam cầm)	C. Xem xét khai báo. Xác nhận rằng nguồn gốc của giống đ được xác định chính xác trong hồ sơ mua hàng.	C	Tất cả con giống được mua từ các trại giống "Trung Tâm Giống Thủy Sản Đồng Tháp" và "Cơ Sở Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Liền" với thư xác nhận rằng đó là loài Pangasianodon Hypophthalmus. Có giấy chứng nhận từ "Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản II" cho thấy cá bố mẹ sử dụng sinh sản tại hai trại sản xuất giống này là loài Pangasianodon hypophthalmus và có nguồn gốc từ lưu vực sông Mekong.
		d. Đối với việc mua cá giống, phải duy trì đầy đủ hồ sơ (như hóa đơn) để xác định nguồn cá bố mẹ trong lưu vực sông. Đối với lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trại phải có ít nhất là 6 tháng.	D. Thẩm tra xem nguồn giống là tuân thủ với yêu cầu.	C	Kiểm tra nguồn cá giống trong ao số 9 - trại số 1 và ao số 1 - trại số 1: chứng tỏ đạt yêu cầu.
Chu thích	[35] Một bản đồ tổng thể của sự hình thành cá tra mà chỉ ra đủ các loài cũng như các giống riêng biệt là cần thiết				
Chu thích cuối trang	[36] Trong xuyên suốt tiêu chuẩn này, chữ giống chỉ được dùng để chỉ cho giống pangasius				
Chu thích	[37] Tiêu chuẩn này có thể áp dụng cho tất cả các trại sử dụng nguồn giống hoặc là từ quần thể loài bản địa hoặc là đã được thành lập trước tháng 01/2005.				
4.3 Tiêu chuẩn: Nguồn giống					
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)		
4.3.1	Chỉ thị: Cho phép sử dụng nguồn giống đánh bắt tự nhiên để nuôi Yêu cầu: Không có Khả năng ứng dụng: Tất cả	a. Cung cấp công bố mà trại không sử dụng con giống đánh bắt tự nhiên để nuôi	A. Thẩm tra lời khai không có giống cá đánh bắt tự nhiên để nuôi.	C	Có đầy đủ hồ sơ chứng minh giống từ trại ương giống mà không có sử dụng giống đánh bắt tự nhiên.
		b. Có báo cáo của nhà cung cấp mà con giống không phải cá đánh bắt tự nhiên (thí dụ như giống được sinh sản cá bố mẹ nuôi giam cầm).	B. Thẩm tra trại có báo cáo của nhà cung cấp giống	C	Báo cáo và hồ sơ biên nhận của nhà cung cấp giống thì sẵn có.
		c. Duy trì biên nhận giống cho tất cả các lần thả giống. Trong đợt đánh giá đầu tiên, hồ sơ trại phải có ít nhất là 6 tháng.	C. Thẩm tra trại duy trì hồ sơ chính xác về nguồn giống	C	Hồ sơ cá giống ở mỗi ao và nhật ký ao nuôi, biểu mẫu là chính xác
4.4 Tiêu chuẩn: Giống biến đổi di truyền và giống lai					
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)		
4.4.1	Chỉ thị: Không sử dụng giống biến đổi di truyền hoặc giống lai Yêu cầu: Có	a. Cung cấp bằng công bố rằng trại không sử dụng giống biến đổi di truyền hoặc giống lai.	A. Thẩm tra công bố không sử dụng giống biến đổi di truyền hoặc giống lai.	C	Sẵn có tờ khai từ trại giống về việc không sử dụng giống biến đổi di truyền hoặc giống lai
		b. Có công bố từ nhà cung cấp giống rằng giống không biến đổi di truyền hoặc giống lai. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ của trại phải có ít nhất là 6 tháng	B. Thẩm tra trại lưu giữ các báo cáo của nhà cung cấp giống.	C	Báo cáo và hồ sơ biên nhận của nhà cung cấp giống thì sẵn có.
Chu thích	[31] Một sinh vật biến đổi gen (GMO) là một sinh vật, ngoại trừ con người, trong đó vật liệu di truyền đã được thay đổi theo một cách mà không xảy ra một cách tự nhiên bằng cách giao phối và / hoặc tái tổ hợp tự nhiên (Chỉ thị 2001/18 /EC).				
4.5 Tiêu chuẩn: Xổng thoát					
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)		
4.5.1	Chỉ thị: Bằng chứng là cống nước cấp và thoát của hệ thống nuôi và tất cả các thiết bị bắt giữ được trang bị với mắt lưới hoặc vỉ chắn có kích thước thích hợp để giữ lại con giống trong khi nuôi nhằm ngăn ngừa tất cả các cỡ cá (trong từng đơn vị bắt giữ được đánh giá) xổng thoát Yêu cầu: Có Khả năng áp dụng: Tất cả	a. Cung cấp hồ sơ trang trại cho thấy kích cỡ cá (ví dụ như trọng lượng trung bình ghi nhận hàng tháng). Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).	A. Xem xét hồ sơ về kích cỡ cá theo từng đơn vị bắt giữ khác nhau.	C	Trại số 1: kiểm tra ao số 6 và trại số 6 kiểm tra ao số 1, có hồ sơ của kích cỡ cá cho đợt 1 vụ thu hoạch, kiểm tra kích cỡ cá mỗi 15 ngày.
		b. Lưu giữ hồ sơ cho thấy kích thước của mắt lưới hoặc vỉ chắn cho toàn bộ các trang trại. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ít nhất 6 tháng.	B. Xem xét hồ sơ về kích thước mắt lưới vỉ chắn.	C	Nhật ký trại có hồ sơ về kích cỡ cá và kích thước mắt lưới áp dụng: 1 cm, 1.5cm, 2.0 cm, 4.0 cm
		-	C. Trong chuyến thăm quan hiện trường, kiểm tra kích thước của mắt lưới hoặc vỉ chắn để xác nhận sự tuân thủ.	C	Kiểm tra trong cuộc đánh giá tại chỗ: yêu cầu công nhân trại lặn để kiểm tra mắt lưới hiển thị đạt yêu cầu.
		a. Cung cấp hồ sơ trang trại kiểm tra hàng ngày mắt lưới hoặc vỉ chắn sắt được sử dụng trong từng đơn vị sản xuất (ví dụ như tầng trưởng)	A. Xem hồ sơ để thẩm tra sự giám sát thường xuyên và đúng lúc.	C	Kiểm tra và bảo trì lưới được thực hiện hàng ngày, có lưu giữ hồ sơ.
		b. Giữ hồ sơ của sự giám thiểu và sửa chữa trong sổ thường trực. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).	B. Xem sổ sách để thẩm tra việc sửa chữa đã được thực hiện và được ghi chép lại.	C	Có hồ sơ cho toàn vụ thu hoạch

4.5.2	<p>Chỉ thị: Bảng chứng kiểm tra thường xuyên, kịp thời (ít nhất là một lần một ngày), giảm thiểu và sửa chữa được thực hiện trên lưới hoặc lưới sắt và ghi lại trong sổ tay thường trực (có sẵn để kiểm tra) Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Tất cả</p>	<p>c. Sắp xếp cho đánh giá viên giám sát quá trình kiểm tra khi đánh giá thực tế.</p>	<p>C.Chứng kiến trang trại thực hiện việc kiểm tra mắt lưới và vì chẵn để xác nhận rằng chương trình có hiệu quả.</p>	<p>C</p> <p>Kiểm tra trong cuộc đánh giá tại chỗ: yêu cầu công nhân trại lặn để kiểm tra mắt lưới hiển thị đạt yêu cầu. -> 19/10/2012: tại cả 2 trại, chuyên gia yêu cầu nhân viên trại kiểm tra, sau đó tháo lưới bảo vệ lên bờ, dùng thước đo để kiểm tra kích thước lưới. -> 23,24/11/2012: 1) Chưa có quy trình chi tiết để hướng dẫn cách lặn kiểm tra kích thước mắt lưới. 2) Hoạt động lặn chưa đủ thuần thục, chưa đảm bảo thợ lặn kiểm tra lưới đạt hiệu quả. (góp ý cải tiến)</p>
4.5.3	<p>Chỉ thị: Đập nước [38] đủ cao [39] để ngăn chặn rò rỉ nước và việc xả thoát cá vào mùa mưa khi lũ lụt xảy ra Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Ao nuôi</p>	<p>a. Cung cấp hồ sơ hay báo cáo chính thức để chỉ ra mực nước cao nhất ở địa phương (mực nước sông, mực nước thủy triều, mực nước lũ...) trong 10 năm gần nhất.</p> <p>b. Có bản báo cáo của chính quyền địa phương hoặc tổ chức có uy tín báo cáo độ cao (m trên mực nước biển) của đê đập ao nuôi tại điểm thấp nhất của nó. Hiển thị vị trí của đập ao nuôi tại thấp điểm trên bản đồ của trang trại (xem 2.1.1).</p> <p>c. Cung cấp một công bố bằng văn bản nêu rõ không có sự cố tràn đổ hoặc thất thoát đáng kể do lũ lụt xảy ra trong 12 tháng qua.</p>	<p>A. Xem hồ sơ ít nhất 10 năm hoặc báo cáo để thiết lập chiều cao tối đa của đỉnh lũ.</p> <p>B. Xem báo cáo và bản đồ. Trong chuyến thăm hiện trường, kiểm tra trang trại để xác minh rằng chiều cao bờ đê là đủ để ngăn chặn sự vỡ khi lũ lụt xảy ra. Lưu ý: đê, đê điều, đập và thành ao nuôi tất cả đều có cùng ý nghĩa cho tiêu chuẩn này.</p> <p>C. Trong các cuộc phỏng vấn công đồng địa phương và nhân viên, thăm tra không có bằng chứng đáng kể cho sự cố tràn đổ hoặc xả thoát từ trại trong 12 tháng qua.</p>	<p>C</p> <p>Báo cáo chính thức của cơ quan thủy văn Đồng Tháp đã có hồ sơ về chiều cao tối đa của mực nước khi lũ lụt xảy ra trong thời gian 10 năm ở các vị trí khác nhau, bao gồm cả vị trí trang trại.</p> <p>C</p> <p>Tham quan hiện trường cho thấy hệ thống đê là hiệu quả trong việc ngăn chặn bị sụp đổ khi lũ lụt xảy ra. -> 19/10/2012: Cả 2 trại nuôi có quy trình theo dõi, bảo dưỡng bờ ao, kiểm tra hồ sơ theo dõi hàng ngày bờ ao, kết quả đạt. Kiểm tra thực tế, cả 2 trại không có điểm mốc tọa độ để so sánh, chỉ có vạch mực chỉ ra đỉnh lũ cao nhất trong 10 năm qua, so sánh chiều cao bờ ao kết quả đạt. -> 23,24/11/2012: Quy trình kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống đê bao chưa quy định rõ tần suất kiểm tra giám sát. Trang chưa có thước đo chuẩn để theo dõi mực nước sông trên đó xác định rõ mực nước lũ cao nhất để theo dõi thường xuyên. (góp ý cải tiến)</p> <p>C</p> <p>Phỏng vấn người địa phương: không có bằng chứng cho việc cá bị xả thoát</p>
Chú thích cuối trang	[38] Đập nước: đê chứa nước trong ao.			
Chú thích cuối trang	[39] Xem xét mực nước lớn nhất trong 10 năm (bao gồm trường hợp khi có bão).			
4.5.4	<p>Chỉ thị: Sự hiện diện của các thiết bị bẫy [40] được đặt trong nước thải/kênh thoát nước / hoặc trên cống thoát để bắt cá thoát ra, có hồ sơ phát hiện và hành động sửa chữa (có sẵn để kiểm tra) Yêu cầu: Có Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>a.Xác định số lượng và vị trí của tất cả các thiết bị bẫy. Thuật ngữ "thiết bị bẫy" không bao gồm lưới hoặc rào cản (xem 4.5.1). b. Duy trì một hồ sơ thường xuyên (ít nhất là hàng tuần) kiểm tra bẫy và quan sát xả thoát.</p> <p>c.Khi việc xả thoát bị phát hiện, phải ghi lại bất cứ hành động nào được thực hiện để giảm hoặc loại bỏ việc thất thoát này. Trong các lần đánh giá đầu tiên, những hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).</p>	<p>A. Xem xét sự dụng các thiết bị bẫy như thế nào để giám sát việc xả thoát. Thăm tra rằng các thiết bị bẫy không làm tổn thương cá (ví dụ như lưới sắt).</p> <p>B. Xem xét hồ sơ kiểm tra và quan sát sự xả thoát.</p> <p>C. Xem xét sự phù hợp của bất cứ hành động nào được trang trại thực hiện để hạn chế sự xả thoát.</p> <p>D. Trong chuyến thăm hiện trường, kiểm tra để thăm tra rằng bẫy có cấu hình đúng và đặt phù hợp để đảm bảo hiệu quả giám sát việc xả thoát của toàn trại.</p>	<p>C</p> <p>Thiết bị bẫy tiếp xúc trực tiếp với ống nước cho mỗi ao với kích thước mắt lưới nhỏ 1cm</p> <p>C</p> <p>Kiểm tra hàng ngày, hồ sơ thì sẵn có</p> <p>C</p> <p>Không tìm thấy xả thoát nhưng thủ tục có hướng dẫn cho hành động khắc phục khi phát hiện cá thoát ra ngoài. -> 23,24/11/2012: quan sát thực tế hoạt động thu hoạch: - Trại nuôi cần tăng cường giám sát, đảm bảo cá không xả thoát ra sông trong quá trình vận chuyển cá từ ao lên ghe đục. - Việc tính toán trọng lượng cá trung bình khi thu hoạch cần hoạch định và tiến hành mỗi ngày có thu hoạch để đảm bảo trọng lượng cá trung bình này được chính xác hơn. (góp ý cải tiến)</p> <p>C</p> <p>Kiểm tra tại chỗ cho thấy việc tuân thủ -> 19/10/2012: yêu cầu nhân viên trại kiểm tra chức năng của bẫy, tháo bẫy lên bờ kiểm tra kích thước lưới, tình nguyên vẹn của lưới, kết quả đạt. -> 23,24/11/2012: -> 23,24/11/2012: 1) Chưa có quy trình chi tiết để hướng dẫn cách lặn kiểm tra trạng thái bẫy cá xả thoát. 2) Hoạt động lặn chưa đủ thuần thục, chưa đảm bảo thợ lặn kiểm tra lưới ngăn cá xả thoát đạt hiệu quả. (góp ý cải tiến)</p>
Chú thích cuối trang	[40] Các thiết bị này không nên gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của cá (ví dụ, lưới rê).			
4.6 Tiêu chuẩn: Bảo trì ao nuôi.				
Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)		Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)		

4.6.1	Chỉ thị: Bằng chứng cho thấy đê đập được bảo quản nguyên vẹn [41] trong suốt quá trình nuôi. Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị thủ tục hồ sơ cho việc giám sát và sửa chữa đập nước bị sạt lở.	A. Xem thủ tục trại về việc giám sát và sửa chữa bờ đê	NC --> Đóng	Không có thủ tục cho việc kiểm tra và bảo trì bờ đê --> 19/10/2012: Kiểm tra thủ tục theo dõi, bảo trì bờ đê kỹ ngày 19/01/2012 và các hồ sơ thực hiện, kết quả đạt. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.
		b. Duy trì hồ sơ theo dõi đê nước và sửa chữa trong hồ sơ có nêu rõ ngày phát hiện hư hại và khi nông trại bắt đầu và hoàn thành việc sửa chữa.	B. Xem xét hồ sơ để tìm bằng chứng cho thấy bờ đê vẫn còn nguyên vẹn trong 12 tháng qua. Nếu có một đê nước được bị tổn hại, thì phải có bằng chứng cho thấy việc sửa chữa đã được hoàn thành càng sớm càng tốt.	NC --> Đóng	Không có hồ sơ --> 19/10/2012: Kiểm tra thủ tục theo dõi, bảo trì bờ đê kỹ ngày 19/01/2012 và các hồ sơ thực hiện, kết quả đạt. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.
		c. Trong suốt chuyến tham quan hiện trường, phải sắp xếp cho đánh giá viên kiểm tra đê của trại.	C. Kiểm tra bờ đê để xác nhận sự phù hợp. Kiểm tra bất cứ dấu hiệu nào cho thấy sạt lở và ghi nhận bằng chứng cho việc sửa chữa.	C	Kiểm tra tại chỗ: bờ đê có bị xói mòn ít và đã được sửa chữa tốt
		-	D. Trong suốt quá trình phỏng vấn công nhân và dân địa phương, thẩm tra đê nước vẫn được bảo quản nguyên vẹn trong suốt quá trình nuôi.	C	Phỏng vấn cộng đồng: không có bằng chứng cho việc sạt lở bờ đê
Chú thích cuối trang	[41] Không bị tác động bằng cách cho phép xống thoát một phần hoặc tất cả các con giống trong trại.				
4.6.2	Chỉ thị: Bằng chứng đảm bảo không có việc thất thoát cố ý [42] Yêu cầu: Có Khả năng áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị một tuyên bố rằng các trang trại đã không có việc thất thoát cố ý trong 12 tháng qua.	A. Xem xét công bố để xác nhận sự tuân thủ.	NC --> Đóng	Không công bố --> 19/10/2012: Kiểm tra có cam kết không thả cá ra môi trường kỹ ngày 01/12/2011, phỏng vấn nhân viên trại và cộng đồng xác nhận phù hợp. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực
		b. Lưu hồ sơ và biên lai để cho thấy rằng tất cả các con giống đã được thu hoạch và bán (xem 2.4.2 và 5.2.1) hoặc loại bỏ đúng cách (xem 3.5.4). Trong các đợt đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).	B. Xem xét hồ sơ để xác nhận rằng tất cả con giống có thể được tính bởi thu hoạch hoặc loại bỏ.	C	Kiểm tra ao số 6 của trại số 1 và ao số 1 của nông trại số 6 về hồ sơ nhận giống, nhật ký trại nuôi (kg cá chết & đầu), khối lượng thu hoạch (kg & đầu). Kết quả hiển thị tuân thủ.
		c. Chuẩn bị một văn bản cho bất kỳ khoảng thời gian không hoạt động kéo dài hơn 3 tháng. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).	C. Xem xét hồ sơ sản xuất hàng năm để xác định xem có sự khác biệt đáng kể để có thể chỉ ra khả năng thả cố ý.	C	* Xem xét bảng tổng kết sản xuất hàng năm hiển thị sự tuân thủ.
Chú thích cuối trang	[42] Mục đích ban đầu của chú thích cuối trang 42 từ tiêu chuẩn Hội Thoại nuôi cá tra đã được làm rõ ở đây cho mục đích đánh giá. Nó bây giờ được là: "Sự khác biệt đáng kể giữa số lượng (sinh khối) của cá thả giống và số lượng (sinh khối) bán cá không có dịch bệnh, trộm cắp hoặc xống thoát sẽ cho thấy khả năng thất thoát cố ý." NGUYÊN TẮC 5. THỰC AN SỬ DỤNG VÀ THỰC HÀNH CHO AN ĐỂ ĐẢM BẢO ĐUỔI VÀO CHO AN LÀ BỀN VỮNG VÀ TỐI THIỂU 5.1 Tiêu chuẩn: Tính bền vững của nguyên liệu thức ăn chăn nuôi				
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)	Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu)		
5.1.1	Chỉ thị: Sử dụng cá chưa nấu chín hoặc chưa chế biến và / hoặc sản phẩm cá [43] (bao gồm cả cá tạp) làm thức ăn Yêu cầu: Không Khả năng áp dụng: Tất cả	a. Lưu giữ hồ sơ (ví dụ như biên lai) cho tất cả các loại thức ăn mua vào trong 12 tháng qua. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ít nhất trong 6 tháng.	A. Xem xét hồ sơ trang trại cho nguồn cung cấp thức ăn thương mại.	C	Có biên nhận cho thức ăn sử dụng trong suốt quá trình nuôi. Thức ăn sử dụng là DomyFeed (được chứng nhận Global.G.A.P)
		b. Nếu bất kỳ thức ăn tự chế nào được sử dụng, phải cung cấp một bảng mô tả các thành phần và các chế phẩm. Lưu bằng chứng mua (ví dụ như biên nhận) hoặc quyền sở hữu của tất cả các thành phần. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ít nhất trong 6 tháng	B. Xem xét thành phần để thẩm tra rằng thức ăn tự chế không có cá chưa nấu chín hoặc chưa chế biến và / hoặc sản phẩm cá (bao gồm cả cá tạp).	NA	N/A, không sử dụng thức ăn tự chế.
		-	C. Thẩm tra rằng các hồ sơ trại có ghi chép đầy đủ cho tất cả thức ăn được sử dụng. Không có dấu hiệu của nguồn thức ăn không giải thích được.	C	Chỉ sử dụng thức ăn Domyfeed.
Chú thích cuối trang	[43] Các sản phẩm cá được định nghĩa là tất cả các hình thức của cá hoặc các sản phẩm có nguồn gốc từ cá (ví dụ, t.ươi, đông lạnh, băm nhỏ, sấy khô, bột, dầu, và chế phẩm khác).				
5.1.2	Chỉ thị: Sử dụng cá tra chế biến các phụ phẩm [44] như là nguyên liệu thức ăn chăn nuôi Yêu cầu: Không Khả năng áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị một tuyên bố rằng không có phụ phẩm cá tra chế biến đã được sử dụng làm thức ăn cho cá tra bất cứ lúc nào trong vòng 12 tháng qua.	A. Xem xét khai báo của trại để xác nhận rằng không có phụ phẩm cá tra chế biến được sử dụng làm thức ăn cho cá tra.	C	Cam kết từ Domyfeed CFM (chứng nhận Global.G.A.P) vào ngày 09/02/2012: Không sử dụng cá chưa nấu chín, không sử dụng các phụ phẩm cá tra, không sử dụng bột cá có thành phần của loài cá trong IUCN cho thức ăn.
		b. Đối với tất cả các nguồn cấp thức ăn được sử dụng trong 12 tháng qua, có được một tuyên bố từ các nhà sản xuất để thể hiện sự tuân thủ. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ.	B. Xem xét bằng tuyên bố của nhà sản xuất để xác nhận không có phụ phẩm cá tra được làm thức ăn.	C	Xem 5.1.2.a
		c. Nếu thức ăn tự chế được sử dụng trong 12 tháng qua, chuẩn bị một tuyên bố rằng không có các phụ phẩm cá tra đã được sử dụng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Nếu cá hoặc đầu cá đã được sử dụng, thì phải có một tuyên bố xác nhận tuân thủ từ nhà cung cấp tương ứng. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.	C. Xem xét tài liệu của trang trại để xác nhận rằng không có các phụ phẩm cá tra được sử dụng trong sự chuẩn bị thức ăn (nếu có).	C	Kiểm tra các tài liệu & hồ sơ của trại hiển thị tuân thủ.
Chú thích cuối trang	[44] Rêu, nội tạng, đầu và xương từ chế biến cá hoặc tự nhiên hoặc nuôi-chế biến các phụ phẩm. Nói chung, các vật n.ày không được tính là một phần của số lượng "sản phẩm cá" khi tính toán lượng cho cá ăn, vì điều này giúp thúc đẩy việc sử dụng tốt nhất của cá hoang dã. Tuy nhiên, nó không chấp nhận việc sử dụng phụ phẩm cá tra trong khẩu phần ăn của cá tra.				

5.1.3	<p>Chỉ thị: Sản phẩm cá được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi không có trong "danh mục bị đe dọa" [45] của Loài bị đe dọa trong Danh sách đỏ của IUCN [46]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho khách hàng Chỉ thị 5.1.3 - Xác nhận không có loài nào trong danh sách đỏ của IUCN trong thức ăn</p> <p>Đối với các mục đích của Chỉ thị này, định nghĩa sản phẩm cá của ASC sẽ bao gồm tất cả các nguồn hải sản đánh bắt hoang dã, bao gồm cá và các loài động vật không xương sống (ví dụ như tôm, cua, mực). Trang trại phải biết rằng thức ăn có chứa bất kỳ loài nào trong danh sách đỏ của IUCN sẽ không tuân thủ tiêu chuẩn này. Sự hạn chế này mở rộng nguồn thức ăn sử dụng phụ phẩm (ví dụ như cá tía) hoặc sản phẩm nuôi trồng thủy sản trong danh sách đỏ của IUCN.</p> <p>Đối với mỗi sản phẩm cá được sử dụng như là một thành phần thức ăn, phải xác định xem loài nào nằm trong danh sách đỏ của IUCN như sau:</p> <p>- Truy cập trang web http://www.iucnredlist.org/</p> <p>- Trong lĩnh vực tìm kiếm chính, nhập vào giống và loài</p> <p>- Bấm vào "Run search" và ghi lại trạng thái của các loài.</p> <p>Lưu ý: Danh sách đỏ IUCN sử dụng chín loại cho các loài xếp hạng theo mức độ đe dọa, và kết quả tìm kiếm có thể bao gồm các loài hiện không bị đe dọa. Đối với mục đích xác định xem thức ăn phù hợp với Chỉ thị 5.1.3, xem xét loài duy nhất được xác định là "đã bị tổn thương", "nguy cấp", hoặc "bất ngờ nguy cấp". Loài được liệt kê</p>	<p>a. Có bản báo cáo từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi xác định nguồn gốc của tất cả các sản phẩm cá được sử dụng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (để xác định giống, loài sinh vật và khu vực thu hoạch). Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ.</p> <p>A. Xác nhận rằng trang trại có hồ sơ của những thành phần từ tất cả các nguồn cấp thức ăn có nguồn gốc.</p>	C	Cam kết từ Domyfeed CFM (chứng nhận Global.G.A.P.) vào ngày 09/02/2012: Không sử dụng cá chưa nấu chín, không sử dụng các phụ phẩm cá tra, không sử dụng bột cá có thành phần của loài cá trong IUCN cho thức ăn.
		<p>b. Thăm tra rằng không có loài được xác định trong 5.1.3 (a) là nằm trong "danh mục bị đe dọa" của Danh sách đỏ IUCN về các loài bị đe dọa.</p> <p>B. Lập lại tìm kiếm cơ sở dữ liệu của IUCN để xác minh rằng trang trại có được kết quả chính xác.</p>	C	Tìm kiếm cơ sở dữ liệu IUCN để kiểm tra rằng loài cá sử dụng như là thành phần bột cá cung cấp bởi Domyfeed CFM, kết quả cho thấy có sự tuân thủ.	
		<p>c. Nếu thức ăn tự chế được sử dụng, phải xác minh rằng không có loài nào nằm trong "danh mục bị đe dọa" trong Danh sách đỏ của IUCN. Nếu bột cá hoặc đầu cá đã được sử dụng, có được tuyên bố về việc tuân thủ xác nhận từ nhà cung cấp tương ứng.</p> <p>C. Xác nhận rằng trang trại đã cung cấp đầy đủ bằng chứng của việc tuân thủ.</p>	NA	N/A, không có sử dụng thức ăn tự chế	
Chú thích cuối trang	[45] Dễ bị tổn thương, bị đe dọa và nguy cơ đe dọa cao.				
Chú thích cuối	[46] www.iucnredlist.org Sử dụng phiên bản mới nhất. Thời gian một năm cho phép thích ứng với bất kỳ sửa đổi nào mới, do đó nếu một động vật mới được thêm vào danh sách IUCN, các nhà sản xuất có một năm để đáp ứng các tiêu chuẩn này.				
5.1.4	<p>Chỉ thị: Sản phẩm cá được sử dụng trong thức ăn không phải là từ các loài được liệt kê trong Công ước về buôn bán quốc tế các loài nguy cấp (CITES) Phụ lục I, II và III [47]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Có bản báo cáo từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi xác định nguồn gốc của tất cả các sản phẩm cá được sử dụng như nguyên liệu thức ăn (để xác định giống, loài sinh vật và khu vực thu hoạch). [Xem Chỉ thị 5.1.5 về tìm kiếm cung ứng của vụn, sản phẩm nuôi trồng là nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.] Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ</p> <p>b. Xác định nếu bất kỳ loài nào được xác định trong 5.1.4 (a) được liệt kê trong Công ước CITES Phụ lục I, II, III bằng cách làm những điều sau đây:</p> <p>- Truy cập http://www.cites.org/eng/resources/species.html</p> <p>- Chọn tùy chọn "Species", nhập giống và loài, và nhấp vào "Find it"</p> <p>C. Nếu thức ăn tự chế được sử dụng, thăm tra rằng không có loài nào được liệt kê trong Công ước CITES Phụ lục I, II, III. Nếu bột cá hoặc đầu cá đã được sử dụng, có được tuyên bố từ việc xác nhận tuân thủ cung cấp tương ứng.</p>	<p>A. Xác nhận rằng trang trại có một tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi, thăm tra nguồn gốc của tất cả các sản phẩm cá được sử dụng như là thành phần trong tất cả các thức ăn công nghiệp.</p> <p>B. Lập lại việc tìm kiếm cơ sở dữ liệu của Công ước CITES để xác minh rằng trang trại có được kết quả chính xác.</p> <p>C. Xác nhận rằng trang trại đã cung cấp đầy đủ bằng chứng của việc tuân thủ.</p>	C	Cam kết từ Domyfeed CFM (chứng nhận Global.G.A.P.) vào ngày 09/02/2012: Không sử dụng cá chưa nấu chín, không sử dụng các phụ phẩm cá tra, không sử dụng bột cá có thành phần của loài cá trong IUCN cho thức ăn.
			C	Tìm kiếm cơ sở dữ liệu CITES để kiểm tra rằng loài cá sử dụng như là thành phần bột cá cung cấp bởi Domyfeed CFM, kết quả cho thấy có sự tuân thủ.	
			NA	N/A, không sử dụng thức ăn tự chế	
Chú thích cuối	[47] http://www.cites.org/eng/app/appendices.shtml				
5.1.5	<p>Chỉ thị: ISEAL chứng nhận bột cá và các sản phẩm đầu cá phải được sử dụng trong thức ăn</p> <p>Yêu cầu: Trong thời hạn 3 năm, phải có sản trong khu vực</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả, sau 3 năm ISEAL chứng nhận bột cá và đầu cá sản có sẵn trong khu vực sản xuất. Không áp dụng nếu chỉ vụn và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản được sử dụng</p>	<p>Lưu ý 1: Trừ thành cơ sản trong khu vực - Cơ nghĩa là thường mặt sản cơ trong khu vực (khu vực ON) từ mặt ra hàng mà cung cấp độc lập và chỉ định trong tài liệu kinh nghiệm (ngày xuất hiện trong tài liệu kinh nghiệm được sử dụng).</p> <p>Lưu ý 2: " sản phẩm "không áp dụng cho vụn và các sản phẩm nuôi trồng được sử dụng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (xem Chỉ thị 5.1.3).</p> <p>a. Có bản báo cáo từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi xác định nguồn gốc của tất cả các sản phẩm cá được sử dụng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (để xác định giống, loài sinh vật và khu vực thu hoạch). Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ.</p> <p>A. Xác nhận rằng trang trại có tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi xác định nguồn gốc của tất cả các sản phẩm cá được sử dụng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (để xác định giống, loài sinh vật và khu vực thu hoạch).</p> <p>b. Cung cấp bằng chứng cho thấy bột cá và các sản phẩm đầu cá được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi từ các nguồn được chứng nhận tương thích với các tiêu chuẩn của một thành viên ISEAL.</p> <p>B. Xem xét bằng chứng và xác nhận sự tuân thủ.</p>	C	Cộng bố từ Domyfeed CFM vào ngày 02/04/2012 rằng thành phần bột cá được làm bởi các loài cá: loignathidae, Engraulidae & Sardinelle, tất cả việc đánh bắt đều nằm trong vùng cho phép đánh cá của chính phủ Việt Nam.	
			C	Không áp dụng	
5.1.6	<p>Chỉ thị: ISEAL chứng nhận bột cá và các sản phẩm đầu cá phải được sử dụng trong thức ăn</p> <p>Yêu cầu: Trong thời hạn 5 năm kể từ ngày công bố các tiêu chuẩn PAD</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả, sau tháng 8/2015. Không áp dụng nếu chỉ vụn và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản được sử dụng</p>	<p>a. Có được tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi như Chỉ thị số 5.1.5. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ.</p> <p>A. Xác nhận rằng trang trại có được thông tin về các thành phần thức ăn.</p> <p>b. Cung cấp bằng chứng về nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cá được chứng nhận như Chỉ thị số 5.1.5.</p> <p>B. Xem xét bằng chứng và xác nhận sự tuân thủ.</p>	C	Không áp dụng	
			C	Không áp dụng	

5.1.7	<p>Chỉ thị: Lựa chọn tạm thời A: bột cá hoặc các sản phẩm dầu cá được sử dụng trong thức ăn có nguồn gốc từ thủy sản với số điểm trung bình (FS) FishSource Lựa chọn tạm thời B: Sản phẩm cá được sử dụng trong thức ăn đã được có nguồn gốc từ các cơ sở có xác nhận là phù hợp với mục 11 (Nguồn chịu trách nhiệm), 2 (Truy xuất nguồn gốc), và 3 (Chịu trách nhiệm sản xuất) của các bột cá quốc tế và Tổ chức đầu cá của (IFFO) “chương trình nguồn gốc có trách nhiệm cho việc chứng nhận của Qui Phạm sản xuất có trách nhiệm về bột cá và đầu cá Yêu cầu: ≥ 6.0 không có điểm cá nhân <6,0 hoặc N/A trong hạng mục đánh giá Có Khả năng ứng dụng: Lên đến khi tiêu chuẩn 5.1.5 hoặc 5.1.6 có thể được đáp ứng. Không áp dụng nếu chỉ vụn và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản được sử dụng</p>	<p>Hướng dẫn cho khách hàng về Chỉ thị 5.1.7 - Điểm số nguồn cá của sản phẩm sử dụng trong thức ăn Để xác định điểm Nguồn Cá của các loài cá được sử dụng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, làm như sau: - Truy cập http://www.fishsource.org/ - Chọn "Species" thả xuống tab bên trái - Chọn loài được sử dụng bởi các trang trại như là một nguồn bột cá hoặc dầu - Xác nhận rằng tìm kiếm xác định các loài chính xác, sau đó chọn tab đầu mà đọc "Scores" Xem xét điểm để thẩm tra điểm FS trung bình ≥ 6,0; không có điểm riêng lẻ <6,0, và không có "" N / A "" cho thể loại "đánh giá nguồn lợi" (loại 4 trong điểm số nguồn cá). Nếu kết quả cho thấy các loài không đáp ứng tất cả các tiêu chí trên, thì thức ăn không đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn ASC cá tra. Nếu các loài chưa được đánh giá. a.Có được tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi cho Chỉ thị số 5.1.5. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ. b.Cung cấp điểm FS hoặc thẩm tra của IFFO chứng nhận cho từng loài được sử dụng như là một thành phần thức ăn trong tất cả các nguồn cấp thức ăn được các trang trại sử dụng trong thời gian 12 tháng qua. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ</p>		<p>Công bố từ Domyfeed CFM vào ngày 02/04/2012 rằng thành phần bột cá được làm bởi các loài cá : loignathidae, Engraulidae & Sardinelle, tất cả việc đánh bắt đều nằm trong vùng cho phép đánh cá của chính phủ Việt Nam. Không áp dụng</p>	
5.2 Tiêu chuẩn: Quản lý hiệu quả thức ăn sử dụng trong trại nuôi					
5.2.1		<p>Chỉ thị: Trọng lượng tối đa [50] trung bình của Hệ số chuyển đổi thức ăn kinh tế (eFCR) cho chu kỳ sản xuất hoàn chỉnh Yêu cầu: 1,68 Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu) a.Có được biện minh về ý hoặc báo cáo từ nhà cung cấp giống cho thấy trọng lượng trung bình của con giống và số lượng. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu). b.Lưu hồ sơ các loại thức ăn và tổng số lượng được sử dụng (xem 3.1.1a). c.Lưu hồ sơ (ví dụ như biên lai) cho thấy số lượng cá thu hoạch (xem 2.4.2b). Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu). d.Tính toán eFCR và nâng suất cho mỗi vụ thu hoạch trong 12 tháng qua bằng cách sử dụng các công thức được đưa ra trong Phụ lục D của tiêu chuẩn cá tra. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu). e.Tính toán eFCR bình quân tối đa cho chu kỳ sản xuất hoàn chỉnh bằng cách sử dụng công thức được đưa ra trong Phụ lục D của tiêu chuẩn cá tra.</p>	<p>Đánh giá của đánh giá viên (Hành động CB được yêu cầu) A. Xem xét hồ sơ để xác nhận rằng trang trại có hồ sơ cho tất cả con giống. B. Xác nhận rằng trang trại có hồ sơ đầy đủ và chính xác cho thức ăn nuôi C. Thẩm tra trang trại giữ hồ sơ cho thấy số lượng cá thu hoạch. D. Xem xét tính toán về tính chính xác và đầy đủ. E. Xem xét tính toán cho chính xác. Xác nhận sự tuân thủ.</p>	<p>C Hồ sơ giống trong nhật ký nông trại cho từng ao riêng biệt. C Hồ sơ thức ăn hàng ngày trong nhật ký trại cho từng ao riêng biệt. -> 23,24/11/2012: Quan sát thực tế kho chứa thức ăn: Trại 6: kho thức ăn chứa 2 loại thức ăn với hàm lượng đạm và kích cỡ viên khác nhau được để trộn lẫn. (góp ý cải tiến) NC-> Open Số lượng thu hoạch được ghi lại trong nhật ký trại nuôi, kiểm tra biên lai thu hoạch ao 6 trại số 1 & ao 1 trại số 6: Kết quả hiển thị sự tuân thủ. -> 23, 24/11/2012: 1) Có nhiều cá rô Phi trong ao nuôi nhưng sản lượng thu hoạch không bao gồm sinh khối cá rô phi. 2) Kế hoạch kiểm soát xâm nhập của các loài cá khác vào ao nuôi cá tra không hiệu quả. (Nca2) C Có tính toán eFCR cho từng ao riêng biệt, tất cả kết quả hiển thị sự tuân thủ. NC-> Đóng * Trang trại số 1: có tính toán eFCR trung bình cho 9 ao thu hoạch nhưng trại áp dụng sai công thức tính toán -> 19/10/2012: Kiểm tra lại cách tính eFCR đúng, Có tính eFCR cho cá trại nuôi ngày 01 Sep 12: KQ eFCR = 1.6 OK. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực. * Trang trại số 6: đạt</p>
Chú thích: [50] Trọng lượng được thực hiện bởi số lượng cá được sản xuất trong các đơn vị canh tác khác nhau (ví dụ như ao, đống và lồng).					
5.2.2	<p>Chỉ thị: Hệ số chuyển đổi tối đa thức ăn cho cá (FFER) Yêu cầu: 0,5 Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Có một hoặc nhiều báo cáo từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi cho thấy tỷ lệ phần trăm bao gồm tối đa bột cá và đầu cá trong mỗi loại thức ăn được sử dụng. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng. b.Tính FFER bằng cách sử dụng các công thức được đưa ra trong Phụ lục D của tiêu chuẩn cá tra. Các sản phẩm phụ từ chế biến thủy sản của các loài khác hơn so với cá tra nhưng không phải trên Danh sách đỏ của IUCN hoặc CITES có thể được sử dụng và không được xem là "bột cá hoặc đầu cá" cho tính toán này.</p>	<p>A. Thẩm tra rằng trang trại có được thông tin về phần trăm bao gồm bột cá và đầu cá cho tất cả các loại thức ăn. B. Xem xét tính toán để thẩm tra độ chính xác. Xác nhận sự tuân thủ.</p>	<p>C Có công bố từ Domyfeed CFM cho bột cá và đầu cá trong thức ăn chăn nuôi vào ngày 09/02/2012: - 28% P: 4% bột cá, 1% đầu cá - 26% P: 3% bột cá, 0,7% đầu cá - 22% P: 2% bột cá, 0,5% đầu cá C Có xem xét tính toán FFER của bột cá và đầu cá cho từng ao riêng biệt, kết quả hiển thị sự tuân thủ.</p>	
PRINCIPLE 6. Minimize ecosystem and human health impacts, while maximizing fish health, welfare and ensuring food safety					
6.1 Criteria: Mortalities					
Compliance Criteria (Required Client Actions):			Auditor Evaluation (Required CB Actions):		

6.1.1	<p>Chỉ tiêu: Tỷ lệ chết trung bình thực tế tối đa, tính theo phần trăm, kể từ lúc thả giống đến lúc thu hoạch, trong quá trình nuôi thương phẩm (xem công thức tính tỷ lệ chết thực theo phần trăm ở Phụ Lục D)</p> <p>Yêu cầu : 20%</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về chỉ tiêu 6.1.1 - Tính tỷ lệ % trung bình cá chết trên thực tế. Tính tỉ lệ cá chết trung bình trên thực tế từ dữ liệu thả giống và thu hoạch từ mỗi ao được trang trại sử dụng trong vòng 12 tháng . Làm một phép tính cho mỗi ao như sau: 1. Xác định số lượng cá giống được thả, con số này có thể được lấy từ: - Số lượng giống trực tiếp hoặc, - Lấy tổng trọng lượng của cá giống thả vào chia cho trọng lượng trung bình của cá giống được thả. 2. Xác định số lượng cá thu hoạch. Con số này lấy từ: - Số lượng cá thu hoạch, hoặc - Lấy tổng trọng lượng của cá thu hoạch chia cho trọng lượng trung bình của cá thu hoạch. 3. Sử dụng công thức trong phụ lục D, tính toán tỷ lệ cá chết trung bình trên thực tế. 4. Lập lại bước 1, 3 cho mỗi ao. 5. Tính toán tỷ lệ trung bình RPM cho tất cả các ao trong vòng 12 tháng (xem chú ý 1). Lần đánh giá đầu tiên phải có giấy tờ của ít nhất một vụ thu hoạch hoàn chỉnh Ghi chú 1: Chỉ lấy số lượng cá sống để tính. Không bao gồm lượng cá chết khi xác định số cá thu hoạch hoặc số lượng giống thả Ghi chú 2: Chỉ sử dụng thông tin từ vụ mùa hoàn chỉnh.</p>		
		<p>a. Có biên lai và / hoặc báo cáo từ nhà cung cấp giống cho thấy trọng lượng trung bình của cá giống và số lượng (5.2.1a). Duy trì hồ sơ để chỉ ra tổng số cá được thả vào mỗi ao trong suốt 12 tháng trước. Trong cuộc đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải được ghi nhận trên 6 tháng và ghi nhận cho ít nhất một vụ mùa hoàn chỉnh tại mỗi địa điểm đánh giá (xem lời mở đầu)</p>	<p>A. Xem xét biên lai. Xác nhận rằng hồ sơ của trang trại là đủ để xác định số lượng con giống được thả vào mỗi ao</p>	<p>C</p> <p>* Có biên lai nhận giống cho mỗi ao * Kiểm tra biên lai nhận giống của Ao 6 thuộc Vùng nuôi 1 và Ao 1 thuộc vùng nuôi 6: kết quả cho thấy sự tuân thủ.</p>
		<p>b. Duy trì hồ sơ thu hoạch cho mỗi vụ (Ví: biên lai bán hoặc biên lai của nhà máy chế biến) đủ để chứng minh tổng số lượng cá thu hoạch từ mỗi ao. Trong cuộc đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh cho mỗi địa điểm đánh giá (xem lời mở đầu)</p>	<p>B. Xem xét hồ sơ. Xác nhận rằng hồ sơ trang trại là đủ để xác định lượng cá được thu hoạch từ mỗi ao.</p>	<p>C</p> <p>* Có biên nhận thu hoạch cá cho mỗi ao. * Kiểm tra biên nhận thu hoạch của Ao 6 thuộc Vùng nuôi 1 và Ao 1 thuộc Vùng nuôi 6: kết quả cho thấy sự tuân thủ</p>
		<p>c. Tính toán khối lượng trung bình của tỷ lệ % cá chết thực tế (xem bên trên), sử dụng công thức trong Phụ lục D của tiêu chuẩn. Cung cấp bảng tính toán cho Chuyên gia</p>	<p>C. Xem xét bảng tính của trang trại để kiểm chứng tính chính xác. Xác nhận rằng tỷ lệ % cá chết trung bình thực tế ≤ 20%</p>	<p>C</p> <p>Preview calculation: Individual pond mortality & average farm mortality were ≤ 20% Xem xét bảng tính: Tỷ lệ cá chết trung bình thực tế của Vùng nuôi và của mỗi ao ≤ 20%</p>
6.2 Criteria: Veterinary medicines and chemicals				
		Compliance Criteria (Required Client Actions):	Auditor Evaluation (Required CB Actions):	
6.2.1	<p>Chỉ tiêu: Chỉ sử dụng thuốc thú y, hóa chất và các sản phẩm sinh học cho phép dùng trong nuôi trồng thủy sản bởi các cơ quan có thẩm quyền và không bị cấm ở các quốc gia nhập khẩu tiềm năng</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>A. Soạn thảo danh mục tất cả các thuốc thú y, hóa chất và các phế phẩm sinh học được sử dụng trong trang trại trong vòng 12 tháng trước. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải được ghi nhận cho ít nhất 01 vụ mùa hoàn chỉnh trên một địa điểm đánh giá (xem lời mở đầu)</p> <p>B. Cung cấp hồ sơ chi tiết việc sử dụng bất cứ loại thuốc thú y, hóa chất hay phế phẩm sinh học của trang trại trong vòng 12 tháng qua. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận ít nhất 01 vụ mùa hoàn chỉnh trên một địa điểm đánh giá (xem lời mở đầu)</p> <p>C. Cho mỗi danh mục được cung cấp trong mục 6.2.1, xác minh các nhà cung cấp và thông tin hợp đồng.</p> <p>D. Cho mỗi danh mục được cung cấp ở mục 6.2.1, chỉ ra rằng mỗi hạng mục đều đã được phê duyệt sử dụng trong nuôi trồng thủy sản bởi cơ quan có thẩm quyền Quốc gia.</p> <p>E. Cung cấp danh mục các nơi xuất khẩu của trang trại (Ví: các đối tác nước ngoài) trong vòng 12 tháng qua.</p> <p>f. Nếu trang trại không thể xác định nước xuất khẩu (6.2.1e), chuẩn bị một danh mục của top 5 nước nhập khẩu cá tra của nước sở tại (EU được coi như là 1 quốc gia đơn lẻ vì cùng chung một pháp chế)</p> <p>g. Cho mỗi nước được xác định (6.2.1e) , cung cấp danh mục các loại thuốc thú y, hóa chất và phế phẩm sinh học bị cấm đối với sản phẩm cá tra nhập khẩu cho tiêu dùng của con người.</p>	<p>A. Xem xét danh mục thuốc, hóa chất và phế phẩm sinh học</p> <p>B. Xem xét hồ sơ để xác nhận việc sử dụng các sản phẩm trên của Vùng nuôi. Trong quá trình đánh giá tại hiện trường, xác minh rằng không có bằng chứng nào của việc không ghi nhận việc sử dụng bất cứ loại thuốc thú y, chất hóa học, sản phẩm sinh học nào (Ví: không có thùng rỗng hoặc vật tư kho được kiểm kê)</p> <p>C. Xem xét danh mục</p> <p>D. Confirm that listed products used are approved for aquaculture.</p> <p>E. Review list and compare to farm's sales receipts. F. Xem xét danh mục và so sánh với biên nhận bán hàng</p> <p>F. Review list (as applicable). F. Xem xét danh mục</p> <p>G. Xem xét danh mục</p>	<p>C</p> <p>NC --> Open</p> <p>* Có danh mục thuốc thú y, hóa chất và phế phẩm sinh học sử dụng tại Vùng nuôi, phù hợp khi so sánh với danh mục thuốc thú y, hóa chất, phế phẩm sinh học được phê duyệt cho sử dụng trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam (có sẵn tại Vùng nuôi)</p> <p>* Việc sử dụng bất cứ loại thuốc thú y, hóa chất, phế phẩm sinh học nào đều được ghi nhận trong Nhật ký vùng nuôi. * Kiểm tra tại hiện trường: Farm 6: cho thấy tuân thủ. Farm 1: chưa áp dụng. --> 19/10/2012: Kiểm tra tại Trại 1: kiểm tra kho chứa hóa chất, nhập xuất tồn hóa chất đạt, kiểm tra chéo thực tế hóa chất trong kho và danh mục thuốc, hóa chất được phép sử dụng, kết luận đạt. --> 23, 24/11/2012: 1) Cần sử dụng để cân hóa chất không có dấu hiệu được hiệu chuẩn định kỳ, phương pháp hiệu chuẩn và dụng cụ hiệu chuẩn không phù hợp, không có hồ sơ hiệu chuẩn (Trại 1 và Trại 6). 2) Danh mục thuốc hóa chất và hướng dẫn an toàn sử dụng thuốc không có dấu hiệu được phê duyệt (Trại 1). 3) Kho chứa vôi muối: chưa có khu vực nhận dạng riêng cho từng sản phẩm, vôi được sắp xếp không được ngăn nắp (Trại 1). 4) Kiểm tra hồ sơ nhập, xuất, tồn của thuốc và hóa chất sử dụng, kết quả đối chiếu cho thấy có thiếu sót trong việc ghi nhận số liệu, thiếu một số hóa đơn nhập và xuất thuốc (Trại 6). (NCA3)</p> <p>C</p> <p>C</p> <p>C</p> <p>C</p> <p>C</p> <p>C</p>

		h. Chỉ ra rằng trong 12 tháng qua, Vùng nuôi không sử dụng bất cứ loại thuốc thú y, hóa chất, phế phẩm sinh học bị cấm hoặc chưa được phê duyệt nào bởi nước nhập khẩu	H. Xem xét bằng chứng. Kiểm tra chéo với thị trường xuất khẩu của vùng nuôi (nước nhập khẩu) và danh mục các chất cấm (6.2.1e) tại các nước đó	C	Có danh mục các nước xuất khẩu với các loại thuốc và hóa chất bị cấm.
6.2.2	<p>Chỉ tiêu: Chỉ sử dụng thuốc thú y và hóa chất cho việc chữa bệnh được kê đơn bởi các chuyên gia về thú y thủy sản [55] dựa vào điều kiện đã xác định, căn cứ trên theo các thông số trên nhãn về việc sử dụng các chất đúng mục đích.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	A. Cung cấp hồ sơ toa thuốc, hoặc giấy tờ ghi chép khuyến cáo của chuyên gia thú y thủy sản cho việc sử dụng thuốc thú y và hóa chất tại vùng nuôi. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ vùng nuôi phải được ghi nhận trong vòng 6 tháng qua.	A. Xem xét hồ sơ toa thuốc hoặc giấy tờ ghi nhận khuyến cáo của chuyên gia cho các loại thuốc thú y và hóa chất	C	Kiểm tra hồ sơ ao 9 - Farm 1 bị nhiễm ký sinh trùng nội bộ, toa thuốc được ban hành và phê duyệt bởi chuyên gia thú y cho việc sử dụng sản phẩm chống ký sinh trùng trong vòng 03 ngày 09, 10 & 11 tháng 9/2011. Toa thuốc cũng có đề cập đến việc thời gian cần cho sản phẩm phụ hồi trước khi thu hoạch
		B. Với mỗi ứng dụng của các loại thuốc thú y và hóa chất sử dụng cho điều trị, cung cấp một mô tả về điều kiện và bằng chứng cho thấy chúng thực (theo toa) từ một chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sản. Trong cuộc đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải được ghi chép trong vòng ≥ 6 tháng qua.	B. Xem xét mô tả được ghi chép. Xác nhận việc sử dụng đã được phê duyệt với Chuyên gia Thú y.	C	Toa thuốc được phê duyệt bởi chuyên gia thú y
		C. Nếu ứng dụng khác với thông số trên nhãn, phải có văn bản giải trình từ chuyên gia thú y thủy sản. Trong cuộc đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận được từ ≥ 6 tháng trước đó.	C. Xem xét việc giải trình từ Chuyên gia Thú y nếu có	C	Toa thuốc đã được chuyên gia thú y ban hành và phê duyệt trước khi sử dụng
		D. Cung cấp bản sao bằng cấp của chuyên gia thú y cho thấy anh ấy/ cô ấy hội đủ các điều kiện phù hợp cho vị trí này.	D. Xem xét bằng chứng. Xác nhận rằng chuyên gia thú y đã được đào tạo đủ năng lực.	C	Chuyên gia Thú y sản đã được chứng thực đủ năng lực.
Footnote	[55] Các chuyên gia về Thú y thủy sản được định nghĩa theo các quy định của nhà nước nếu các quy định đó có hiệu lực ở quốc gia sản xuất và nuôi trồng. Nếu nhà nước không có quy định này, những người như sau có thể được coi như chuyên gia:				
Footnote	[56] Các thông số ghi trên nhãn có thể được điều chỉnh theo đề nghị của chuyên gia về bệnh học thủy sản. Các đề nghị này phải được ghi trong sổ tay theo dõi ao nuôi hoặc được phê duyệt trong kế hoạch sức khỏe thủy sản.				
6.2.3	<p>Chỉ tiêu: Tuân theo các chỉ dẫn của các chuyên gia thú y thủy sản về:</p> <p>1. Cách sử dụng thuốc thú y và hóa chất theo quy định</p> <p>2. Các thức sử dụng, lưu trữ thuốc thú y, hóa chất được kê đơn.</p> <p>3. Ai là người được thông báo về bệnh dịch và như thế nào?</p> <p>4. Làm thế nào để ngăn chặn lây lan dịch bệnh cho quần đàn tự nhiên và quần đàn nuôi.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Đối với thuốc thú y, hóa chất được áp dụng cho tất cả các sự kiện từ vòng được thông báo, cung cấp các báo cáo của chuyên gia cho thấy có/anh ấy khuyến nghị về: <ul style="list-style-type: none"> - Làm thế nào để áp dụng thuốc thú y và hóa chất được kê toa; - Làm thế nào để xử lý và lưu trữ các loại thuốc thú y và hóa chất được kê toa; - Những người cần được thông báo về dịch bệnh này; - Làm thế nào để hạn chế sự lây lan của căn bệnh này với các quần thể tự nhiên hoặc nuôi lân cận. <p>Trong cuộc đánh giá đầu tiên, hồ sơ vùng nuôi phải ghi nhận ≥ 6 tháng.</p>	A. Xem xét các sự kiện về y tế để xác minh rằng trang trại có văn bản khuyến cáo từ chuyên gia thú y thủy sản đề cập cách xử lý 4 điều trên.	C	Sự kiện y tế được kiểm tra trong quá trình đánh giá: tuân thủ
		B. Cung cấp bản tuyên bố làm theo khuyến cáo của chuyên gia	B. Xem xét thông cáo của trang trại để xác nhận tuân theo các khuyến cáo của chuyên gia thú y.	C	Kiểm tra thông cáo: tuân thủ
		-	C. Trong lúc đánh giá hiện trường, kiểm tra để xác minh việc lưu trữ tại kho có tuân theo khuyến cáo của chuyên gia thú y	C	Kiểm tra tại hiện trường lưu trữ thuốc và hóa chất: * Farm 1: chưa áp dụng * Farm 6: tuân thủ
		-	D. Trong lúc đánh giá hiện trường, quan sát trực tiếp để xác nhận rằng không có bất cứ bằng chứng nào của việc các khuyến cáo ko được tuân theo.	C	Kiểm tra hiện trường cho thấy phù hợp
6.2.4	<p>Chỉ tiêu: Cho phép bán cá và các sản phẩm từ cá trước khi kết thúc thời hạn cụ thể ghi trên thuốc thú y, hóa chất hoặc là áp dụng 750 °D nếu ko có quy định cụ thể ghi trên nhãn</p> <p>Tiêu chuẩn: Không</p> <p>Áp dụng: tất cả</p>	a. Đối với phương pháp điều trị hóa chất / thuốc trong vòng 12 tháng qua, cung cấp hồ sơ hàng ngày sử dụng và nhiệt độ của nước trong suốt thời gian phục hồi. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng và ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu).	A. Xem xét hồ sơ từ tất cả sự thu hồi	C	Hồ sơ từ tất cả sự phục hồi có trong nhật ký trang trại và trong toa của chuyên gia AAH
		B. Cung cấp nhãn ghi rõ thời hạn thời gian phục hồi. Nếu nhãn không chỉ định một khoảng thời gian phục hồi, cung cấp bằng chứng cho thấy thời gian phục hồi > 750oD	B. Xem xét nhãn và ngày tháng hoàn thành giai đoạn phục hồi	C	Kiểm tra nhãn và ngày hoàn thành thời gian phục hồi: Tuân thủ
		C. Cung cấp bằng chứng (ví dụ như biên lai) cho thấy cá không được thu hoạch trước khi hoàn thành giai đoạn phục hồi trong vòng 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng.	C. Đánh giá bằng chứng để xác minh rằng ko có cá được thu hoạch trước thời gian hoàn thành giai đoạn phục hồi	C	Kiểm tra nhật ký trang trại cho việc thu hoạch ở mỗi ao cho thấy sự tuân thủ.
6.2.5	<p>Chỉ tiêu: Cho phép sử dụng các kháng, vi sinh nguy hiểm cho con người theo phân loại của tổ chức y tế thế giới WHO [57]</p> <p>Yêu cầu: không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Duy trì một danh sách của tất cả các kháng sinh được sử dụng tại trang trại trong 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu).	A. Xem xét danh mục kháng sinh sử dụng	C	Có danh mục kháng sinh sử dụng
		b. Soạn thảo công báo về việc trang trại không sử dụng bất kỳ loại thuốc kháng sinh quan trọng cho y học của con người như phân loại của WHO trong 12 tháng qua.	B. Xem xét tuyên bố. Kiểm tra chéo danh mục kháng sinh sử dụng tại trang trại (xem 6.2.5a) với danh mục của kháng sinh ảnh hưởng đến con người của WHO	C	* Có tuyên bố của trang trại * Kiểm tra chéo với danh mục kháng sinh gây nguy hiểm cho con người của WHO: đạt
		c. Cung cấp danh mục cập nhật của WHO [57]	C. Xác minh trang trại có thực hiện việc cập nhật danh mục của WHO	C	Trang trại đã thực hiện việc cập nhật danh mục WHO
			D. Trong quá trình đánh giá, xác minh không có bằng chứng nào của việc sử dụng kháng sinh ảnh hưởng đến con người bằng cách quan sát, giám sát trực tiếp.	C	Kiểm tra hiện trường: đạt
Footnote	[57] Refer to the second WHO Expert meeting on Critically Important Antimicrobials for Human Medicine: Categorization for the Development of Risk Management Strategies to Contain Antimicrobial Resistance due to Non-Human Antimicrobial use, 29–31 May 2007 http://www.who.int/entity/foodborne_disease/resistance/antimicrobials_human.pdf				
6.2.6	<p>Chỉ tiêu: Cho phép sử dụng thuốc thú y (ngoại trừ vaccine) để phòng ngừa trước khi chưa xuất hiện bất kỳ dấu hiệu bệnh tật cụ thể nào.</p> <p>Tiêu chuẩn: không</p>	a. Cung cấp tuyên bố rằng trang trại không sử dụng bất kỳ loại thuốc thú y dự phòng trái phép (bằng chứng của một vấn đề bệnh cụ thể)	A. Xác minh vùng nuôi có làm tuyên bố	C	Có 1 tuyên bố của chuyên gia thú y 1/2012
		b. Có được một tuyên bố từ các chuyên gia sức khỏe động vật thủy sản chỉ ra rằng anh / cô ta không thấy bất kỳ việc sử dụng dự phòng trái phép các loại thuốc thú y (bằng chứng của một vấn đề bệnh cụ thể) của các trang trại trong 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, thời gian được kê khai phải ≥ 6 tháng.	B. Xác minh chuyên gia y tế tuyên bố rằng ko có việc dự trữ sử dụng thuốc thú y không cho phép	C	Xác minh tuyên bố của chuyên gia thú y: đạt
		c. Duy trì biên lai cho tất cả các mua các loại thuốc thú y. Kiểm toán đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi trang web (xem phần mở đầu).	C. Xác minh vùng nuôi duy trì hồ sơ của tất cả các lần mua thuốc.	C	Biên nhận mua thuốc được lưu giữ

	Áp dụng: tất cả	-	D. Trong quá trình đánh giá tại hiện trường, kiểm tra hàng tồn kho các loại thuốc thú y để xác minh rằng tất cả các nguồn cung cấp được tính toán.	C	Kiểm tra tại hiện trường thuốc tồn kho * Farm 1: N/A * Farm 6: OK
		-	B. Đồng nhất giữa số lượng thuốc thú y mua với lượng lưu kho và hồ sơ ghi nhận sử dụng. (e.g. 6.2.5a) dựa trên việc xem xét một mẫu thuốc.	C	Hồ sơ sử dụng được kiểm tra và so sánh với số lượng mua hàng và số lượng lưu kho : phù hợp
6.2.7	Chỉ tiêu: Cho phép sử dụng thuốc kháng sinh (trừ vaccine) làm chất kích thích tăng trưởng Yêu cầu: không Áp dụng: Tất cả	a. Có thông cáo, xác nhận bởi một chuyên gia về sức khỏe động vật thú y sản chỉ ra rằng đã có không sử dụng các loại thuốc thú y (trừ vắc xin) như kích thích tăng trưởng của các trang trại trong 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, thời gian thông được kê khai phải ≥ 6 tháng.	A. Xác minh chuyên gia thú y hỗ trợ tuyên bố rằng không có sử dụng thuốc thú y như kích thích tăng trưởng.	C	Xác minh tuyên bố của chuyên gia thú y: ok
		-	B. Đồng nhất giữa số lượng thuốc thú y mua với lượng lưu kho và hồ sơ ghi nhận sử dụng. (e.g. 6.2.5a) dựa trên việc xem xét một mẫu thuốc.	C	Hồ sơ sử dụng được kiểm tra và so sánh với số lượng mua và lưu kho: đạt
Footnote	[58] Chất kích thích tăng trưởng: Thuốc thú y, như kháng sinh, được sử dụng cho các con khỏe với mục đích làm chúng phát triển nhanh hơn (không nhằm mục đích chữa một loại bệnh nào)				
6.3 Criteria: Kế hoạch sức khỏe Cá tra					
		Compliance Criteria (Required Client Actions):		Auditor Evaluation (Required CB Actions):	
6.3.1	Chỉ tiêu: Xuất trình kế hoạch sức khỏe cá tra được ghi chép và có kiểm tra hàng năm, cập nhật và phê duyệt bởi chuyên gia thú y thủy sản [59] Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị bản kế hoạch y tế của trại nuôi cá tra bao gồm tất cả các yếu tố cần thiết (phụ lục E). b. Kế hoạch Y tế Cá tra được xem xét và chấp thuận bằng văn bản bởi chuyên gia sức khỏe động vật thú y sản của trang trại. c. Xem xét lại kế hoạch sức khỏe ít nhất 12 tháng 1 lần. Cập nhật những yêu cầu cần thiết và có phê duyệt của Chuyên gia thú y	A. Xem xét kế hoạch sức khỏe cá tuần thú với Phụ lục E B. Xác nhận rằng chuyên gia thú y của vùng nuôi đã xem xét và phê duyệt kế hoạch sức khỏe cá tra. C. Xác nhận rằng vùng nuôi có kế hoạch sức khỏe cá đã được xem xét, được cập nhật, và được phê duyệt mỗi 12 tháng. Lần đánh giá đầu tiên, câu trả lời là " chưa áp dụng được	C	Kế hoạch sức khỏe sẵn sàng và bao hàm tất cả các điểm trong phụ lục E và được thực hiện tại vùng nuôi.
		-	D. Trong lúc đánh giá tại hiện trường, Xác minh rằng kế hoạch được thực hiện và có hiệu lực	C	Kế hoạch sức khỏe được thực hiện
Footnote	[59] GlobalG.A.P. AB 5.2.3 được dùng để sửa đổi để thích hợp với nhu cầu của các bên tham gia PAD				
6.4 Criteria: Lưu trữ hồ sơ cụ thể của một đơn vị nuôi.					
		Compliance Criteria (Required Client Actions):		Auditor Evaluation (Required CB Actions):	
6.4.1	Indicator: Sự sẵn sàng của hồ sơ ghi nhận tên, nguyên nhân sử dụng, ngày, liều lượng và thời gian ngưng sử dụng của tất cả các loại thuốc thú y và hóa chất được sử dụng trong trại giống và cơ sở nuôi thương phẩm. Yêu cầu: Có Áp dụng: tất cả	A. Duy trì hồ sơ xác minh tất cả các loại thuốc thú y và hóa chất sử dụng trong quá trình nuôi trồng. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận ≥ 6 tháng. B. Duy trì bản sao nhân để chỉ rõ thời gian phục hồi. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận cho ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh trên 1 địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu) C. Duy trì thông cáo có chữ ký của chuyên gia thú y chỉ rõ ngày, chẩn đoán, phương pháp điều trị và thời gian phục hồi (nếu khác với nh ấn) của tất cả các thuốc thú y và hóa chất sử dụng trong quá trình nuôi. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải trên sau tháng. D. Có bản thông cáo được xác nhận từ nhà cung cấp xác minh các loại thuốc thú y và hóa chất sử dụng trong sản xuất giống. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh/địa điểm đánh giá	A. Xác minh trang trại duy trì hồ sơ mua hàng B. Xác nhận việc vùng nuôi duy trì hồ sơ thể hiện thời gian phục hồi tại trong quá trình nuôi. C. Xác minh trang trại duy trì những công báo liên quan từ chuyên gia thú y trong quá trình nuôi. D. Xác minh vùng nuôi có thông cáo từ các nhà cung cấp giống.	C	Xem 6.2.6.c
				C	Xem 6.2.4.a
				C	Kiểm tra toa thuốc của chuyên gia thú y
				C	Có tuyên bố từ các nhà cung cấp giống
6.4.2	Chỉ tiêu: Sự sẵn sàng của hồ sơ ghi nhận nguồn gốc, kích cỡ, và chất lượng của giống được thả. Các hồ sơ về chất lượng giống bao gồm: 1. Mô tả dấu hiệu chung và các biểu hiện bất thường 2. Danh mục thuốc thú y, hóa chất và các phế phẩm sinh học được sử dụng ở giai đoạn trước con giống. 3. Kết quả phân tích mầm bệnh theo quy định của Pháp luật. Yêu cầu: Có Áp dụng: tất cả	Đối với tất cả các lần thả trong 12 tháng qua, có văn bản với chữ ký từ các nhà cung cấp giống báo cáo về: - Nguồn gốc, kích thước và chất lượng giống cung cấp; - Ngày được cung cấp; - Mô tả của bất kỳ dấu hiệu bên ngoài của các bất thường tại thời điểm bán; Danh sách các loại thuốc thú y, hóa chất và các sản phẩm sinh học được sử dụng trong giai đoạn trước đó (tức là sử dụng bất cứ lúc nào từ sinh sản); - Kết quả kiểm tra sau tác nhân gây bệnh theo pháp luật (nếu có). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng.	A. Xác minh việc duy trì hồ sơ chất lượng giống được yêu cầu.	C	Xác nhận trang trại duy trì hồ sơ ghi nhận số lượng giống như yêu cầu: ok
6.4.3	Chỉ tiêu: Hồ sơ ghi chép hàng ngày việc theo dõi thường xuyên các biểu hiện bị sốc hoặc bệnh của cá Yêu cầu: Có Áp dụng: tất cả	a. Duy trì hồ sơ hàng ngày (nhật ký) giám sát triệu chứng sốc hoặc bệnh tật. Hồ sơ phải xác định: - Ngày; - Sự hiện diện của dấu hiệu bên ngoài và hành vi của các bất thường (tức là cho ăn hành vi, hành vi bơi, tổn thương, các điểm, ecto-ký sinh trùng lớn, xói mòn vây, vv); - Số lượng cá chết. lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận ít nhất 1 vụ đầy đủ/địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu).	A. Xem xét hồ sơ ghi nhận hàng ngày để xác minh rằng tất cả các yếu tố báo cáo đã được bao gồm. Xác minh sự tuân thủ.	C	Hồ sơ giám sát hàng ngày có trong nhật ký trang trại. Khi cá có dấu hiệu bệnh hoặc lượng cá chết tăng, chuyên gia thú y sẽ phân tích, làm hồ sơ trên toa thuốc.
Footnote	[60] Các dấu hiệu cá bị sốc hoặc biểu hiện bất thường vd: bơi, giảm ăn, các dấu hiệu bên ngoài (vết thương, đốm, tổn thương vây)				

6.4.4	<p>Chỉ tiêu: Tất cả những trường hợp cá chết trung bình ngày cao hơn tỉ lệ chết trung bình ngày của trại nuôi phải được báo cho chuyên gia thú y của trại nuôi.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: tất cả</p>	<p>Hướng dẫn Chỉ tiêu số 6.4.4 - Thiết lập một ngưỡng cho các báo cáo Tỷ lệ cá chết</p> <p>Chỉ tiêu 6.4.4 yêu cầu các trang trại báo cáo tất cả các sự kiện tỷ lệ cá chết đáng kể cho các chuyên gia sức khỏe động vật thủy sản. Tiêu chuẩn ASC cá tra không quy định một giá trị ngưỡng cụ thể cho tất cả các trang trại áp dụng trên tất cả các trường hợp. Thay vào đó, tiêu chuẩn đòi hỏi các trang trại trao đổi với chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sản của họ để phát triển một ngưỡng cho báo cáo cá chết thích hợp để xác định các sự kiện quan trọng hoặc cá chết "trên trung bình" dựa trên dữ liệu nông nghiệp. Trong việc thiết lập một ngưỡng, trang trại phải xem xét sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngưỡng phải được tạo ra bằng cách sử dụng dữ liệu trang trại cho tỷ lệ cá chết và điều này bao gồm thông tin trang trại từ ao được lựa chọn ít nhất 1 ngẫu nhiên; - Ngưỡng phải có giai đoạn cụ thể vào tài khoản cho tỷ lệ tử vong khác nhau trong tuần 1, tháng 1, và bất kỳ tháng nào sau đó; - Chuyên gia sức khỏe thủy sản của trang trại phải thiết lập và phê duyệt giá trị ngưỡng, không phải người nông dân; - Các trang trại phải mô tả cách ngưỡng được thành lập vào Chương trình Y tế của trang trại cá tra. 			
		<p>a. Duy trì một bản ghi hàng ngày của mỗi ao để giám sát tỷ lệ tử cá chết (xem 6.4.3). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu).</p>	<p>A. Xem xét hồ sơ ghi nhận tỷ lệ chết hàng ngày</p>	C	Hồ sơ ghi nhận tỷ lệ cá chết có trong nhật ký trang trại
		<p>b. HỒ sơ ghi chép tỷ lệ cá chết hàng ngày phải được chuyên gia thú y xem xét. Hội chuyên gia để xác định một ngưỡng đối với các báo cáo của các sự kiện cá chết dựa trên đánh giá của tỷ lệ tử cá chết của trang trại (xem hướng dẫn).</p>	<p>B. Xác minh việc chuyên gia thú y đã xem xét hồ sơ cá chết trước khi xác định một ngưỡng để báo cáo tỷ lệ tử cá chết hàng ngày.</p>	C	Chuyên gia thú y đã xem xét hồ sơ cá chết hàng ngày và ký trong nhật ký vùng nuôi
		<p>c. Mô tả cách ngưỡng được thành lập trong Chương trình Y tế của trang trại cá tra (xem 6.3.1).</p>	<p>C. Xem lại các ngưỡng cá chết được đề xuất trong Chương trình Y tế của trang trại để xác nhận phù hợp với yêu cầu.</p>	C	Ngưỡng tử vong đề xuất được thực hiện bằng cách khảo sát của 48 ao nuôi của các trang trại Docifish. Xem xét lại hàng năm.
		<p>d. Duy trì hồ sơ để cho thấy rằng trang trại báo cáo tất cả các sự kiện tử vong vượt ngưỡng đến Chuyên gia AAH. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p>	<p>D. Xem xét hồ sơ báo cáo và kiểm tra chéo đối với các hồ sơ tử vong hàng ngày để xác nhận phù hợp với yêu cầu.</p>	C	OK
6.5 Criteria: Fish welfare./ Phúc lợi cho cá					
		Compliance Criteria (Required Client Actions):	Auditor Evaluation (Required CB Actions):		
6.5.1	<p>Chỉ tiêu: Tỷ lệ tăng trưởng trung bình tối thiểu</p> <p>Yêu cầu: 3.85 g/ngày</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho khách hàng của Chỉ tiêu 6.5.1 - Tính Tỷ lệ tăng trưởng trung bình</p> <p>Phụ lục D của tiêu chuẩn ASC cá tra cung cấp các công thức để tính toán năng suất và tốc độ tăng trưởng trung bình (AGR). Trang trại phải thực hiện những tính toán này bằng cách sử dụng dữ liệu thả và sau thu hoạch từ các ao (tức là nó được tính toán trên cơ sở cây trồng theo vụ). Cần được thực hiện như sau:</p> <p>Năng suất (từ Pond1) = tổng trọng lượng cá thu hoạch (từ Pond1) - tổng trọng lượng cá đã cung cấp (Pond1)</p> <p>AGR_{P1} = Yield_{P1} / thời gian của chu kỳ sản xuất (Pond1)</p> <p>Trường hợp trọng lượng được xác định gram (g), thời gian là ngày (d), AGR được tính theo đơn vị gam mỗi ngày (g / ngày), và ao được xác định bởi P1, P2, vv P3</p> <p>Lặp lại các tính toán AGR cho ao ao thứ hai thứ ba, ... cho đến khi một AGR đã được xác định cho từng ao đã được thu hoạch. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu). Tiếp theo tính toán bình quân trang trại rộng AGR bằng cách sử dụng công thức sau đây:</p> <p>Trung bình có trọng AGR = [(AGR_{P1} x Yield_{P1}) + (AGR_{P2} x Yield_{P2}) ... + (AGR_{Pn} x Yield_{Pn})] / (Yield_{P1} + Yield_{P2} ... + Yield_{Pn})</p> <p>Làm rõ lưu ý:</p> <p>Chỉ số 6.5.1 đã được phát triển theo giả định rằng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hoạch ở 1.000 gram và - Chu kỳ sản xuất trung bình là 8 tháng. <p>Cho rằng tốc độ tăng trưởng cụ thể của cá tra biến với kích thước cơ thể (ví dụ như kích thước và độ tuổi phụ thuộc), công thức sẽ mang lại một mức giảm tăng trưởng tuyệt đối nếu cá được thu hoạch tại một kích thước nhỏ hơn đáng kể so với 1 kg. (Ví dụ như các trang trại thu hoạch cá tại 600-700g trọng lượng cơ thể trung bình).</p> <p>Kiểm toán viên được hướng dẫn để đánh giá Chỉ số 6.5.1 như sau. Trang trại phải cung cấp cho kiểm toán viên với đầy đủ thông tin để xác minh trọng lượng trung bình của cá thả, trọng lượng trung bình của cá khi thu hoạch, và thời gian trung bình của chu kỳ sản xuất. Kiểm toán viên phải xem xét tính toán của trang trại của</p>			
		<p>a. Duy trì hồ sơ (ví dụ như biên lai từ các nhà cung cấp giống) cho thấy trọng lượng của cá thả vào mỗi ao (xem 6.1.1). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).</p>	<p>A. Xác minh vùng nuôi duy trì hồ sơ ghi nhận trọng lượng của cá được thả vào mỗi ao</p>	C	Trọng lượng cá lúc thả được ghi nhận lại trong nhật ký trang trại cho mỗi vùng nuôi
		<p>b. Duy trì hồ sơ cho thấy trọng lượng cá thu hoạch từ mỗi ao (xem 2.4.2b). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).</p>	<p>B. Xác minh việc duy trì hồ sơ ghi nhận khối lượng cá thu hoạch mỗi ao</p>	C	Trọng lượng cá thu hoạch được ghi nhận trong biên nhận thu hoạch
		<p>c. Tính toán tốc độ tăng trưởng trung bình của cá trong mỗi ao như mô tả ở trên (xem hướng dẫn).</p>	<p>C. Xem xét bảng tính để xác nhận tính chính xác và đầy đủ</p>	C	Bảng tính sẵn sàng và chính xác
		<p>d. Sử dụng kết quả của 6.5.1c, tính toán tốc độ tăng trưởng bình quân AGR.</p>	<p>D. Xác minh rằng tỉ lệ tăng trưởng bình quân tuân thủ với yêu cầu.</p>	C	Trọng lượng Tăng trưởng trung bình tuân thủ
6.5.2	<p>Chỉ tiêu: Mật độ cá tối đa vào bất cứ thời điểm nào trong ao</p> <p>Yêu cầu: 38 kg/m² với nuôi ao và bè</p> <p>Áp dụng: Ao và bè</p>	<p>a. Cung cấp kế hoạch của trang trại cho thấy diện tích bề mặt (m²) của mỗi ao</p> <p>b. Duy trì hồ sơ tổng trọng lượng (kg) cá thu hoạch từ mỗi ao (2.4.2b). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).</p> <p>c. Đối với mỗi ao, chia trọng lượng của cá thu hoạch (kết quả từ 6.5.2b) cho diện tích bề mặt của ao (kết quả từ 6.5.2a) để tính toán mật độ cá (kg/m²). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).</p>	<p>A. Xem xét bảng tính của vùng nuôi về diện tích của mỗi ao và xác nhận trong quá trình đánh giá tại hiện trường.</p> <p>B. Xác nhận lưu trữ hồ sơ ghi nhận tổng khối lượng cá thu hoạch cho mỗi ao</p> <p>c. Xem xét tính toán mật độ cá thu hoạch để xác minh tính tuân thủ.</p>	C	<p>Diện tích mỗi ao được ghi nhận trong bản đồ và nhật ký vùng nuôi.</p> <p>Có biên nhận thu hoạch cho mỗi ao. Một ao đã thu hoạch: có biên nhận của mỗi thuyền vận chuyển cá thu hoạt với ngày và số thuyền, tổng khối lượng tại vùng nuôi.</p> <p>Xem xét bảng tính trọng lượng tăng trưởng bình quân trung bình AVG cho mỗi ao và cho cá trang trại: cho thấy tuân thủ</p>

		d.Ngoài việc tính toán mật độ cá thu hoạch (6.5.2.c), trang trại có trách nhiệm ghi lại mật độ ước tính hàng tháng cho mỗi ao bằng cách sử dụng sinh khối ước tính (ví dụ như từ nhật ký trang trại) và diện tích bề mặt (xem 6.5.2a).Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng.	D. Xem xét mật độ cá ước tính hàng tháng để xác minh sự tuân thủ	C	Review monthly estimates of fish density: OK Xem xét ước tính mật độ cá hàng tháng: đạt
6.5.3	Chỉ tiêu: Mật độ cá tối đa vào bất cứ thời điểm nào. Yêu cầu: 80 kg/m3 với lồng Áp dụng: lồng	A. Cung cấp bản mô tả hệ thống chỉ rõ số lượng ao và dung tích mỗi ao	A. Xem xét bảng tính của vùng nuôi về dung tích của mỗi ao và xác nhận trong quá trình đánh giá tại hiện trường.	NA	N/A, Ao
		b. Duy trì hồ sơ của tổng lượng cá thu hoạch mỗi ao. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu)..	B. Xác nhận lưu trữ hồ sơ ghi nhận tổng khối lượng cá thu hoạch cho mỗi ao	NA	N/A, Ao
		c. Với mỗi ao, chia khối lượng cá thu hoạch cho dung tích ao để tính mật độ cá. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).	c. Xem xét tính toán mật độ cá thu hoạch để xác minh tính tuân thủ.	NA	N/A, Ao
		d.Ngoài việc tính toán mật độ cá thu hoạch (6.5.3.c), các trang trại có trách nhiệm ghi lại mật độ ước tính hàng tháng của cá cho mỗi ao bằng cách sử dụng sinh khối ước tính (ví dụ như từ nhật ký trang trại) và dung tích ao (6.5.3a).Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng.	D. Xem xét mật độ cá ước tính hàng tháng để xác minh sự tuân thủ	NA	N/A, Ao
6.6 Criteria: Predator control					
		Compliance Criteria (Required Client Actions):		Auditor Evaluation (Required CB Actions):	
6.6.1	Chỉ tiêu: Sử dụng động vật dữ để kiểm soát Yêu cầu: không Áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị một danh sách của tất cả các thiết bị kiểm soát động vật ăn thịt v à vị trí của chúng.	A. Xem xét danh sách.	C	Chỉ có bẫy chuột tại vùng nuôi, không sử dụng công cụ bẫy nào khác.
		-	B.Kiểm tra hiện trường để xác minh việc sử dụng điều khiển động vật ăn thịt không gây chết người.	C	Chỉ có bẫy chuột tại vùng nuôi, không sử dụng công cụ bẫy nào khác.
Footnote	[61] Loài địch hại được định nghĩa là những động vật có nguy cơ gây ra cái chết cho những con cá Tra/basa khỏe mạnh. Tiêu chuẩn này ao gồm tất cả các loài địch hại trong suốt thời gian nuôi, nh ưng chỉ có chim, bò sát, thú. Chuột không nằm trong danh sách này vì chuột không có khả năng gây nguy hiểm cho cá nuôi trong ao, ko nguy hiểm tới các vấn đề bảo tồn li ên quan.				
6.6.2	Chỉ tiêu Tỷ lệ tử vong của các loài trong danh sách đỏ IUCN Yêu cầu: 0 (zero) Áp dụng: Tất cả	Instruction to Clients for Indicator 6.6.2 - Presence of IUCN Red Listed Species			
		a.Thực hiện phân tích. Ghi lại tất cả các loài nằm trong DS đỏ IUCN niêm yết trong khu vực của trang trại.	A. Lập lại phân tích để xác minh rằng khách hàng có được một kết quả chính xác	C	Có báo cáo khoa học được thực hiện bởi Trường ĐH ăn thờ v ề " Xác định loài nguy cơ tuyệt chủng"/ Danh sách đỏ IUCN tại Docfish Farm 1 và Farm 6" với nội dung: - Xác định các loài có nguy cơ tuyệt chủng có thể xuất hiện tại khu vực trang trại so sánh với danh sách IUCN. - Đánh giá rủi ro cho tất cả các thực hành nông nghiệp có thể làm nguy hiểm cho các loài. - Áp dụng thực hành canh tác mới để không có tác động tiêu cực đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng.
		b. Nếu bất kỳ loài nằm trong DS đỏ IUCN được xác định trong khu vực của trang trại (bao gồm cả tiếp nhận và nguồn nước), viết một thủ tục trong đó mô tả làm thế nào các trang trại sẽ tránh gây tử vong.	B. Xác minh rằng các thủ tục trang trại phù hợp và được triển khai thực hiện (nếu có).	C	See 6.6.2.a
		-	C. Trong các cuộc phỏng vấn cộng đồng địa phương, xác minh không có bằng chứng của trang trại gây ra tử vong cho các loài nằm trong danh sách đỏ IUCN [cũng xem Indicator 2.2.4 (E)].	C	Phỏng vấn cộng đồng: không có bằng chứng trang trại gây ra tỷ lệ tử vong cho các loài được liệt kê trong danh sách đỏ IUCN
Social requirements in the standards shall be audited by an individual who is a lead auditor in conformity with SAAS Procedure 200 section 3.1.					
NGUYÊN TẮC 7. Xây dựng và vận hành trang trại theo cách có trách nhiệm về xã hội, đóng góp có hiệu quả cho phát triển cộng đồng và xóa đói giảm nghèo.					
7.1 Tiêu chuẩn: Luật lao động					
		Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):			
7.1.1	Cụ thể: Tuân thủ với các luật lao động của quốc gia nơi diễn ra các hoạt động sản xuất nuôi trồng cá tra, ba sa. Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Sử dụng tất cả các luật lao động của quốc gia sở tại v à địa phương có thể áp dụng tại trang trại. Các qui định n ền bao quát được các vấn đề sau: hợp đồng lao động, lao động trẻ em, giờ làm việc, điều kiện sống và làm việc, mức lương tối thiểu và trợ cấp/phúc lợi, điều kiện sức khỏe và an toàn lao động, quy định trong trang trại.		C	- Công ty đã ban hành th ỏa ước lao động tập thể vào ngày 11/Jul/2011 - Nội qui công ty ban hành vào ngày 28/Mar/2011 --> 19/10/2012: Chuyên gia kiểm tra chọn mẫu tên của nhân viên trại nuôi và danh sách nhân viên được mua bảo hiểm tai nạn của công ty, kết quả đạt, công ty có cập nhật theo danh sách công nhân thực tế tại trại.
		b. Đảm bảo rằng trang trại và tất cả các nhân viên tại trang trại tuân thủ theo luật lao động		NC --> Đóng	1) Phỏng vấn công nhân, một vài công nhân không hiểu cách tính tiền làm thêm và nội qui công ty, thỏa ước lao động tập thể. 2) Một vài công nhân không nhận được hợp đồng lao động sau khi ký với người sử dụng lao động. --> 19/10/2012: - Đã kiểm tra hồ sơ huấn luyện cách tính lương, Nội qui công ty, Thỏa ước lao động tập thể vào ngày 3/Oct/2012 - Công ty đã thiết lập kế hoạch huấn luyện định kỳ hằng năm. Kế hoạch được lập ngày 4/Oct/2012 - Hồ sơ nhận hợp đồng lao động của 23 nhân viên. (Farm 1) và 12 nhân viên (Farm 6) - Phỏng vấn công nhân, họ đều hiểu Nội qui công ty, Thỏa ước lao động tập thể cách tính lương. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.

7.2 Tiêu chuẩn: Lao động trẻ em [62] và lao động vị thành niên [63]			
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):			
Ghi chú	[62] Trẻ em: bất cứ người nào dưới 15 tuổi, trừ khi có luật quy định tuổi lao động tối thiểu ở địa phương quy định độ tuổi làm việc cao hơn hoặc tuổi tham gia giáo dục bắt buộc, trong các trường hợp đó, mức tuổi cao hơn sẽ được áp dụng. Tuy nhiên nếu luật tuổi lao động tối thiểu của địa phương quy định ở độ tuổi 14 chiếu theo kỳ vọng của n ước đang phát triển theo công ước 138 của ILO thì độ tuổi (thấp) này sẽ áp dụng. Lao động trẻ em không bao gồm các hoạt động của trẻ em giúp bố mẹ trong trang trại, với điều kiện là công việc trợ giúp đó không ảnh hưởng đến sức khỏe và học hành của các em.		
Ghi chú	[63] Lao động vị thành niên: Bất cứ lao động nào có độ tuổi giữa tuổi trẻ em và dưới 18 tuổi		
7.2.1	<p>Cụ thể: Tuổi lao động tối thiểu</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Duy trì một danh sách tất cả những người làm công tại trang trại có cả ngày sinh</p> <p>b. Lưu bản sao tất cả chứng minh nhân dân của những người làm công đã liệt kê</p> <p>c. Bảo đảm rằng không có người lao động dưới tuổi (Sử dụng ngày sinh để tính chính xác tuổi), xem ghi chú [62]</p> <p>d. Cung cấp một bản công bố rằng trang trại không sử dụng lao động trẻ em và sẽ không thuê mướn bất kỳ ai nhỏ hơn 15 tuổi.</p>	<p>C Trang trại 1: Có 20 nhân viên, người trẻ nhất là Mr. Nguyen Anh Hao (sinh ngày 3/Mar/1992) Trang trại 6: Có 14 nhân viên, người trẻ nhất là Mr. Phan Quang Huy (sinh tháng Jan/1994)</p> <p>C Tất cả các nhân viên có CMND phù hợp với danh sách và hợp đồng lao động.</p> <p>C Thủ tục tuyển dụng và thông tin tuyển dụng đều ghi rõ vấn đề này.</p> <p>C Thể hiện trên thông tin tuyển dụng và chính sách công ty.</p>
7.2.2	<p>Cụ thể: Đối với người làm công dưới 18 tuổi</p> <p>1 - Công việc không ảnh hưởng đến việc học hành</p> <p>2 - Giờ làm việc khi cộng với giờ học không vượt quá 10 giờ /ngày</p> <p>3 - Công việc được giới hạn ở các công việc nhẹ [64]</p> <p>4 - Không được làm các công việc nguy hiểm [65]</p> <p>Yêu cầu: Có</p>	<p>a. Bảo đảm rằng các hợp đồng của các công nhân dưới 18 tuổi chỉ ra rằng quyền của các công nhân trẻ (như trong các yêu cầu này) và mô tả công việc chi tiết đủ để cho phép đánh giá viên kiểm tra các công nhân này được giới hạn trong các công việc nhẹ và không nguy hiểm.</p> <p>b. Duy trì hồ sơ cam kết đến trường của mỗi công nhân trẻ hơn 18 tuổi</p> <p>c. Duy trì hồ sơ giờ làm việc mỗi ngày của tất cả các công nhân trẻ hơn 18 tuổi. Cho lần đầu tiên đánh giá, hồ sơ của trang trại phải bao gồm không ít hơn 6 tháng (≥ 6 tháng)</p> <p>d. Bảo đảm rằng quyền của các công nhân trẻ như các yêu cầu đã chỉ ra được tôn trọng thích đáng tại trang trại.</p>	<p>C Các trang trại không có nhân viên dưới 18 tuổi.</p> <p>C Các trang trại không có nhân viên dưới 18 tuổi.</p> <p>C Các trang trại không có nhân viên dưới 18 tuổi.</p> <p>C Phỏng vấn các công nhân tại trang trại không tìm thấy bất kỳ dấu hiệu nào vi phạm lao động trẻ và trẻ em.</p>
Ghi chú	[64] Công việc nhẹ: (Công ước 138 của ILO điều 7.1) công việc nhẹ là công việc 1) không có khả năng gây hại đến sức khỏe hoặc sự phát triển của trẻ em 2) không có khả năng cản trở sự tham gia học hành, sự tham gia vào các chương trình đào tạo hoặc định hướng nghề nghiệp hoặc không có khả năng triệt tiêu các lợi ích trẻ nhận được từ các hướng dẫn		
Ghi chú	[65] Công việc nguy hiểm: Các công việc mà bản chất hoặc hoàn cảnh công việc đó được triển khai có khả năng gây hại cho sức khỏe, an toàn lao động hoặc đạo đức của người làm công		
7.3 Tiêu chuẩn: Lao động bắt buộc và lao động áp bức [66]			
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):			
Ghi chú	[66] Lao động cưỡng bức (ép buộc): Tất cả các công việc hoặc dịch vụ được triển khai dưới điều kiện bị đe dọa trừng phạt nếu người làm công không thực hiện công việc đưa cho người làm một cách tình nguyện hoặc công việc hoặc dịch vụ được yêu cầu như là một hình thức trả nợ. "Trừng phạt" có thể ám chỉ cả trừng phạt về tiền, trừng phạt về mặt thể chất, hoặc mất quyền hoặc bị hạn chế di chuyển (ví dụ thu/cắt giữ giấy tờ tùy thân)		
7.3.1	<p>Cụ thể: Người làm công được tự do chấm dứt công việc của họ và nhận được chi trả đầy đủ đến ngày làm việc cuối cùng, dựa trên sự thông báo hợp lý [67] họ gửi cho người thuê lao động [68]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Bảo đảm rằng tất cả các hợp đồng lao động chỉ rõ công tự do chấm dứt công việc và nhận đầy đủ lương của họ cho đến ngày cuối cùng.</p> <p>b. Bảo đảm rằng quyền của các người làm công được chỉ ra trong tiêu chuẩn được tôn trọng thích đáng.</p> <p>c. Bảo đảm rằng không ai trong trang trại hay đại diện người sử dụng lao động không cất giữ bản gốc giấy tờ tùy thân của người làm công</p> <p>d. Bảo đảm rằng trang trại không giữ bất cứ phần I ương, phúc lợi, tài sản hoặc tài liệu gì của người làm công để ép buộc người làm công tiếp tục làm việc cho họ.</p> <p>e. Đảm bảo rằng không có người làm công nào bị ép buộc làm việc tại trang trại để trả các khoản nợ.</p>	<p>C Công ty đã ký hợp đồng lao động cho tất cả các nhân viên</p> <p>C Tất cả quyền của công nhân được thể hiện trên hợp đồng lao động và nội qui công ty.</p> <p>C Phỏng vấn công nhân, một vài công nhân phản hồi chưa nhận được hợp đồng lao động sau khi ký với phòng nhân sự -> Điều này đã ghi N/C trong 7.10.1 cho trang trại 1</p> <p>C Đã kiểm tra các khoản chi trả và phỏng vấn công nhân.</p> <p>C Phỏng vấn công nhân và không có dấu hiệu vi phạm.</p>
Ghi chú	[67] Như đã cam kết trong hợp đồng		

Ghi chú	68] Người thuê lao động là những người làm công việc của chính họ hoặc với một hoặc một số thành viên, giữ công việc được gọi là "công việc tự thuê" và trong khả năng nay, dựa trên nền tảng liên tục (bao gồm cả thời kỳ thử thách/ tham chiếu) đã tuyển một hoặc một số người làm việc cho nghề kinh doanh của họ như là những người làm công		
7.4 Tiêu chuẩn: Sức khỏe và an toàn			
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):			
7.4.1	<p>Cụ thể: Người làm công môi trường sống và làm việc không nguy hại</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Duy trì một danh mục tất cả các mối nguy về sức khỏe và an toàn lao động và môi trường sống của người làm công.	<p>NC --> Đóng</p> <p>Có danh sách đánh giá rủi ro (Sức Khỏe & ATLD - ASS-03). Tuy nhiên không có bằng chứng thực hiện định kỳ xem xét đánh giá rủi ro cho trang trại 01 và 06. --> 19/10/2012: - Đã kiểm tra bằng đánh giá mối nguy (Ver 04) hiệu lực ngày 02/Sep/2012 Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p>
		b. Cung cấp các Hướng dẫn công việc (Standard Operating Procedures - SOP) hay các hướng dẫn thực hành an toàn (SOP) cho tất cả các mối nguy về sức khỏe và an toàn đã được liệt kê.	<p>C</p> <p>Trang trại có thủ tục ứng phó khẩn cấp cho 9 SOP (Cháy, Lũ lụt, tr àn dầu, Cách ly, Thất thoát cá, điện giật, ngộ độc thực phẩm, tr àn đổ hóa chất, Bùn tràn ra sông.</p>
		c. Bảo đảm rằng các người làm công đều tuân thủ các SOP của trang trại về sức khỏe và an toàn và được bảo vệ thích đáng khỏi các mối nguy.	<p>NC --> Open</p> <p>Trưởng trang trại đã thực hiện huấn luyện tất cả SOP vào ngày 5/Jul/2012 tại trang trại 1 và trang trại 6 vào ngày 20/Jul/2012. --> 23,24/11/2012: 1) Kho hóa chất, vòi nước rửa mắt cho trường hợp khẩn cấp không có nước. (Farm 1) 2) Trong lúc thu hoạch, có một vài công nhân của nhà thầu phụ hút thuốc trong khi nội qui của trang trại cấm hút thuốc. (Farm 6) (NC4)</p>
		d. Bảo đảm rằng các người làm công được cung cấp nước uống/ nước uống an toàn.	<p>NC --> Đóng</p> <p>- Chưa có bằng chứng kiểm tra nước uống và nước nấu ăn Farm 1 và Farm 06 thì không kiểm tra nước nấu ăn - Mẫu thức ăn không được lưu 24h sau khi cung cấp bữa ăn tập thể. --> 19/10/2012: - Đã kiểm tra kế hoạch định kỳ giám sát điều kiện an toàn và sức khỏe tại 2 trang trại. - Xem xét biểu mẫu kiểm tra sức khỏe và an toàn 28/Sep/2012 - Đã kiểm tra kết quả kiểm tra nước uống và nước nấu ăn đạt QCVN 01/2009/BYT, được thực hiện vào 19/Sep/2012 Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p>
		e. Bảo đảm rằng điều kiện vệ sinh cho tiêu hủy an toàn các rác sinh hoạt trong thực tiễn.	<p>NC --> Đóng</p> <p>Một ít rác nhà bếp thải ra sông. --> 19/10/2012 - Đã thực hiện đi khảo sát nhà ở công nhân và nhà vệ sinh, nhà bếp, kho, tất cả đều khắc phục. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p>
		f. Bảo đảm rằng nhà ở các người làm công được xây dựng bằng các nguyên vật liệu có thể chịu được các điều kiện cư trú.	<p>NC --> Đóng</p> <p>Farm 1: Toilet văn phòng thiếu bàn ngồi và nắp che, một cái khác thì nắp che bị hư Farm 6: Một nhà nghỉ công nhân không đáp ứng nhu cầu sống cơ bản về nền nhà và đèn chiếu sáng. Dây điện của nhà kho kết nối không an toàn. --> 19/10/2012: - Đã thực hiện đi khảo sát nhà ở công nhân và nhà vệ sinh, nhà bếp, kho, tất cả đều khắc phục. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p>
7.4.2	<p>Cụ thể: Người làm công nhận biết các mối nguy về sức khỏe và môi trường an toàn lao động^{69]} ở nơi làm việc và biết cách đối phó với các mối nguy đó</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả, Khuôn viên trang trại</p>	a. Đảm bảo rằng tất cả các công nhân hiểu được các mối nguy được liệt kê trong 7.4.1a và của SOP trong 7.4.1b	<p>C</p> <p>Farm 1 & 6: Phòng vấn công nhân đều nhận thức tốt các mối nguy và được cung cấp PPE miễn phí. Farm 6: Cần duy trì hồ sơ ký nhận của công nhân về PPE</p>
Ghi chú	69] Mối nguy: Tiềm tàng hiện diện để gây tổn thương hoặc hủy hoại sức khỏe của con người- ví dụ không được trang bị để xử lý máy phân tích kim loại nặng một cách an toàn/trực diện với các hóa chất độc hại mà không được bảo vệ		

7.4.3	<p>Cụ thể: Người thuê lao động ghi chép tất cả các tai nạn, kể cả tai nạn nhỏ [70], và triển khai các hành động sửa chữa và phòng ngừa</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Duy trì các hồ sơ của tất cả các tai nạn và các hành động khắc phục đã thực hiện. Cho lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p>	C	<p>Trang trại có sổ theo dõi cập nhật các tai nạn tại trang trại. Tuy nhiên không xảy ra tai nạn nào từ Jan/2012 đến bây giờ.</p>
		<p>b. Bảo đảm rằng các hành động khắc phục đều có tại nơi liên quan.</p>	C	<p>Trang trại có thủ tục khắc phục và phòng ngừa để duy trì hệ thống (PR-14 &15)</p>
Ghi chú	[70] Những tai nạn không thể xử lý trong nhà, do vậy người bị nạn được đưa đến bệnh viện gần nhất			
7.4.4	<p>Cụ thể: Người làm công đảm bảo tất cả các lao động thường xuyên có bảo hiểm y tế</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Duy trì một danh sách của tất cả công nhân chính thức</p>	NC --> Đóng	<p>Một vài công nhân chính thức chưa nhận được bảo hiểm xã hội và y tế (Mr. Dang Van Lit, Pham Van Thanh, Tran Thi Nhung) -> 19/10/2012: - Đã kiểm tra thẻ bảo hiểm xã hội của 10 nhân viên chính thức và bảo hiểm tai nạn của 12 nhân viên mùa vụ. - Đã kiểm tra tình trạng của tất cả các hợp đồng lao động của công nhân trang trại đều phù hợp với luật. - Đã kiểm tra hồ sơ huấn luyện về luật lao động cho nhân viên và trưởng trại. - Phỏng vấn công nhân xác nhận đã nhận được hợp đồng lao động. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p>
		<p>b. Cung cấp các bằng chứng thể hiện bảo hiểm y tế cho tất cả các công nhân chính thức.</p>	C	<p>Hợp đồng lao động và bản photo tất cả các thẻ bảo hiểm y tế của các nhân viên chính thức.</p>
Ghi chú	[71] Bảo hiểm y tế là bắt buộc cho những người làm công được thuê trên 3 tháng/năm. Nếu bảo hiểm y tế không được quốc gia chi trả người thuê lao động phải cung cấp Bảo hiểm thanh toán 100% chi phí của bất cứ tai nạn/tổn thương do công việc gây ra cho các lao động thường xuyên. Không bao gồm chi phí liên quan đến tàn tật vĩnh viễn do tai nạn liên quan đến công việc.			
7.5 Tiêu chuẩn: Tự do đoàn thể và thương lượng tập thể				
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
Ghi chú	[72] Thỏa ước: thương lượng tự nguyện giữa người sử dụng lao động và tổ chức của các công nhân theo trình tự thiết lập các điều khoản và điều kiện lao động bằng bản viết sự đồng ý tập thể.			
7.5.1	<p>Cụ thể: Người làm công [73] có quyền lập hoặc tham gia các tổ chức để bảo vệ quyền của họ (bao gồm quyền thương lượng tập thể) mà không bị cản trở từ người thuê lao động và không phải gánh chịu các hậu quả tiêu cực do thực thi các quyền này [74].</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Hợp đồng lao động liệt kê rõ quyền tự do lập hội</p>	C	<p>Trang trại có CBA và Mr. Duong Van Trat là chủ tịch công đoàn của công ty Docifish. Hợp đồng lao động được lưu giữ tại trang trại.</p>
		<p>b. Người làm công được tự do thành lập và tham gia bất cứ tổ chức công đoàn nào, tự do mà không bị cản trở bởi chủ thuê lao động or hoặc bởi các tổ chức cạnh tranh thành lập bởi hoặc hỗ trợ cho chủ thuê lao động. Cụ thể ILO cấm "các hoạt động được trừ tính để đẩy mạnh việc thành lập các tổ chức công đoàn dưới sự kiểm soát của người thuê lao động hoặc ác tổ chức của người thuê lao động"</p>	C	<p>Phỏng vấn công nhân họ nhận thức tốt về quyền này.</p>
		<p>c. Nếu công đoàn tồn tại, họ có thể tiếp cận/thông báo trực tiếp cho tất cả công nhân (áp phích, tờ rơi, thăm hỏi).</p>	C	<p>CBA được duyệt bởi phòng lao động địa phương. Và công đoàn họp hàng tháng.</p>
		<p>d. Đại diện của công đoàn được tiếp xúc với các thành viên tại nơi làm việc ở các thời điểm hợp lý ở nơi làm việc</p>	C	<p>Tên của chủ tịch công đoàn và số điện thoại được để gần thùng thư góp ý/ khiếu nại.</p>
		<p>e. Có thông tin công khai từ người thuê lao động về cam kết của họ đối với quyền tự do lập hội và các quyền thương thuyết tập thể</p>	C	<p>CBA được duyệt bởi phòng lao động địa phương. Và công đoàn họp hàng tháng.</p>
Ghi chú	[73] Người làm công/công nhân: là người thỏa thuận làm việc cho một doanh nghiệp trong một khoảng thời gian bất kỳ và đối lại họ sẽ nhận thù lao bằng tiền mặt hoặc bằng hiện vật. Các thành viên gia đình trực hệ của chủ trang trại (ví dụ, con, vợ, bố mẹ, anh em trai, chị em gái) và lao động diện trao đổi có thể không được xem là người làm công trừ khi họ bày tỏ mong muốn trở thành người làm công.			
Ghi chú	[74] Người làm công không bị ngăn cấm tiếp cận với các tổ chức như vậy khi các tổ chức đó không tồn tại. Nếu các tổ chức đó không tồn tại hoặc tồn tại không hợp pháp, các công ty phải làm rõ rằng họ sẵn sàng tổ chức đối thoại tập thể thông qua cấu trúc đại diện được bầu cử tự do bởi người làm công.			
7.6 Tiêu chuẩn: Phân biệt, kỳ thị				
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				

7.6.1	<p>Cụ thể: Người làm công không bị thiệt hại từ bất kỳ sự kỳ thị nào [75] từ người thuê lao động hoặc các công nhân khác.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Cơ các chính sách trong kỳ trình bảng lương, tuyen bo công ty không phân gia/không ủng hộ sự kỳ thị về thuê mướn, trả thù lao, tiếp cận giáo dục đào tạo, thăng tiến, nghỉ việc hoặc nghỉ hưu trên cơ sở nòi giống, giai tầng, nguồn gốc quốc gia, tôn giáo, khuyết tật, giới, thành viên công đoàn, liên minh chính trị, tuổi tác hoặc bất kỳ điều kiện khác có thể gây nên kỳ thị	C	Đã ban hành chính sách chống phân biệt đối xử tuy nhiên cần treo chính sách này trong trang trại. Phỏng vấn công nhân không thấy dấu hiệu vi phạm.
		b. Duy trì các hồ sơ thay đổi lương, vị trí nhân viên và cơ hội huấn luyện. Cho lần đánh giá đầu tiên, trang trại phải bao quát ≥ 6 tháng.	C	Không thấy dấu hiệu vi phạm
		c. Cung cấp và bảo đảm thực hiện các chia1nh sách bảo vệ phụ nữ mang thai v à nuôi con nhỏ	NC --> Đóng	Tại thời điểm đánh giá, Không có phụ nữ mang thai v à nuôi con nhỏ tuy. Tuy nhiên công ty chưa ban hành chính sách cho ph ụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ. -> - Đã kiểm tra chính sách phụ nữ mang thai ban hành 10/Sep/2012. - Hồ sơ phổ biến chính sách phụ nữ mang thai 11/Sep/2012. - Phỏng vấn lao động nữ đều nhận thức về chính sách n ày. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.
Ghi chú	75] Bao gồm nhưng không hạn chế với: nòi giống, giai tầng, nguồn gốc, màu da, giới tính, sự khuyết tật, tôn giáo, định hướng giới, dân cư hoặc di cư, liên minh công đoàn và chính trị			
7.7 Tiêu chuẩn: Đối xử công bằng và tiến bộ đối với công nhân (bao gồm cả các thực hành quản lý)				
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
7.7.1	<p>Cụ thể: Người thuê lao động đối xử tốt và tôn trọng tất cả người làm công.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Bảo đảm rằng tất cả các nhân viên đều được đối xử như nhau với sự tôn trọng và đối xử tốt (ví dụ, không bị lạm dụng về thể chất)	C	Không thấy dấu hiệu vi phạm
		b. Bảo đảm rằng không trừ lương cho các hành động xử phạt (ví dụ như làm hư thiết bị)	C	Phỏng vấn công nhân và không thấy dấu hiệu vi phạm
7.8 Tiêu chuẩn: Giờ làm việc				
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
7.8.1	<p>Cụ thể: Số giờ lao động thường xuyên tối đa</p> <p>Yêu cầu: 8h/ngày hay 48h/tuần (mặc dù không nhất thiết phải là giờ liên tục)</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Duy trì bảng chấm công giờ làm cho tất cả người làm công. Cho lần đầu tiên đánh giá hồ sơ phải bao quát ≥ 6 tháng.	NC --> Đóng	Kiểm tra bảng chấm công từ tháng 1 đến tháng 7/2012. Tuy nhiên bảng này không rõ các ngày nghỉ phép và nghỉ bù chủ nhật theo luật. Không có bằng chứng kiểm soát và giám sát ngày nghỉ phép của công nhân (trang trại 1 và 6) -> 19/10/2012: - Đã kiểm tra biểu mẫu nghỉ phép năm của Sep/2012 - Đã kiểm tra hồ sơ huấn luyện luật lao động Việt Nam và hồ sơ nghỉ phép năm của tất cả công nhân. - Đã kiểm tra số theo dõi nghỉ phép năm của tất cả công nhân trang trại 1 và 6. - Phỏng vấn công nhân đều hiểu về quá trình xin nghỉ phép. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.
		b. Đảm bảo giờ làm qui định của các người làm công không vượt quá 8h/ngày hay 48h/tuần	C	Có bảng phân công công việc cho mỗi nhóm công nhân trên mỗi trang trại.
7.8.2	<p>Cụ thể: Người làm công có quyền rời trang trại sau khi kết thúc một ngày làm việc theo tiêu chuẩn</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả, trong phạm vi trang trại</p>	a. Bảo đảm các người làm công có thể rời trang trại trong thời gian nghỉ của họ (ví dụ: bất kỳ khi nào họ không làm việc)	C	Kiểm tra phỏng vấn công nhân, không phát hiện dấu hiệu vi phạm.
		b. Duy trì bảng sao của hợp đồng lao động và hợp đồng lao động xác nhận rõ ràng quyền của người làm công được rời trang trại	C	Hợp đồng lao động thể hiện rõ qui định và định nghĩa.

7.8.3	<p>Cụ thể: Thời gian nghỉ tối thiểu</p> <p>Yêu cầu: Hai đêm nghỉ/một tuần nếu ở trong trang trại và tổng cộng 4 ngày nghỉ/tháng cho tất cả công nhân</p> <p>Áp dụng: Tất cả, trong phạm vi trang trại</p>	<p>a. Đảm bảo tất cả người làm công cư trú tại trang trại có quyền được nghỉ 2 đêm / tuần</p> <p>b. Đảm bảo tất cả người làm công có 4 ngày nghỉ trên tháng.</p> <p>c. Duy trì bảng chấm công giờ làm cho tất cả người làm công như trong 7.8.1a). Cho lần đầu tiên đánh giá hồ sơ phải bao quát ≥ 6 tháng.</p>	<p>NC --> Đóng</p> <p>NC --> Đóng</p> <p>C</p>	<p>Trang trại có kế hoạch trực đêm từ tháng 1 đến tháng 5/2012. Nó rõ ràng cho phép 2 đêm nghỉ trên tuần. Tuy nhiên Trang trại G&I, không có bằng chứng cho việc đăng ký tự nguyện của các công nhân ở lại đêm tại trang trại và đăng ký cư trú với chính quyền địa phương. -->19/10/2012: - Đã kiểm tra biểu mẫu xin tự nguyện ở lại đêm tại trang trại 1 & 6 của 18 nhân viên farm 1 và 10 nhân viên farm 6. - Đã kiểm tra hồ sơ huấn luyện luật lao động cho trường trại Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p> <p>Trên bảng chấm công, chỉ có 2 hoặc 3 ngày nghỉ trên tháng từ tháng 1 đến tháng 7/2012. (trang trại 1) --> 19/10/2012: - Đã kiểm tra hồ sơ huấn luyện luật lao động cho trường trại - Đã kiểm tra bảng chấm công của mỗi công nhân trong tháng 9/2012. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p> <p>Có sẵn các hồ sơ chấm công của sáu tháng.</p>
7.8.4	<p>Cụ thể: Thời gian làm thêm</p> <p>1- Là tự nguyện</p> <p>2- Không vượt quá con số tối đa 12 giờ/tuần</p> <p>3- Xuất hiện trên cơ sở đột xuất (không phải thường xuyên)</p> <p>4- Được trả theo mức ưu đãi [76], (ví dụ cao hơn 20% so với mức lương bình thường)</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả, trong phạm vi trang trại</p>	<p>a. Đảm bảo rằng tất cả người làm công, thời gian làm thêm:</p> <p>1- Là tự nguyện</p> <p>2- Không vượt quá con số tối đa 12 giờ/tuần</p> <p>3- Xuất hiện trên cơ sở đột xuất (không phải thường xuyên)</p> <p>4- Được trả theo mức ưu đãi [76], (Theo qui định của địa phương/quốc gia và ít nhất cao hơn 20% so với mức lương bình thường)</p> <p>b. Duy trì bảng chấm công giờ làm cho tất cả người làm công như trong 7.8.1a). Cho lần đầu tiên đánh giá hồ sơ phải bao quát ≥ 6 tháng.</p> <p>c. Duy trì bản sao hợp đồng lao động của các người làm công và đảm bảo rằng các hợp đồng lao động này chỉ ra điều kiện làm thêm và quyền tự do hội họp.</p> <p>d. Duy trì các hồ sơ trả lương làm thêm cho giờ làm thêm.</p>	<p>NC --> Đóng</p> <p>C</p> <p>C</p> <p>C</p>	<p>1) Không có bằng chứng trả lương gấp 3 lần cho các ngày nghỉ quốc gia như là (Giỗ tổ Hùng Vương, 30/Apr, 1/May) (Trang trại 1 & 6) 2) Các công nhân nhận được 40.000 VND / đêm trực (từ Jan đến May/12) điều này không phù hợp với mức lương tối thiểu (70.000 VND) theo luật (trang trại 1) --> - Đã kiểm tra hồ sơ huấn luyện luật lao động Việt nam cho trường trại và nhân viên nhân sự tại farm. - Phòng vấn công nhân, tất cả các công nhân đều nhận đợc phần lương còn thiếu từ tháng 1 đến tháng 5/2012. - Đã kiểm tra hồ sơ chi trả trong tháng 9/2012. - Xem xét bảng lương mới của Sep/2012 Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p> <p>Có sẵn các hồ sơ chấm công của sáu tháng.</p> <p>Hợp đồng lao động thể hiện rõ qui định và định nghĩa.</p> <p>Bảng lương lưu đầy đủ từ tháng 1 đến tháng 7/2012.</p>
<p>Ghi chú [76] Mức ưu đãi: là mức chi trả cao hơn mức chi trả thông thường. Phải tuân theo các luật lệ/qui định của quốc gia hoặc các tiêu chuẩn của ngành. Phải là 120% của mức thông thường hoặc cao hơn.</p>				
<p>7.9 Tiêu chuẩn: Mức lương công bằng và bền vững</p>				
<p>Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):</p>				
7.9.1	<p>Cụ thể: Người thuê lao động chi trả ít nhất là mức lương tối thiểu theo định nghĩa của luật hoặc đảm bảo mức lương đủ trang trại các nhu cầu cần bản [77], cộng với một phần thu nhập phụ trội[78], tùy theo mức nào cao hơn.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả, trong phạm vi trang trại</p>	<p>a. Văn bản pháp luật cho biết mức lương tối thiểu cho khu vực nơi trang trại hoạt động.</p> <p>b. Nếu mức lương tối thiểu không được xác định bằng luật, người làm công cần đánh giá nhu cầu cần bản có sự tham khảo người làm công và các tổ chức đại diện cho họ, và đánh giá chi phí sinh hoạt từ các nguồn đáng tin cậy. Quá trình này cần được văn bản hóa và đảm bảo rằng tất cả các người làm công có thể truy cập khi có thể.</p> <p>c. Duy trì bản sao của hợp đồng lao động của người làm công và đảm bảo rằng người làm công nhận được mức lương tối thiểu.</p>	<p>C</p> <p>Obs --> Đóng</p> <p>C</p>	<p>Lương tối thiểu của vùng là 1T4 (Phòng lao động địa phương thông báo Nghị định No. 70/2011/NĐCP). Tại thời điểm đánh giá, công ty trả lương 2T4 tháng.</p> <p>Lương tối thiểu của nhà nước qui định không đáp ứng được lương nhu cầu tối thiểu (BNW). Tuy nhiên công ty chưa tính BNW (at now, BNW of BV tính là 1.915.000 VND cho khu vực này. --> 19/10/2012 - Đã kiểm tra bảng tính nhu cầu cơ bản ban hành 10/Sep/2012 - Phòng vấn nhân viên nhân sự hiểu được phương pháp tính BNW Điểm góp ý này được đóng với hành động hiệu lực.</p> <p>Hợp đồng lao động thể hiện rõ qui định và định nghĩa. (Lương 2T4)</p>

		d. Duy trì các hồ sơ trả lương. Cho lần đánh giá đầu tiên hồ sơ phải bao quát ≥ 6 tháng.	C	Hồ sơ lương được lưu đầy đủ từ tháng 1 đến tháng 7/12. Phòng vấn công nhân, phản hồi tất cả tiền lương trả đúng ngày và bằng tiền mặt.
Ghi chú	[77] Nhu cầu cần bản được xác định bằng cách tính toán chi phí của một rổ mua sắm cơ bản cho 1 khẩu phần ăn đủ chất, phần trăm ngân sách của một hộ trung bình dành cho chi tiêu thực phẩm và các chi tiêu thiết yếu khác, và cho một hộ có kích cỡ trung bình trong một quốc gia đã xác định. Các điều tra rổ mua sắm đại diện được công nhận bao gồm các điều tra do các cơ quan thẩm quyền quốc gia hoặc các tổ chức phát triển đa phương thực hiện. Mức lương cơ bản hoặc mức lương sinh sống phải có khả năng nuôi dưỡng 50% nhu cầu của một hộ gia đình có kích cỡ trung bình với thực phẩm, nước sạch, quần áo, nhà ở, đi lại, đi học, chi trả thuế theo nghĩa vụ, chăm sóc y tế và một nguồn thu nhập phụ trội khoảng 10% (SA8000). Người thuê lao động chỉ mức tối thiểu cho một người làm công trọn thời gian bằng mức lương cơ bản (mà không chiết khấu tài chính) hoặc chi theo mức tối thiểu theo quy định pháp luật của quốc gia, tùy theo mức nào cao hơn. Mức lương cơ bản/mức lương sinh sống để cấp tới "chi trả mang về nhà". Bất kỳ chi phí bắt buộc của nhân viên / công nhân (ví dụ, thống nhất, công cụ và ăn trưa) sẽ không mang lại			
Ghi chú	[78] Về hướng dẫn và phương pháp tính mức lương cần thiết căn bản, xem tài liệu hướng dẫn SA8000			
7.9.2	Cụ thể: Người làm công có quyền biết cơ chế tính lương và lợi ích. Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Cung cấp bảng công bố công thức được dùng để tính xây dựng bảng lương. b. Đảm bảo tất cả các người làm công đều hiểu phương pháp tính lương.	C NC --> Đóng	Thang bảng lương công ty được đăng ký vào tháng 2/2012. Phòng vấn công nhân, một vài công nhân không hiểu cách tính lương làm thêm và nội quy công ty, thỏa ước lao động tập thể. --> Điều này đã nêu NCs tại điều 7.1.1. --> 19/10/2012 Điểm NC này đã đóng ở điều khoản 7.1.1
7.9.3	Cụ thể: Lương được trả bằng tiền mặt hoặc theo phương thức tiện lợi nhất cho người làm Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì các hồ sơ trả lương cho mỗi người làm công bằng phương pháp thuận tiện. b. Duy trì các hồ sơ trả lương chỉ rõ phương pháp trả lương.	C C	Các hồ sơ trả lương được lưu đầy đủ từ Jan đến Jul Các hồ sơ trả lương được lưu đầy đủ từ Jan đến Jul Phòng vấn công nhân, phản hồi họ nhận 1 lương đúng hạn và bằng tiền mặt.
7.10 Tiêu chuẩn: Hợp đồng lao động				
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
7.10.1	Cụ thể: Người làm công/công nhân có bản sao và hiểu hợp đồng lao động của họ [79] Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Đảm bảo tất cả nhân viên đều có bản sao hợp đồng lao động. b. Đảm bảo tất cả các nhân viên đều hiểu nội dung hợp đồng lao động của họ.	NC --> Đóng C	Phòng vấn công nhân, một vài người phản hồi không nhận được hợp đồng lao động của họ sau khi ký hợp đồng với ph òng Nhân sự. --> 19/10/2012: - Đã kiểm tra hồ sơ huấn luyện luật lao động Việt nam cho trường trại và nhân viên nhân sự tại farm. - Phòng vấn công nhân, tất cả các công nhân đều nhận hợp đồng lao động. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực. Phòng vấn công nhân đều hiểu về nội dung hợp đồng lao động.
Ghi chú	[79] Khi hợp đồng bằng miệng được áp dụng (ví dụ ở các vùng nông thôn xã xôi, các trường hợp công nhân mù chữ và trang trại gia đình quy mô nhỏ), cần quan tâm thêm để đảm bảo nội dung của bản thảo thuận được hiểu kỹ và hoàn toàn đồng ý. Phòng vấn chéo để xác quyết rằng người thuê nhân công và người làm công cùng hiểu giống nhau về các điều khoản thỏa thuận bằng miệng.			
7.10.2	Cụ thể: Thời gian thử việc tối đa được xác lập trong hợp đồng của lao động thông thường, khác lao động quản lý trang trại và lao động có bằng đại học Yêu cầu: 1 tháng Áp dụng: Tất cả	a. Lưu bản sao hợp đồng lao động (khác hơn là quản lý trang trại và các công nhân với bằng cấp đại học) và đảm bảo rằng thời gian thử việc được chỉ rõ và không vượt quá 1 tháng. b. Đảm bảo rằng thời gian thử việc đều được các công nhân hiểu rõ và tôn trọng.	NC --> Đóng NC --> Đóng	Tại trang trại 1: - Tất cả các công nhân và nhân viên tại trang trại đều ký hợp đồng thử việc 3 tháng (tại thời điểm đánh giá còn lại 2 trường hợp Mr. Lit, Mr. Thanh) - Hợp đồng lao động của cô Tran Thi Nhung không phù hợp với luật lao động Việt nam về hợp đồng mùa vụ vượt quá 6 tháng. Tại trang trại 6: Tất cả hợp đồng đều phù hợp với luật lao động. --> 19/10/2012: - Đã kiểm tra tình trạng hợp đồng lao động của các công nhân làm việc tại trang trại phù hợp với luật. - Đã kiểm tra hồ sơ huấn luyện luật lao động Việt nam cho trường trại và nhân viên nhân sự tại farm. - Phòng vấn công nhân, tất cả các công nhân đều nhận hợp đồng lao động. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực. Tương tự nội dung NC ở trên 7.10.2 a.

7.10.3	<p>Cụ thể: Thời gian thử việc tối đa được xác lập trong hợp đồng cho lao động quản lý trang trại và lao động có bằng đại học</p> <p>Yêu cầu: 2 tháng</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu bản sao hợp đồng lao động (khác hơn là quản lý trang trại và các công nhân với bằng cấp đại học) và đảm bảo rằng thời gian thử việc được chỉ rõ và không vượt quá 2 tháng.</p>	NC --> Đóng	Tương tự nội dung NC ở trên 7.10.2 a.
		<p>b. Đảm bảo rằng thời gian thử việc đều được các công nhân hiểu rõ và tôn trọng.</p>	NC --> Đóng	Tương tự nội dung NC ở trên 7.10.2 a.
7.11 Tiêu chuẩn: Hệ thống quản lý				
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
7.11.1	<p>Cụ thể: Chủ thuê lao động đảm bảo tất cả các lao động có kênh phù hợp để giao tiếp riêng tư với lao động khác về các vấn đề liên quan đến quyền lao động và điều kiện</p> <p>Yêu cầu: có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Thông thư khiếu nại sẵn có trong trang trại</p> <p>b. Đảm bảo rằng các công nhân đều hiểu cách sử dụng thông thư khiếu nại và điều này được ủng hộ bởi quản lý trang trại của họ.</p>	Obs --> Đóng	<p>Có 1 thông thư góp ý tại mỗi trang trại. Tuy nhiên không có bằng chứng mở thông thư góp ý hàng tuần theo yêu cầu của thủ tục "Quan Ly Khieu Nai" PR-18. --> 19/10/2012 - Đã kiểm tra số theo dõi mỗi lần mở thông thư khiếu nại bên trong và bên ngoài. - Phòng vấn nhân viên nhân sự hiểu về nội dung của thủ tục "Quan Ly Khieu Nai" PR-18. Điểm góp ý này được đóng với hành động hiệu lực.</p> <p>C Phòng vấn công nhân tất cả đều hiểu qui trình khiếu nại.</p>
7.11.2	<p>Cụ thể: Phần trăm số vấn đề người lao động nêu lên được chủ thuê lao động ghi số, theo dõi và phản hồi.</p> <p>Yêu cầu: 100%</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Ghi nhận các vấn đề được người lao động nêu lên (bao gồm cả hình thức khiếu nại), ngày tháng được chủ thuê lao động phản hồi. Ghi lại nội dung của tất cả các bản ghi trong 6 tháng trước</p> <p>b. Đảm bảo các nhân viên có quyền tiếp cận đến người ghi nhận khi có thể.</p>	C	<p>Trang trại có sổ ghi chép khiếu nại. Hợp trang trại hàng tháng với tất cả công nhân tham dự (nội dung hợp liên quan đến sức khỏe, an toàn, quản lý trang trại và các vấn đề công nhân)</p> <p>C Phòng vấn công nhân đều hiểu về điều này.</p>
7.11.3	<p>Cụ thể: Phần trăm số khiếu nại được giải quyết[80] trong vòng 1 tháng sau khi nhận được [81]</p> <p>Yêu cầu: 90%</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Ghi nhận các vấn đề được người lao động nêu lên và được giải quyết. Bằng chứng có thể bao gồm thư khiếu nại được ký của người công nhân hay đại diện của họ.</p> <p>b. Ghi nhận các vấn đề được giải quyết đã được tiếp nhận trong mục 7.11.2a</p> <p>c. Duy trì bảng tóm tắt hàng tháng và cách tính toán phần trăm các vấn đề được giải quyết trên tháng.</p>	C	<p>Từ tháng 1 đến nay, không có khiếu nại qua thông thư góp ý. Tất cả các công nhân đều tham gia họp hàng tháng và thảo luận về các vấn đề của họ trong công việc. Tất cả các vấn đề đều được giải quyết thông qua kết quả cuộc họp.</p> <p>C Đến bây giờ, Chưa có khiếu nại qua thông thư.</p> <p>C Đến bây giờ, Chưa có khiếu nại qua thông thư.</p>
Ghi chú [80] Giải quyết xung đột được định nghĩa là khi cả hai bên đồng ý xóa bỏ xung đột khỏi danh sách các vấn đề đang tranh chấp				
Ghi chú [81] Khiếu nại bao gồm các hình thức đến từ người sử dụng tài nguyên khác, người làm công và người mua sản phẩm (ví dụ, thương lái hoặc nhà chế biến)				
7.11.4	<p>Cụ thể: Kế hoạch quan tâm giải quyết xung đột được xây dựng và được tuân thủ</p> <p>Yêu cầu: có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Ghi nhận các vấn đề đưa ra bởi công nhân (như mục 7.11.2a) và bao gồm kế hoạch cho việc giải quyết các xung đột.</p> <p>b. Đảm bảo kế hoạch được tôn trọng giải quyết triệt để.</p>	C	<p>Đến bây giờ, Chưa có khiếu nại qua thông thư.</p> <p>C Đến bây giờ, Chưa có khiếu nại qua thông thư.</p>
7.11.5	<p>Cụ thể: Khung thời gian ký kết hợp đồng[82] với nhà cung cấp và nhà dịch vụ đảm bảo điều kiện an toàn lao động và an toàn sức khỏe phù hợp cho người lao động[83].</p> <p>Yêu cầu: Trong vòng 1 năm kể từ ngày nhận được chứng nhận.</p>	<p>a. Cho lần đánh giá đầu tiên, chuẩn bị công bố cam kết chỉ hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ và nhà thầu phụ đảm bảo điều kiện phù hợp sức khỏe và an toàn trong 1 năm.</p> <p>b. Cho các lần đánh giá định kỳ, đảm bảo rằng tất cả các điều kiện an toàn và sức khỏe đã được yêu cầu (ví dụ tiêu chuẩn 7.1,7.2 và 7.4) đều được tôn trọng bởi tất cả các nhân viên nhà thầu phụ làm việc tại trang trại.</p>	C	<p>Các nhà thầu phụ và cung cấp đã ký cam kết và hướng dẫn an toàn sức khỏe cho nhà thầu phụ tại trang trại.</p> <p>C Tương tự nội dung ở trên.</p>
Ghi chú [82] Bao gồm hợp đồng bằng văn bản hoặc hợp đồng bằng miệng				
Ghi chú [83] Như đã định nghĩa trong các tiêu chuẩn này				
7.12 tiêu chuẩn: Lưu giữ dữ liệu-bản ghi				
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
7.12.1	<p>Cụ thể: Chuẩn bị sẵn các bản ghi số giờ làm việc của mỗi lao động được thuê làm cho trang trại.</p>	<p>a. Duy trì bảng chấm công của tất cả các nhân viên. Cho lần đầu tiên đánh giá, hồ sơ của trang trại phải bao quát ≥ 6 tháng.</p>	C	Tất cả các hồ sơ lưu phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn.

	Yêu cầu: có	b. Danh sách tất cả người làm công	C	Đầy đủ hồ sơ và có cả danh sách nhân viên đã nghỉ việc.
Áp dụng: Tất cả, phạm vi trong trang trại				
7.13 Tiêu chuẩn: Đánh giá tác động xã hội có sự tham gia của cộng đồng địa phương				
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
7.13.1	Cụ thể: Đánh giá tác động xã hội có sự tham gia (p-SIA) [84] được triển khai (xem phụ lục F để có thông tin thêm)	a. Cung cấp p-SIA bao gồm tất cả các mục báo cáo trong phụ lục F. Cho qui mô các trang trại (ví dụ: theo chiều hướng các tích hợp các hoạt động) p-SIA phải xác nhận của các chuyên gia. Một p-SIA mới nên được thực hiện ít nhất 3 năm 1 lần.	C	Đã được duyệt bởi chính quyền địa phương và dân địa phương. Báo cáo này được thực hiện bởi Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Phát triển nông thôn (RECORD)
	Yêu cầu: có	b. Cho qui mô các trang trại, cung cấp bằng chứng kinh nghiệm của các chuyên gia xác nhận. Bằng chứng phải chỉ ra được các hồ sơ của ít nhất 3 năm thực hiện tham gia tư vấn với cộng đồng địa phương.	C	Nội dung p-SIA chỉ rõ các điều này.
	Áp dụng: Tất cả			
Ghi chú	[84] p-SIA: Là đánh giá các ảnh hưởng tiêu cực và tích cực và đánh giá rủi ro của dự án đã lập kế hoạch hoặc đang được triển khai (ví dụ trang trại hoặc phát triển trang trại) được thực hiện theo phương thức mà tất cả các nhóm bên liên quan đều đóng góp vào quá trình, kết quả và sản phẩm của đánh giá đó, và các bước thực hiện cũng như thông tin được thu thập là mở cho tất cả mọi người.			
7.13.2	Cụ thể: Các cộng đồng địa phương [85], chính quyền địa phương và ít nhất là 1 tổ chức phi chính phủ được cộng đồng lựa chọn có 1 bản sao về đánh giá p-SIA bằng ngôn ngữ địa phương phù hợp.	a. Duy trì các hồ sơ của tất cả các người dân nhận bản sao p-SIA	C	Nội dung p-SIA chỉ rõ các điều này.
	Yêu cầu: có	b. Ghi nhận chữ ký ít nhất 50% của các người dân nhận p-SIA. Chữ ký phải bao gồm ít nhất: Một đại diện địa phương (nếu người đại diện có thể xác nhận bởi phần lớn cộng đồng địa phương), Một đại diện của chính quyền địa phương và một tổ chức xã hội dân sự (nếu có).	C	Nội dung p-SIA chỉ rõ các điều này.
	Áp dụng: Tất cả			
Ghi chú	[85] Cộng đồng: Một nhóm người với những đặc điểm đa dạng khác nhau được liên kết với nhau bằng các mối ràng buộc xã hội, chia sẻ những quan điểm chung, và cùng tham gia vào những hoạt động tập thể trong một vùng địa lý được giới hạn. Có bốn tiêu chí thông thường là 1.) trạng thái của xã hội có tổ chức dưới một hình thức nhỏ (thị trấn, làng, ấp) thừa nhận một đại diện (lãnh đạo, chính thống hoặc không chính thống); 2.) các cá nhân trong cộng đồng nằm trong một vùng địa lý được giới hạn; đủ nhỏ để cho phép tác tác trực diện như là phương thức tiếp xúc chính giữa các cá nhân trong nhóm; 3.) có một quan tâm chung hoặc ý chí chung v à công nhận; và được công nhận là có cái chung đó; và 4.) cảm nhận về đặc tính chung và nhận dạng chung (ví dụ, cảm nhận của "chúng ta" đối với cảm nhận của "họ") về nền tảng			
7.14 Tiêu chuẩn: Khiếu nại của cộng đồng địa phương				
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
7.14.1	Cụ thể: Phát triển và áp dụng chính sách giải quyết xung đột có thể xác minh được [86],[87] cho các cộng đồng địa phương	a. Chính sách giải quyết xung đột cho cộng đồng địa phương được chuẩn bị sẵn	C	Phụ lục của p-SIA
	Yêu cầu: có	b. Duy trì hồ sơ của tất cả các người dân nhận bản sao của chính sách.	C	Phụ lục của p-SIA
	Áp dụng: Tất cả	c. Phải có ít nhất 50% chữ ký nhận bản sao chính sách. Chữ ký người dân phải bao gồm ít nhất nh ư sau: Một đại diện địa phương (nếu người đại diện có thể xác nhận bởi phần lớn cộng đồng địa phương), Một đại diện của chính quyền địa phương và một tổ chức xã hội dân sự (nếu có).	C	Phụ lục của p-SIA
		d. Duy trì hồ sơ hợp (ít nhất 2 lần 1 năm) với cộng đồng địa phương nhận dạng và giải quyết các vấn đề xung đột. Hồ sơ phải bao gồm danh sách các người tham dự, nội dung và kế hoạch các hành động đã được đồng ý và bản tóm tắt. Cho lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải có ít nhất 1 cuộc họp (điều này có thể là 1 phần của qui trình p-SIA nếu p-SIA được thực hiện dưới sáu tháng trước khi đánh giá).	C	Phụ lục của p-SIA
Ghi chú	[86] Chính sách sẽ nêu rõ các khiếu nại và xung đột được theo dõi một cách công khai và giải thích cơ chế phản hồi đối với tất cả các khiếu nại nhận được.			
Ghi chú	[87] Quá trình giải quyết được tư liệu hóa và kết quả các cuộc họp cũng được tóm tắt. Tóm tắt cuộc họp bao gồm chương trình (danh sách các mối quan tâm), giải pháp hoặc thỏa thuận đã đạt được, ai sẽ thực hiện hành động gì và khi nào, và danh sách đại biểu tham dự. Chính quyền địa phương và ít nhất một tổ chức dân sự hoặc tổ chức cộng đồng do cộng đồng lựa chọn được tiếp cận với quá trình giải quyết xung đột và các tài liệu sau đó. Xung đột sẽ được giải quyết nếu như trong quá trình thương lượng cả hai bên đồng ý			
7.14.2	Cụ thể: Hộp thư khiếu nại, ghi nhận khiếu nại, và biên lai ghi nhận khiếu nại bằng tiếng địa phương được sử dụng	a. Hộp thư khiếu nại đặt ở nơi công cộng cộng đồng địa phương có thể tiếp cận được	NC --> Đồng	Tại trang trại 1, Không có thùng thư khiếu nại đặt trong khu dân cư như bản p-SIA. --> 19/10/2012 - Đã kiểm tra tại địa điểm đặt thùng thư và biên bản đồng ý của bà Ms Nguyen Thi Hanh về vị trí đặt thùng thư. - Đã kiểm tra số theo dõi mở thùng thư bên trong và bên ngoài. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực. Tại trang trại 6 có 1 thùng thư đặt trong công đồng.
	Yêu cầu: có	b. Lưu các mẫu khiếu nại của cộng đồng địa phương. Cho lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải có ít nhất trong 6 tháng qua.	C	Không có dấu hiệu vi phạm và không có khiếu nại của người dân xung quanh qua phỏng vấn.
	Áp dụng: Tất cả	c. Cung cấp bằng chứng các khiếu nại đã được xác nhận với cộng đồng địa phương (ví dụ thông qua các bảng kê các khiếu nại từ cộng đồng địa phương xác nhận ngày nhận hay ngày trả)	C	Phỏng vấn người dân địa phương đều nhận ý kiến tốt.

		d. Ghi nhận khiếu nại. Ghi nhận nội dung tất cả thông tin ng ày nhận, khiếu nại và các hành động phản hồi trong 6 tháng qua cho lần đánh giá đầu ti ến.	C	Đến bảy giờ, không có khiếu nại qua th ùng thư và có 1 cuốn số để theo dõi khiếu nại của dân địa phương qua th ùng thư.
7.14.3	Cụ thể: Phần trăm xung đột được giải quyết trong khoảng thời gian được lưu file. Yêu cầu: Trong vòng 6 tháng 50% Trong vòng 1 năm 75% Trong vòng 2 năm 100% Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì ghi nhận khiếu nại như 7.14.2d, nhận dạng rõ loại khiếu nại gì đã được giải quyết và ngày giải quyết.	C	Tham khảo "Quan Ly Khieu Nai" thủ tục PR-18.
		b. Duy trì các biên bản họp của các cuộc họp với cộng đồng địa phương như 7.14.1d thể hiện thảo luận các vấn đề và giải quyết vấn đề.	C	Phụ lục p-SIA và đến bảy giờ không có khiếu nại nào từ dân địa phương.
7.15 Tiêu chuẩn: Giải quyết việc làm ưu tiên cho cộng đồng địa phương				
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
7.15.1	Cụ thể: Bảng chứng cho thấy các vị trí được quảng cáo trong cộng đồng địa phương trước khi thuê lao động di cư từ bên ngoài Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì danh sách tất cả các người làm công trong trang trại chỉ ra được nguyên quán	C	Mỗi trang trại đều có một vài công nhân là dân địa phương.
		b. Cho các trang trại nơi mà công nhân đến từ các vùng khác (dựa trên 7.15.1a) thể hiện trong bản sao của các quảng cáo tuyển dụng xung quanh trang trại. Cho lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao quát hơn 6 tháng trước.	C	Phòng vấn dân địa phương đều cho ý kiến tốt về vấn đề tuyển dụng tại địa phương.
		c. Cho các trang trại nơi mà công nhân đến từ các vùng khác (dựa trên 7.15.1a) thể hiện danh sách bao gồm tên, địa chỉ và số liên hệ của tất cả người dân đã phỏng vấn các vị trí cần tuyển trong cộng đồng địa phương. Cho lần đánh giá đầu tiên các hồ sơ phải bao quát hơn 6 tháng trước.	C	Có quảng cáo tuyển dụng treo trong khu dân cư.
7.15.2	Cụ thể: Giải thích lý do vì sao tuyển người làm công và giải thích biện minh vì sao không tuyển lao động từ cộng đồng địa phương Yêu cầu: Có, nếu lao động từ ngoài cộng đồng địa phương được tuyển dụng	a. Duy trì danh sách tất cả các người làm công trong trang trại chỉ ra được nguyên quán như 7.15.1a	C	Có sẵn danh sách các công nhân.
		b. Cho các trang trại nơi mà công nhân đến từ các vùng khác (dựa trên 7.15.1a) cung cấp văn bản giải thích tại sao tuyển dụng công nhân bên ngoài cộng đồng địa phương.	C	Trên đơn đăng ký thể hiện xác nhận chính sách rõ ràng



**BUREAU
VERITAS**

BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÔ DOCIFISH - TRUNG TÂM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - DOCIFARM 1&6.		Điểm không phù hợp:
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 3.2.1	TRƯỜNG ĐO:
Ngày: 24 tháng 11 năm 2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN, NGUYỄN HU	
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP		
1) Quy trình hiệu chuẩn dụng cụ đo Ôxy không quy định tần suất hiệu chuẩn và Không lưu hồ sơ hiệu chuẩn.		
Hạn cuối khắc phục		22/02/2013
Nhận xét của chuyên gia:		
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)		
Ngày khắc phục thực tế: 30/11/2012	Đại diện công ty:	
Phân tích nguyên nhân		

Do thực hiện hiệu chuẩn máy đo oxy theo khuyến cáo của nhà sản xuất 1 lần/tuần. Nhân viên không hiểu rõ yêu cầu tiêu chuẩn nên không hiệu chuẩn máy đo Ôxy trong quy trình.

Diễn giải hành động khắc phục

*** Khắc phục:**

- Cập nhật tần suất hiệu chuẩn một lần/tuần vào quy trình trình hiệu chuẩn dụng cụ đo ôxy. Lưu hồ sơ cho mỗi lần hiệu chuẩn.

*** Phòng ngừa:**

- Duy trì thực hiện hiệu chuẩn định kỳ theo tần suất đưa ra, lưu hồ sơ hiệu chuẩn.

- Đào tạo kỹ thuật viên về quy trình hiệu chuẩn, tần suất hiệu chuẩn và lưu hồ sơ hiệu chuẩn cho thiết bị đo Ôxy.

KẾT THÚC BÁO CÁO(Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)

CHẤP NHẬN

NHẬN XÉT :

ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐỖ THÀNH MUÔN

KÝ TÊN: MUÔN ĐỖ

ĐÃ ĐƯỢC ĐÓNG:

ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐỖ THÀNH MUÔN

KÝ TÊN: MUÔN ĐỖ

chủ hợp số: a01

AN ĐÁNH GIÁ: ĐỒ THÀNH MUÔN

Y

ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông NGUYỄN TẤN TỚI

Y)

ng ghi nhận kết quả hiệu chuẩn và chưa chú ý quy định tần suất

	NGÀY: 28-Nov-2012
	KHÔNG
	NGÀY: 28-Nov-2012



**BUREAU
VERITAS**

BÁO CÁO ĐIỂM KHẮC

Công Ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔ ĐOCIFISH - TRUNG TÂM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - DOCIFA**

Hồ sơ số:

ĐIỀU KHOẢN: 5.2.1

Ngày: 24 tháng 11 năm 2012

ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG Đ

Điểm không phù hợp nặng:

Điểm không phù hợp nhẹ: X

Điểm khuyến

DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP

- 1) Có nhiều cá rô phi trong ao nuôi nhưng sản lượng thu hoạch không bao gồm sinh khối cá rô phi.
- 2) Kế hoạch kiểm soát xâm nhập của các loài cá khác vào ao nuôi cá tra không hiệu quả.

Hạn cuối khắc phục

Nhận xét của chuyên gia:

BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC

Ngày khắc phục thực tế: 30/11/2012

Phân tích nguyên nhân

1. Do sản lượng cá rô phi khi thu hoạch không đáng kể nên nhân viên đã bỏ qua việc ghi nhận.
2. Do không sử dụng lưới mịn bao đầu cống nước vào mà chỉ sử dụng lưới 1cm - 1,5cm là nhỏ.

Diễn giải hành động khắc phục

* Khắc phục:

1. Ghi nhận tất các khối lượng cá rô phi có trong ao nuôi trong lúc thu hoạch.
2. Sử dụng lưới mịn bao ở cống nước những ao đang nuôi **trong suốt quá trình nuôi..**

* Phòng ngừa:

1. Thực hiện ghi nhận lượng sinh khối cá tạp bao gồm cả cá rô phi nếu có ở những ao thu hoạch.
2. Duy trì lưới mịn bịt ngay vị trí cống cấp nước xuyên suốt trong vụ. Thực hiện diệt cá tạp triệt.
3. Đào tạo cho nhân viên trang trại về việc áp dụng các quy định mới này.

KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)

CHẤP NHẬN

NHẬN XÉT :

ĐÁNH GIÁ VIÊN: **ĐỖ THÀNH MUÔN**

ĐÃ ĐƯỢC ĐÓNG:

ĐÁNH GIÁ VIÊN: **ĐỖ THÀNH MUÔN**

ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP SỐ: a02	ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP SỐ: a02
	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐÓ THÀNH MUÔN

DÀN: HUỖNH VĂN THUẬN, NGUYỄN HUY

CÁO:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông NGUYỄN TẤN TỬ
------	-------------------------------------

ô phi.

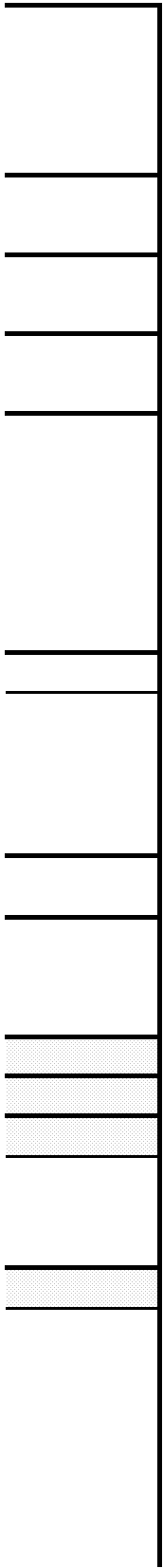
22/02/2013

PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)
Đại diện công ty:

sản lượng của cá rô phi vào sản lượng thu hoạch.
nhất. Cá rô phi con có khả năng xâm nhập.

ach kế tiếp.
t để khi cải tạo ao nuôi.

KÝ TÊN: MUÔN ĐỒ	NGÀY: 28-N
	KHỔ
KÝ TÊN: MUÔN ĐỒ	NGÀY: 28-N



lov-2012
ING
lov-2012



**BUREAU
VERITAS**

BÁO CÁO ĐIỂM KHẾ

Công Ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔ ĐOCIFISH - TRUNG TÂM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - DOCIFA**

Hồ sơ số:

ĐIỀU KHOẢN: 6.2.1

Ngày: 24 tháng 11 năm 2012

ĐÁNH GIÁ VIỄN TRONG Đ

Điểm không phù hợp nặng:

Điểm không phù hợp nhẹ: X

Điểm khuyến

DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP

- 1) Cân sử dụng để cân hóa chất không có dấu hiệu được hiệu chuẩn định kỳ, phương pháp hiệ
- 2) Danh mục thuốc hóa chất và hướng dẫn an toàn sử dụng thuốc không có dấu hiệu được ph
- 3) Kho chứa vôi muối: chưa có khu vực nhận dạng riêng cho từng sản phẩm, vôi được sắp xếp
- 4) Kiểm tra hồ sơ nhập, xuất, tồn của thuốc và hóa chất sử dụng, kết quả đối chiếu cho thấy có

Hạn cuối khắc phục

Nhận xét của chuyên gia:

BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC

Ngày khắc phục thực tế: 30/11/2012

Phân tích nguyên nhân

1. Do nhân viên phụ trách Kho tại 02 trại chưa hiểu rõ yêu cầu tiêu chuẩn và quy định của công thay đổi mới về hiệu chuẩn cân tại Farm 01. Farm 6 lưu hồ sơ chưa ngăn nắp nên không tìm th
2. Do nhân viên không hiểu rõ yêu cầu tiêu chuẩn, sử dụng nội dung MSDS đã được phê duyệt
3. Do nhân viên đặt hàng và thủ kho làm việc một cách độc lập nhau, số lượng hàng được đặt
4. Nhân viên thực hiện việc lưu trữ hồ sơ chưa ngăn nắp. Không đối chiếu được với file xuất n

Diễn giải hành động khắc phục

*** Khắc phục:**

1. Đề nghị công ty hỗ trợ hiệu chuẩn các cân sử dụng tại trang trại tần suất 01 lần/ tuần, hiệu chuẩn tại farm đầy đủ và ngăn nắp.
2. Dán lại danh mục thuốc hóa chất và hướng dẫn an toàn sử dụng thuốc đã được phê duyệt.
3. Sắp xếp lại kho vôi muối, và phân loại vôi và muối rõ ràng, nâng cao nhận thức nhân viên.
4. Tìm phiếu xuất nhập còn thiếu, nâng cao nhận thức nhân viên, thực hiện ghi phiếu xuất - nhập quản lý trại phải kiểm tra lại việc lưu trữ hồ sơ của nhân viên để đảm bảo lưu đầy đủ hồ sơ.

*** Phòng ngừa:**

1. Duy trì việc lưu trữ các kết quả hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chỉnh nội bộ, đánh dấu nhận diện thiết bị.
2. Luôn cập nhật thay đổi MSDS tại Farm có xét duyệt trước khi áp dụng.
3. Nâng cao nhận thức nhân viên về nhận diện các vật tư, Trường trại kiểm tra mỗi đơn đặt hàng.
4. Luôn duy trì thực hiện việc ghi nhận xuất nhập thuốc - hóa chất vào phiếu xuất trước khi nhập.
5. Đào tạo cho nhân viên trang trại về việc áp dụng tất cả các quy định mới này.

KẾT THÚC BÁO CÁO(Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)

CHẤP NHẬN

NHẬN XÉT :

ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐỖ THÀNH MUÔN

ĐÃ ĐƯỢC ĐÓNG:

ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐỖ THÀNH MUÔN

ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

ARM 1&6.	Điểm không phù hợp số: a03
	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐÓ THÀNH MUÔN

DÀN: HUỖNH VĂN THUẬN, NGUYỄN HUY

cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông NGUYỄN TẤN TỚI
------	--------------------------------------

Điểm không phù hợp và dụng cụ hiệu chuẩn không phù hợp, không có hồ sơ hiệu chuẩn (Trại 1 và Trại 6).
Điểm không được ngăn nắp (Trại 1).
Điểm thiếu sót trong việc ghi nhận số liệu, thiếu một số hóa đơn nhập và xuất thuốc (Trại 6).

22/02/2013

PHỤ C (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)

Đại diện công ty:

Công ty, nên không thực hiện đúng theo quy định và không lưu các hồ sơ cần thiết. Do nhân viên công ty đã không lưu trữ hồ sơ đầy đủ trong quá trình tìm hồ sơ.
Công ty, nhưng không sử dụng bản sao của MSDS đã được phê duyệt hợp lệ.
Công ty, nhiều hơn số lượng kho có thể trữ. Thủ kho không thường xuyên dọn dẹp kho.
Công ty, nhập tồn. Quản lý trại không kiểm tra định kỳ việc lưu trữ hồ sơ.

huẩn cân quanh giá trị sử dụng của cân, có dán dấu hiệu nhận biết cân đã được hiệu chuẩn, lưu

ập thuốc - hóa chất trước khi nhập số liệu vào file xuất nhập tồn, lưu hồ sơ. (Farm 6). Quy định

ết bị đo lường. Trường trại kiểm tra hồ sơ hàng tháng.

ng và tồn kho trước nhận.

ập số liệu vào máy tính.

	CÓ	
--	----	--

KÝ TÊN: MUÔN ĐỒ	NGÀY: 28-N
	KHỚ
KÝ TÊN: MUÔN ĐỒ	NGÀY: 28-N

u hồ sơ hiệu

hàng tháng,

lov-2012

ING

lov-2012



**BUREAU
VERITAS**

BÁO CÁO ĐIỂM KHẾ

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔ ĐOCIFISH - TRUNG TÂM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - ĐOCIF

Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 7.4.1	
Ngày: 24/Nov/2012	ĐÁNH GIÁ VIỄN TRONG Đ	
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến

DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP

1) Kho hóa chất, vòi nước rửa mắt cho trường hợp khẩn cấp không có nước. (Farm 1)
2) Trong lúc thu hoạch, có một vài công nhân của nhà thầu phụ hút thuốc trong khi nội qui củ

Hạn cuối khắc phục

Nhận xét của chuyên gia:

BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC

Ngày khắc phục thực tế: 19/Oct/2012

Phân tích nguyên nhân

1. Do bồn nước hết nước, nhân viên thiếu sót chưa có quy định rõ và không kiểm tra vòi nước
2. Do nhân viên ở trại không phổ biến rõ qui định này cho bên nhà thầu phụ khi đến farm.

Diễn giải hành động khắc phục

* Khắc phục:

1. Làm thủ tục hướng dẫn kiểm tra hàng ngày cho vòi nước tại kho thuốc hóa chất và lưu h
khi cần thiết thì sử dụng.
2. Phổ biến qui định cấm hút thuốc cho nhà phụ biết khi có hoạt động của nhà thầu phụ tại t
làm việc tại trang trại.

* Phòng ngừa:

Trong ngày.

1. Duy trì việc thực hiện kiểm tra vôi nước định kỳ, lưu hồ sơ.
2. Duy trì việc thực hiện phổ biến qui định không hút thuốc cho bên nhà thầu phụ vào farm k
3. Đào tạo cho nhân viên trang trại về việc áp dụng các quy định mới này.

KẾT THÚC BÁO CÁO(Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)

CHẤP NHẬN

NHẬN XÉT:

ĐÁNH GIÁ VIÊN: HUỖNH VĂN THUẬN

ĐÃ ĐƯỢC ĐÓNG:

ĐÁNH GIÁ VIÊN: HUỖNH VĂN THUẬN

ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

FARM 1&6.	Điểm không phù hợp số: a04
	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐO THÀNH MUỐN

ĐOÀN: HUỖNH VĂN THUẬN

Đã báo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông NGUYỄN TẤN TỚI
----------------	---

a trang trại cấm hút thuốc. (Farm 6)

27-nov-12

Đã PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)

Đại diện công ty: Ông Tới

c định kỳ.

Đề nghị: Đảm bảo vòi nước ở kho thuốc hóa chất lúc nào cũng có nước và chất lượng nước phù hợp trang trại. Lưu hồ sơ xác nhận việc nhà thầu phụ đã được phổ biến quy định cấm hút thuốc tại

hi có thu hoạch cá, lưu hồ sơ.

	CÓ	

KÝ TÊN: THỤẬN HUỖNH	NGÀY: 28-N
	KHỐ
KÝ TÊN: THỤẬN HUỖNH	NGÀY: 28-N

Jov-2012
ING
Jov-2012



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

BUREAU
VERITAS

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TỎ DOCIFISH - TRUNG TÂM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - DOCIFARM 1&6.		Điểm không phù hợp số: 01	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 2.2.2.b	TRƯỜNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐỖ THÀNH MUỐN	
Ngày: 29 tháng 08 năm 2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông TỚI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
1) Trại 1 & trại 6: Có thư cam kết cho việc khai thác 0.5\$/tấn cá sau khi có được chứng nhận ASC nhằm đóng góp vào quỹ phục hồi môi trường và xã hội. Nhưng không có bằng chứng cho việc xác nhận này từ phía ASC			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:	Đại diện công ty:		
Phân tích nguyên nhân			
1. Do nhân viên thực hiện thiếu sót trong việc gửi cam kết đến Tổ chức chứng nhận ASC			
Diễn giải hành động khác phục			
* Sửa chữa: 1. Công ty sẽ liên hệ bằng hình thức email với tổ chức chứng nhận ASC về khoản cam kết đóng góp này * Hành động phòng ngừa: 1. Duy trì cam kết đóng góp khoản phí này trong sản xuất hàng năm.			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN	CÓ		
NHẬN XÉT:			
Đã có Email xác nhận từ ASC vào ngày 09 Oct 2012: đã nhận được thư cam kết đóng góp 0.5 USD cho quỹ phục hồi môi trường. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐỖ THÀNH MUỐN	KY TÊN: MUỐN ĐỖ.	NGÀY: 19/10/2012	



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

BUREAU VERITAS

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔ DOCIFISH - TRUNG TÂM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - DOCIFARM 1&6. Điểm không phù hợp số: 01

Hồ sơ số: ĐIỀU KHOẢN: 2.4.2.c,d,e TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐỖ THÀNH MUỖN

Ngày: 29 tháng 08 năm 2012 ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN

Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông TÔI.
--------------------------	---------------------------	------------------	----------------------------

DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP

1. Trại 1: Không tính trọng lượng cá theo đơn vị tấn(chỉ tính theo đơn vị kg)
 2. Trại 1: Đã tính được lượng nước ước lượng cần thiết cho mỗi tấn cá nhưng kết quả sai vì đơn vị là kg (thay vì là tấn)

Hạn cuối khắc phục 27-nov-12

Nhận xét của chuyên gia:

BẢO CAO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC(Sẽ được hoàn thành bởi công ty)

Ngày khắc phục thực tế: Đại diện công ty:

Phân tích nguyên nhân

1. Do nhân viên nhầm đơn vị tính lấy số lượng cá thu hoạch là kg để tính lượng nước sử dụng nên cho kết quả không đúng,
 2. Thiếu sự kiểm tra nội bộ trong việc tính toán .

Diễn giải hành động khác phục

* Sửa chữa:
 1. Tính lại phần lượng nước sử dụng trên tấn cá thu hoạch trong bảng tính toán cho đúng theo phục lục D tiêu chuẩn ASC
 * Hành động phòng ngừa:
 1. Đào tạo lại nhân viên về công thức đúng để tính được lượng nước ước lượng cần thiết cho mỗi tấn cá
 2. Nhắc nhở kỹ thuật viên duy trì kiểm tra chéo việc các kết quả tính toán này cho những vụ thu hoạch tới.

KẾT THÚC BÁO CÁO(Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)

CHẤP NHẬN CÓ

NHẬN XÉT:

Phòng vấn nhân viên liên quan về công thức tính lượng nước sử dụng sản xuất 01 tấn cá, chọn mẫu ao 6; 9 trại nuôi 1 cho thấy kết quả tính toán đúng.
 Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.

ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐỖ THÀNH MUỖN KÝ TÊN: MUỖN ĐỖ. NGÀY: 19/10/2012



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

BUREAU

VERITAS

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TỎ DOCIFISH - TRUNG TAM NUÔI TRỒNG THUY SẢN - DOCIFARM 1&6.		Điểm không phù hợp số: 01	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 3.1.3.d,e	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐO THANH MUỐN	
Ngày: 29 tháng 08 năm 2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VAN THUAN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông TÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
1. Trại 6: Đã tính TP cho 1 ao thu hoạch nhưng kết quả không chính xác vì áp dụng sai công thức tính. Kỹ thuật viên đã sử dụng số lượng cá thu hoạch trong tính toán.(Thay vì tính sản lượng)			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC(Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:	Đại diện công ty:		
Phân tích nguyên nhân			
1.Do chưa hiểu rõ công thức, nhân viên thực hiện nhầm lẫn về năng suất nuôi nên lấy cả lượng cá thu hoạch để tính toán. 2.Thiếu sự kiểm tra nội bộ trong việc tính toán .			
Diễn giải hành động khác phục			
* Sửa chữa: 1.Tính lại lượng TP thải ra trên một tấn cá sản xuất trong bảng tính toán cho đúng theo hướng dẫn phụ lục của tiêu chuẩn ASC * Hành động phòng ngừa: 1.Đào tạo các kỹ thuật viên về công thức đúng để tính TP. 2. Nhắc nhở kỹ thuật viên duy trì kiểm tra chéo việc các kết quả tính toán này cho những vụ thu hoạch tới.			
KẾT THÚC BÁO CÁO(Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN	CÓ		
NHẬN XÉT :			
Kiểm tra hồ sơ tính TP cho ao 2 trại 6 cho thấy kết quả tính toán đúng. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.V			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐO THANH MUỐN	KY TÊN: MUỐN ĐỒ.	NGÀY: 19/10/2012	



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

BUREAU
VERITAS

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TỎ DOCIFISH - TRUNG TAM NUÔI TRỒNG THUY SẢN - DOCIFARM 1&6.		Điểm không phù hợp số: 01	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 3.1.4.d,e	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐO THANH MUỐN	
Ngày: 29 tháng 08 năm 2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VAN THUAN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông TÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
1. Trại 6: Đã tính TN cho 1 ao thu hoạch nhưng kết quả không chính xác vì áp dụng sai công thức tính. Kỹ thuật viên đã sử dụng số lượng cá thu hoạch trong tính toán.(Thay vì tính sản lượng)			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC(Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:	Đại diện công ty:		
Phân tích nguyên nhân			
1.Do nhân viên thực hiện hiệu nhầm về năng suất nuôi nên lấy cả lượng cá thu hoạch để tính toán. 2.Thiếu sự kiểm tra nội bộ trong việc tính toán .			
Diễn giải hành động khác phục			
* Sửa chữa: 1.Tính lại lượng TN thả ra trên một tấn cá sản xuất trong bảng tính toán cho đúng theo hướng dẫn phụ lục của tiêu chuẩn ASC * Hành động phòng ngừa: 1.Đào tạo các kỹ thuật viên về công thức đúng để tính TN. 2. Nhắc nhở kỹ thuật viên duy trì kiểm tra chéo việc các kết quả tính toán này cho những vụ thu hoạch tới.			
KẾT THÚC BÁO CÁO(Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT :			
Kiểm tra hồ sơ tính TN cho ao 2 trại 6 cho thấy kết quả tính toán đúng. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐO THANH MUỐN		KÝ TÊN: MUỐN ĐO.	NGÀY: 19/10/2012



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

BUREAU
VERITAS

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TỎ DOCIFISH - TRUNG TAM NUÔI TRỒNG THUY SẢN - DOCIFARM 1&6.		Điểm không phù hợp số: 01	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 3.2.1.c,d	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐO THANH MUỐN	
Ngày: 29 tháng 08 năm 2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VAN THUAN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông TÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
<p>1. Trại 6: gian đo DO của thủy vực tự nhiên tại thời điểm thả không chính xác như yêu cầu tiêu chuẩn(thời gian đo DO cao nhất khoảng từ 2-3 giờ)</p> <p>2. Trại 6: Việc tính toán đã được xem xét nhưng không chính xác bởi vì thời gian đo DO không đúng với yêu cầu tiêu chuẩn</p>			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC(Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:	Đại diện công ty:		
Phân tích nguyên nhân			
<p>1.Do nhân viên thực hiện chưa tham khảo kỹ hướng dẫn đo DO theo tiêu chuẩn ASC</p> <p>2.Thiếu sự kiểm tra nội bộ trong việc chọn thời gian đo cho phù hợp</p>			
Diễn giải hành động khác phục			
<p>* Sửa chữa:</p> <p>1.Đào tạo lại kỹ thuật viên thực hiện phương pháp đo oxy hoà tan đúng theo thời gian hướng dẫn trong phụ lục D tiêu chuẩn ASC, áp dụng kiểm DO đúng từ 29/08/2012.</p> <p>* Hành động phòng ngừa:</p> <p>1.Đào tạo lại kỹ thuật viên thực hiện phương pháp đo oxy hoà tan đúng theo thời gian hướng dẫn trong phụ lục D tiêu chuẩn ASC.</p> <p>2. Nhắc nhở kỹ thuật viên duy trì kiểm tra chéo việc các kết quả tính toán này cho những vụ thu hoạch tới.</p>			
KẾT THÚC BÁO CÁO(Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN	CÓ		
NHẬN XÉT:			
<p>Kiểm tra hồ sơ đo DO từ 01- 19/10/2012 kết quả phù hợp chuẩn, giám sát thực tế và phỏng vấn kỹ thuật viên nhận thấy phương pháp, thời gian kiểm tra là đúng.</p> <p>Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p>			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐO THANH MUỐN	KÝ TÊN: MUỐN ĐO.	NGÀY: 19/10/2012	



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

BUREAU
VERITAS

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TỎ DOCIFISH - TRUNG TAM NUÔI TRỒNG THUY SẢN - DOCIFARM 1&6.		Điểm không phù hợp số: 01	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 3.3.3.b	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐO THANH MUỐN	
Ngày: 29 tháng 08 năm 2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VAN THUAN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông TÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
1. Trại 1 & trại 6: Hàm lượng ô xy hòa tan của ao thải thấp hơn 3mg/l			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:	Đại diện công ty:		
Phân tích nguyên nhân			
1. Do nhân viên thực hiện các bước đo không đúng theo hướng dẫn đo khi dùng máy cầm tay đo oxy. 2. Có thực hiện việc đo lại kết quả sau 30 phút nhưng nhân viên không ghi nhận trực tiếp vào nhận ký ao.			
Diễn giải hành động khắc phục			
* Sửa chữa: 1. Thực hiện đo oxy đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng máy đo, nhân viên thực hiện ghi nhận lại ngay kết quả sau khi đo . * Hành động phòng ngừa: 1. Đào tạo lại kỹ thuật viên trước khi đo oxy cần xem kỹ hướng dẫn đo của nhà sản xuất. 2. Trưởng trại phải kiểm tra lại kết quả đo, trường hợp phát hiện bất thường cần yêu cầu đo lại và điều tra nguyên nhân.			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT :			
Kiểm tra hồ sơ đo DO ao nước thải từ 01-19/10/2012 tại trại 1 & 6 kết quả đạt, auditor quan sát thực tế và phỏng vấn kỹ thuật viên về phương pháp đo nhận thấy phù hợp. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐO THANH MUỐN		KÝ TÊN: MUỐN ĐO.	NGÀY: 19/10/2012



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

BUREAU
VERITAS

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TỎ DOCIFISH - TRUNG TAM NUÔI TRỒNG THUY SẢN - DOCIFARM 1&6.		Điểm không phù hợp số: 01	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 3.4.2.b	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐO THANH MUỐN	
Ngày: 29 tháng 08 năm 2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VAN THUAN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông TÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
1. Trại 1: có lưu trữ bùn trong ao chứa bùn đáy nhưng trang trại không chứng minh được kích thước của ao chứa bùn đáy			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:	Đại diện công ty:		
Phân tích nguyên nhân			
1. Do chưa hiểu rõ yêu cầu tiêu chuẩn ASC, nhân viên có thực hiện nhưng chưa thể hiện thành văn bản cụ thể để lưu hồ sơ.			
Diễn giải hành động khác phục			
* Sửa chữa: 1. Thực hiện cách tính toán khả năng chứa bùn thải ở ao chứa bùn bằng văn bản cụ thể, lưu trữ kết quả tính toán. * Hành động phòng ngừa: 1. Nhắc nhở kỹ thuật viên phải lưu đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của tiêu chuẩn ASC. 2. Truong trại phải kiểm tra chéo việc lưu hồ sơ hàng tuần.			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT:			
Check the records of calculation of Sludge repository pond volume for Farm 1, result found conform. Kiểm tra hồ sơ tính lượng bùn bơm cho các ao nuôi trại 1, có công thức tính thể tích chứa bùn, kết quả phù hợp. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐO THANH MUỐN		KY TÊN: MUỐN ĐỒ.	NGÀY: 19/10/2012



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

BUREAU
VERITAS

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TỎ DOCIFISH - TRUNG TAM NUÔI TRỒNG THUY SẢN - DOCIFARM 1&6.		Điểm không phù hợp số: 01	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 3.5.1.b,c	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐO THANH MUỐN	
Ngày: 29 tháng 08 năm 2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VAN THUAN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông TÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
<p>1. Trại 1: chất thải rắn(túi nhựa, chai nhựa rỗng) rơi cạnh bờ sông gần hệ thống mương Trại 2: chất thải rắn(túi nhựa, chai nhựa rỗng) bị cháy trên bờ ao</p> <p>2. Trại 1 & trại 6: Hệ thống chất thải không được thực hiện như kế hoạch quản lý</p>			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC(Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:	Đại diện công ty:		
Phân tích nguyên nhân			
<p>1.Nhân viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc xử lý và kiểm soát chất thải rắn.</p> <p>2.Việc đào tạo cho nhân viên về quản lý chất thải rắn chưa thật hiệu lực.</p> <p>3.Quản lý chưa sâu xét vấn đề vệ sinh tại Farm.</p>			
Diễn giải hành động khác phục			
<p>* Sửa chữa:</p> <p>1. Yêu cầu toàn thể nhân viên trại nuôi kiểm tra và xử lý chất thải rắn toàn trại vào 30/08/2012, trưởng trại đã kiểm tra và kết quả đạt.</p> <p>* Hành động phòng ngừa:</p> <p>1. Đào tạo lại cho nhân viên về tầm quan trọng của việc xử lý và quản lý chất thải rắn.</p> <p>1. Xây dựng kế hoạch, phân công cụ thể nhân viên xử lý chất thải rắn hàng ngày và ghi chép hồ sơ thực hiện.</p> <p>3. Hàng tuần, trưởng trại phải kiểm tra thực tế tình hình xử lý, quản lý chất thải rắn toàn trại.</p>			
KẾT THÚC BÁO CÁO(Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT:			
<p>Kiểm tra thực tế trại 1 và 6 không có rác thải trong môi trường chung quanh trại, kiểm tra hồ sơ từ 01-18/10/2012 đạt.</p> <p>Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p>			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐO THANH MUỐN		KY TÊN: MUỐN ĐO.	NGÀY: 19/10/2012



BUREAU
VERITAS

BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔ DOCIFISH - TRUNG TÂM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - DOCIFARM 1&6.		Điểm không phù hợp số: 01	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 4.6.1.a,b	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐỖ THÀNH MUỐN	
Ngày: 29 tháng 08 năm 2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông TÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
1. Không có qui trình cho việc kiểm soát & bảo dưỡng bờ ao			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:	Đại diện công ty:		
Phân tích nguyên nhân			
1. Do không hiểu rõ yêu cầu này của tiêu chuẩn, trại có thực hiện theo dõi, bảo dưỡng bờ ao theo kế hoạch nhưng trưởng trại và kỹ thuật viên không có lưu các hồ sơ liên quan. 2. Có đào tạo cách giám sát, bảo dưỡng bờ ao cho nhân viên nhưng chưa viết ra thủ tục bằng văn bản.			
Diễn giải hành động khắc phục			
* Sửa chữa: 1. Yêu cầu bên dịch vụ cung cấp các hồ sơ liên quan về bảo dưỡng, sửa chữa bờ ao. *Hành động phòng ngừa: 1. Ban hành thủ tục ám sát, bảo dưỡng bờ ao bằng văn bản và form mẫu theo dõi, lưu hồ sơ. 2. Đào tạo kỹ thuật viên về thủ tục này và nhắc nhở nhân viên phải lưu các hồ sơ liên quan đầy đủ.			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN	CÓ		
NHẬN XÉT:			
Có quy trình Kiểm tra Đê bao ký ngày 19 Jan 2012, có lưu hồ sơ báo tri đầy đủ. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐỖ THÀNH MUỐN	KÝ TÊN: MUỐN ĐỖ.	NGÀY: 19/10/2012	



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

BUREAU
VERITAS

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TỎ DOCIFISH - TRUNG TAM NUÔI TRỒNG THUY SẢN - DOCIFARM 1&6.		Điểm không phù hợp số: 01	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 4.6.2.a	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐO THANH MUỐN	
Ngày: 29 tháng 08 năm 2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VAN THUAN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông TÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
1. Không có bằng chứng công bố trạng trại không có sự giải phóng cá có chủ đích trong suốt 12 tháng qua.			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:	Đại diện công ty:		
Phân tích nguyên nhân			
1. Trại đã có sẵn bộ bằng văn bản, tuy nhiên do nhân viên lưu trữ hồ sơ tại Farm bất cẩn, sắp xếp rời rạc nên không tìm thấy bằng chứng cam kết không thả cá có chủ đích ra môi trường tự nhiên tại thời điểm đánh giá. .			
Diễn giải hành động khác phục			
* Sửa chữa:			
1. Công bố lại việc trang trại không giải phóng cá có chủ đích trong suốt 12 tháng qua.			
* Hành động phòng ngừa:			
1. Nhắc nhở kỹ thuật viên về kiểm soát hồ sơ. 2. Thực hiện đánh giá nội bộ, kiểm tra chéo giữa Farm 1 và Farm 6 định kỳ hàng quý về việc áp dụng ÁC và lưu hồ sơ.			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN	CÓ		
NHẬN XÉT:			
Có cam kết không thả cá ra môi trường ký ngày 01/12/2011, phỏng vấn nhân viên trại và cộng đồng xác nhận phù hợp. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐO THANH MUỐN	KÝ TÊN: MUỐN ĐO.	NGÀY: 19/10/2012	



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

BUREAU VERITAS

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TỎ DOCIFISH - TRUNG TÂM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - DOCIFARM 1&6.

Điểm không phù hợp số: 01

Hồ sơ số:

ĐIỀU KHOẢN: 5.2.1.a

TRƯỜNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐỖ THÀNH MUỒN

Ngày: 29 tháng 08 năm 2012

ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN

Điểm không phù hợp nặng:

Điểm không phù hợp nhẹ: X

Điểm khuyến cáo:

ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông TỚI.

DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP

1. Trại 1: Đã tính tỉ lệ trung bình eFCR cho 9 ao thu hoạch nhưng áp dụng sai công thức tính

Hạn cuối khắc phục

27-nov-12

Nhận xét của chuyên gia:

BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)

Ngày khắc phục thực tế:

Đại diện công ty:

Phân tích nguyên nhân

- 1. Do nhân viên chưa hiểu rõ công thức và nhầm lẫn trong áp dụng công thức tính nên kết quả không đúng.
- 2. Thiếu sự kiểm tra nội bộ trong việc tính toán.

Diễn giải hành động khắc phục

* Sửa chữa:

- 1. Tham khảo lại tiêu chuẩn, thực hiện tính toán lại theo công thức tính trung bình eFCR cho toàn trại đúng tiêu chuẩn ASC.

* Hành động phòng ngừa:

- 1. Đào tạo lại nhân viên tính toán theo công thức tính trung bình eFCR cho toàn trại đúng tiêu chuẩn ASC.
- 1. Kyc thuật viên phải kiểm tra kỹ và duy trì cách tính này tiếp cho những vụ thu hoạch mới.

KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)

CHẤP NHẬN

CÓ

NHẬN XÉT:

Kiểm tra lại cách tính e FCR đúng, Có tính eFCR cho cả trại nuôi ngày 01 Sep 12: KQ eFCR = 1.6 OK.
Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.

ĐÁNH GIÁ VIÊN: ĐỖ THÀNH MUỒN

KY TÊN: MUỒN ĐỖ.

NGÀY: 19/10/2012



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

BUREAU

VERITAS

Công Ty: DOCIFISH (FARM 1 & 6)

Điểm không phù hợp số: 12

Hồ sơ số:

ĐIỀU KHOẢN: 7.1.1

TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐO THANH MUỒN

Ngày: 29/AUG/2012

ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN

Điểm không phù hợp nặng:

Điểm không phù hợp nhẹ: X

Điểm khuyến cáo:

ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông Tới.

DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP

- 1) Phòng vấn công nhân, một vài công nhân không hiểu cách tính tiền làm thêm và nội qui công ty, thỏa ước lao động tập thể.
- 2) Một vài công nhân không nhận được hợp đồng lao động sau khi ký với người sử dụng lao động.

Hạn cuối khắc phục

27-nov-12

Nhận xét của chuyên gia:

BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)

Ngày khắc phục thực tế: 19/Oct/2012

Đại diện công ty: Ông Tới

Phân tích nguyên nhân

1. Chưa có kế hoạch định kỳ đào tạo cách tính lương, làm thêm giờ, thỏa ước lao động tập thể cho lao động tại Farm.
2. Chưa có người phụ trách chuyên giao các hợp đồng đã ký cho công nhân tại trang trại.

Diễn giải hành động khắc phục

Sửa chữa:

1. Phổ biến quy định cách tính lương, Nội qui công ty, Thỏa ước lao động tập thể.
2. Giao lại hợp đồng lao động cho các công nhân còn thiếu.

Hành động phòng ngừa:

1. Lập kế hoạch định kỳ trường trại tổ chức huấn luyện cho các Nội qui công ty, Thỏa ước lao động tập thể cách tính lương.
2. Trưởng phòng Hành Chính Nhân sự cty chịu trách nhiệm đảm bảo trao lại hợp đồng lao động cho người lao động trong vòng 5 ngày sau khi giám đốc ký.

KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)

CHẤP NHẬN

CÓ


NHẬN XÉT:

- Đã kiểm tra hồ sơ huấn luyện cách tính lương, Nội qui công ty, Thỏa ước lao động tập thể vào ngày 3/Oct/2012
 - Công ty đã thiết lập kế hoạch huấn luyện định kỳ hằng năm. Kế hoạch được lập ngày 4/Oct/2012
 - Hồ sơ nhận hợp đồng lao động của 23 nhân viên. (Farm 1) và 12 nhân viên (Farm 6)
 - Phòng vấn công nhân, họ đều hiểu Nội qui công ty, Thỏa ước lao động tập thể cách tính lương.
- Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.

ĐÁNH GIÁ VIÊN: HUYNH VĂN THUẬN

KÝ TÊN: THUAN HUYNH

NGÀY 19/Oct/2012

 BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C			
Công Ty: DOCIFISH (FARM 1 & 6)		Điểm không phù hợp số: 13	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 7.4.1	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐO THANH MUON	
Ngày: 29/AUG/2012	ĐÁNH GIÁ VIỄN TRONG ĐOÀN: HUYNH VAN THUAN		
Điểm không phù hợp nặng: X	Điểm không phù hợp nhẹ:	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông Tới.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP 1) Có danh sách đánh giá rủi ro (Súc Khỏe & ATLD - ASS-03). Tuy nhiên không có bằng chứng thực hiện định kỳ xem xét đánh giá rủi ro cho trang trại 01 và 06. 2) Chưa có bằng chứng kiểm tra nước uống và nước nấu ăn Farm 1 và Farm 06 thì không kiểm tra nước nấu ăn. Mực khác mẫu thức ăn không được lưu 24h sau khi cung cấp bữa ăn tập thể. 3) Một ít rác nhà bếp thái ra sông. 4) Farm 1: Toilet văn phòng thiếu bàn ngồi và nắp che, một cái khác thì nắp che bị hư Farm 6: Một nhà nghỉ công nhân không đáp ứng nhu cầu sông cơ bản về nền nhà và đèn chiếu sáng. Dây điện của nhà kho kết nối không an toàn.			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế: 19/Oct/2012	Đại diện công ty: Ông Tới		
Phân tích nguyên nhân 1. Chưa có kế hoạch giám sát định kỳ điều kiện an toàn - sức khỏe - môi trường định kỳ 2. Chưa có checklist kiểm tra hàng tháng điều kiện an toàn - sức khỏe - môi trường.			
Diễn giải hành động khắc phục Sửa chữa: 1. Thực hiện đánh giá mỗi nguy an toàn trong lao động, hướng dẫn cho công nhân các mối nguy điều lao động trong bảng cập nhật mới. 2. Gửi mẫu kiểm tra nước uống và nước nấu, thực hiện lưu mẫu thức ăn hàng ngày tại Farm. 3. Thu gom rác thái ở mé sông, xung quanh bếp ăn, quy hoạch thu gom chất thải theo quy định. 4. Farm 1: sửa chữa lại các toilet bị hỏng, thay mới nắp toilet đã cũ. Farm 6: Đặt cảnh báo chòi canh không sử dụng, tiến hành lắp kết vật tư sửa chữa chòi canh, lắp đặt đường điện tại chòi, tháo gỡ đường dây điện, lắp đặt cho an toàn.			
Hành động phòng ngừa: 1. Lập kế hoạch định kỳ trường trại đánh giá rủi ro hàng năm và phổ biến thực hành chuẩn, tránh tái nạn lao động xảy ra ở Farm. 2. Lập kế hoạch nhân viên lấy mẫu nước gửi kiểm tra nước uống và nước nấu ăn định kỳ 2 lần/năm.			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT: - Đã kiểm tra bảng đánh giá mỗi nguy (Ver 04) hiệu lực ngày 02/Sep/2012 - Đã kiểm tra kế hoạch định kỳ giám sát điều kiện an toàn và sức khỏe tại 2 trang trại. - Xem xét biểu mẫu kiểm tra sức khỏe và an toàn 28/Sep/2012 - Đã thực hiện đi khảo sát nhà ở công nhân và nhà vệ sinh, nhà bếp, kho, tất cả đều khắc phục. - Đã kiểm tra kết quả kiểm tra nước uống và nước nấu ăn đạt QCVN 01/2009/BYT, được thực hiện vào 19/Sep/2012 Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.			
ĐÁNH GIÁ VIỄN: HUYNH VAN THUAN		KÝ TÊN: THUAN HUYNH	NGÀY: 19/Oct/2012



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: DOCIFISH F (FARM 1 & 6)		Điểm không phù hợp số: 14	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 7.4.4	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐỖ THANH MUỒN	
Ngày: 29/AUG/2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông Tới
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
Một vài công nhân chính thức chưa nhận được bảo hiểm xã hội và y tế (Mr. Dang Van Lit, Pham Van Thanh, Tran Thi Nhung). Tất cả các công nhân này đã làm việc nhiều hơn 1 tháng thử việc.			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BAO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế: 19/Oct/2012	Đại diện công ty: Ông Tới		
Phân tích nguyên nhân			
1. Do nhân viên phụ trách nhân sự tại farm chưa nắm được luật lao động.			
Diễn giải hành động khắc phục			
Sửa chữa: 1. Bổ sung thẻ bảo hiểm cho những lao động ký hợp đồng dài hạn còn thiếu. 2. Bổ sung lại thủ tục hợp đồng lao động thời vụ tối đa là 6 tháng cho Đặng Văn Lít 3. Bổ sung lại hợp đồng lao động chính thức cho Phạm Văn Thành 4. Bổ sung lại hợp đồng lao động người lớn tuổi cho Ms. Tran Thi Nhung (62 tuổi)			
Hành động phòng ngừa: 1. Huấn luyện lại luật lao động cho nhân viên phụ trách nhân sự tại trang trại và trường trại.			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT:			
<ul style="list-style-type: none"> - Đã kiểm tra thẻ bảo hiểm xã hội của 10 nhân viên chính thức và bảo hiểm tai nạn của 12 nhân viên mùa vụ. - Đã kiểm tra tình trạng của tất cả các hợp đồng lao động của công nhân trang trại đều phù hợp với luật. - Đã kiểm tra hồ sơ huấn luyện về luật lao động cho nhân viên và trường trại. - Phòng vấn công nhân xác nhận đã nhận được hợp đồng lao động. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: HUYNH VĂN THUẬN		KY TÊN: THUAN HUYNH	NGÀY 19/Oct/2012



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: DOCIFISH F (FARM 1 & 6)		Điểm không phù hợp số: 15	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 7.6.1	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐỖ THANH MUỒN	
Ngày: 29/AUG/2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông Tới
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
<p>Tại thời điểm đánh giá, Không có phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ tụy. Tuy nhiên công ty chưa ban hành chính sách cho phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ. Có 7 lao động nữ trên trang trại 1 và 6.</p>			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BAO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế: 19/Oct/2012	Đại diện công ty: Ông Tới		
Phân tích nguyên nhân			
<p>1. Công ty chưa cập nhật Chính sách đối với phụ nữ mang thai của luật lao động tại Farm.</p>			
Diễn giải hành động khắc phục			
<p>Sửa chữa: 1. Trích lục chính sách đối với phụ nữ mang thai quy định tại Farm và làm rõ điều kiện của phụ nữ mang thai làm việc tại Farm.</p> <p>Hành động phòng ngừa: 1. Phổ biến chính sách này cho lao động nữ tại Farm và khi tuyển dụng lao động nữ làm việc tại Farm.</p>			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT:			
<p>- Đã kiểm tra chính sách phụ nữ mang thai ban hành 10/Sep/2012. - Hồ sơ phổ biến chính sách phụ nữ mang thai 11/Sep/2012. - Phòng vấn lao động nữ đều nhận thức về chính sách này. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p>			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: HUYNH VĂN THUẬN		KY TÊN: THUAN HUYNH	NGÀY 19/Oct/2012



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: DOCIFISH F (FARM 1 & 6)		Điểm không phù hợp số: 16	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 7.8.1	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐỖ THANH MUỒN	
Ngày: 29/AUG/2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông Tới
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
Không có bằng chứng kiểm soát và giám sát ngày nghỉ phép của công nhân (trang trại 1 và 6). Hồ sơ chăm công đều ghi chú nghỉ bù chủ nhật theo luật là ngày nghỉ phép.			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BAO CAO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế: 19/Oct/2012	Đại diện công ty: Ông Tới		
Phân tích nguyên nhân			
1. Chưa có qui trình xin nghỉ phép năm tại trang trại và nhân viên nhân sự tại trang trại chưa nắm được luật lao động.			
Diễn giải hành động khắc phục			
Sửa chữa: 1. Thiết kế mẫu nghỉ phép cho công nhân tại Farm, quản lý phổ biến qui trình xin nghỉ phép cho toàn lao động 2. Lập kế hoạch làm việc tại Farm, Quản lý cần sắp xếp cho công nhân nghỉ đủ 4 ngày trong 1 tháng theo quy định của luật. Ghi nhận bằng chấm công.			
Hành động phòng ngừa: 1. Phổ biến luật lao động cho nhân viên quản lý nhân sự và trường trại định kỳ 2. Lập sổ theo ngày nghỉ phép năm của toàn công nhân tại trang trại.			
KẾT THÚC BÁO CAO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT:			
<ul style="list-style-type: none"> - Đã kiểm tra biểu mẫu nghỉ phép năm của Sep/2012 - Đã kiểm tra hồ sơ huấn luyện luật lao động Việt Nam và hồ sơ nghỉ phép năm của tất cả công nhân. - Đã kiểm tra sổ theo dõi nghỉ phép năm của tất cả công nhân trang trại 1 và 6. - Phóng vấn công nhân đều hiểu về quá trình xin nghỉ phép. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: HUYNH VĂN THUẬN		KY TÊN: THUAN HUYNH	NGÀY 19/Oct/2012



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: DOCIFISH F (FARM 1 & 6)		Điểm không phù hợp số: 17	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 7.8.3	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐỖ THANH MUỒN	
Ngày: 29/AUG/2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông Tới
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
<p>1) Trang trại 6&1, Không có bằng chứng cho việc đăng ký tự nguyện của các công nhân ở lại đêm tại trang trại và đăng ký cư trú với chính quyền địa phương. 2) Một vài công nhân chỉ có 2 hoặc 3 ngày nghỉ trên tháng từ tháng 1 đến tháng 7/2012. (trang trại 1)</p>			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BAO CAO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế: 19/Oct/2012	Đại diện công ty: Ông Tới		
Phân tích nguyên nhân			
1. Trưởng trại chưa nắm được luật lao động và qui định cư trú địa phương.			
Diễn giải hành động khắc phục			
<p>Sửa chữa: 1. Yêu cầu Nhân viên ở lại Farm làm đơn tự nguyện ở lại Farm sau khi hết giờ làm. Đăng ký lưu trú cho tất cả nhân viên lao động có đơn đăng ký tự nguyện ở lại đêm tại Farm với Công an xã Bình Thạnh 2. Quản lý sắp xếp nghỉ bù vào tháng kế tiếp 1 số công nhân chỉ nghỉ 3 ngày trong tháng 07/2012.</p> <p>Hành động phòng ngừa: 1. Phổ biến luật lao động cho nhân viên quản lý nhân sự và trưởng trại định kỳ. 2. Lập biểu mẫu ghi nhận giờ làm việc hàng ngày cho công nhân để theo dõi đảm bảo 4 ngày nghỉ trên tháng.</p>			
KẾT THÚC BÁO CAO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT:			
<ul style="list-style-type: none"> - Đã kiểm tra biểu mẫu xin tự nguyện ở lại đêm tại trang trại 1 & 6 của 18 nhân viên farm 1 và 10 nhân viên farm 6. - Đã kiểm tra đăng ký tạm trú tại công an Bình Thạnh ngày 18/Sep/2012 (Farm1) và (farm 6) công an Tân Khanh Dong ngày 3/Oct/2012 - Đã kiểm tra hồ sơ huấn luyện luật lao động cho trưởng trại - Đã kiểm tra bảng chấm công của một công nhân trong tháng 9/2012. <p>Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p>			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: HUYNH VĂN THUẬN		KÝ TÊN: THUAN HUYNH	NGÀY 19/Oct/2012



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

BUREAU
VERITAS

Công Ty: DOCIFISH F (FARM 1 & 6)

Điểm không phù hợp số: 18

Hồ sơ số:

ĐIỀU KHOẢN: 7.8.4

TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐỖ THANH MUỒN

Ngày: 29/AUG/2012

ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN

Điểm không phù hợp nặng: X

Điểm không phù hợp nhẹ:

Điểm khuyến cáo:

ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông Tới

DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP

- 1) Không có bằng chứng trả lương gấp 3 lần cho các ngày nghỉ quốc gia như là (Giỗ tổ Hùng Vương, 30/Apr, 1/May) (Trang trại 1 & 6)
- 2) Các công nhân nhận được 40.000 VND / đêm trực (từ Jan đến May/12) điều này không phù hợp với mức lương tối thiểu (70.000 VND) theo luật (trang trại 1)

Hạn cuối khắc phục

27-nov-12

Nhận xét của chuyên gia:

BAO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)

Ngày khắc phục thực tế: 19/Oct/2012

Đại diện công ty: Ông Tới

Phân tích nguyên nhân

1. Trường trại và nhân viên nhân sự tại trang trại chưa nắm được luật lao động
2. Trong vụ mùa sắp xếp trực đêm chưa hợp lý nên hồ sơ trả phụ cấp trực đêm chưa rõ ràng.

Diễn giải hành động khắc phục

Sửa chữa:

1. Trả lại phần lương còn thiếu chưa tính của các ngày (Giỗ tổ Hùng Vương, 30/Apr, 1/May) (Trang trại 1 & 6)
2. Tính lại và bù tiền trực đêm còn thiếu cho công nhân.

Hành động phòng ngừa:

1. Thực hiện đào tạo luật lao động cho nhân viên quản lý nhân sự và trường trại định kỳ.
2. Làm bảng lương mới rõ ra các khoản tiền đã trả vào lương cho cho các công nhân mỗi tháng.

KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)

CHẤP NHẬN

CÓ

NHẬN XÉT:

- Đã kiểm tra hồ sơ huấn luyện luật lao động Việt nam cho trường trại và nhân viên nhân sự tại farm.
- Phòng vấn công nhân, tất cả các công nhân đều nhận được phần lương còn thiếu từ tháng 1 đến tháng 5/2012.
- Đã kiểm tra hồ sơ chi trả trong tháng 9/2012.
- Xem xét bảng lương mới của Sep/2012

Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.

ĐÁNH GIÁ VIÊN: HUYNH VĂN THUẬN

KY TÊN: THUAN HUYNH

NGÀY 19/Oct/2012



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: DOCIFISH F (FARM 1 & 6)		Điểm không phù hợp số: 19	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 7.10.2	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐỖ THANH MUỒN	
Ngày: 29/AUG/2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông Tới
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
Tại trang trại 1: - Tất cả các công nhân và nhân viên tại trang trại đều ký hợp đồng thù việc 3 tháng (tại thời điểm đánh giá còn lại 2 trường hợp Mr. Lit, Mr. Thanh) điều này không phù hợp với luật lao động điều 32. - Hợp đồng lao động của cô Tran Thi Nhung không phù hợp với luật lao động việt nam về hợp đồng mùa vụ vượt quá 6 tháng.			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BAO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế: 19/Oct/2012	Đại diện công ty: Ông Tới		
Phân tích nguyên nhân			
1. Do nhân viên phụ trách nhân sự tại farm chưa nắm được luật lao động.			
Diễn giải hành động khắc phục			
Sửa chữa: 1. Điều chỉnh lại thủ tục hợp đồng lao động thời vụ tối đa là 6 tháng cho Đặng Văn Lít 2. Điều chỉnh lại hợp đồng lao động chính thức cho Phạm Văn Thạnh 3. Điều chỉnh lại hợp đồng lao động người lớn tuổi cho Ms. Tran Thi Nhung (62 tuổi)			
Hành động phòng ngừa: 1. Huấn luyện lại luật lao động cho nhân viên phụ trách nhân sự tại trang trại và trường trại.			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT:			
- Đã kiểm tra tình trạng hợp đồng lao động của các công nhân làm việc tại trang trại phù hợp với luật. - Đã kiểm tra hồ sơ huấn luyện luật lao động Việt nam cho trường trại và nhân viên nhân sự tại farm. - Phỏng vấn công nhân, tất cả các công nhân đều nhận hợp đồng lao động. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: HUYNH VĂN THUẬN		KY TÊN: THUAN HUYNH	NGÀY 19/Oct/2012



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: DOCIFISH F (FARM 1 & 6)		Điểm không phù hợp số: 20	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 7.14.2	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐỖ THANH MUỒN	
Ngày: 29/AUG/2012	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VAN THUẬN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông Tới
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
<p>Tại trang trại 1, Không có thùng thư khiếu nại đặt trong khu dân cư như bản p-SIA. " a. Hộp thư khiếu nại đặt ở nơi công cộng đồng địa phương có thể tiếp cận được" và trong cam kết p-SIA</p>			
Hạn cuối khắc phục	27-nov-12		
Nhận xét của chuyên gia:			
BAO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế: 19/Oct/2012	Đại diện công ty: Ông Tới		
Phân tích nguyên nhân			
1.Chưa tìm được vị trí thích hợp đặt thùng thư tại cộng đồng			
Diễn giải hành động khắc phục			
<p>Sửa chữa: 1.Tìm vị trí đặt thùng thư tại cộng đồng và làm biên bản thỏa thuận đặt thùng thư góp ý tại nhà Nguyễn Thị Hạnh ngay cầu Ba Dáng Ấp Bình Mỹ A, xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.</p> <p>Hành động phòng ngừa: 1.Định kỳ trường trại kiểm tra thùng thư 2 tuần /lần, sẵn sàng nhận góp ý tham vấn ý kiến cộng đồng xuyên suốt trong sản xuất.</p>			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN	CÓ		
NHẬN XÉT:			
<p>- Đã kiểm tra tại địa điểm đặt thùng thư và biên bản đồng ý của bà Ms Nguyen Thi Hanh về vị trí đặt thùng thư. - Đã kiểm tra số theo dõi mở thùng thư bên trong và bên ngoài. Điểm không phù hợp này được đóng với hành động hiệu lực.</p>			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: HUYNH VAN THUẬN	KY TÊN: THUAN HUYNH	NGÀY 19/Oct/2012	



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

BUREAU
VERITAS

Công Ty: **DOCIFISH F (FARM 1 & 6)**

Điểm không phù hợp số: **21**

Hồ sơ số:

ĐIỀU KHOẢN: **7.9.1**

TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: **ĐỖ THANH MUỘN**

Ngày: **29/AUG/2012**

ĐÁNH GIÁ VIỄN TRONG ĐOÀN: **HUYNH VĂN THUẬN**

Điểm không phù hợp nặng:

Điểm không phù hợp nhẹ:

Điểm khuyến cáo: **x**

ĐẠI DIỆN CÔNG TY: **Ông Tô**

DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP

Hạn cuối khắc phục

27-nov-12

Nhận xét của chuyên gia:

Lương tối thiểu của nhà nước qui định không đáp ứng được lương nhu cầu tối thiểu (BNW). Tuy nhiên công ty chưa tính BNW (tại bây giờ, BNW of BV tính là 1.915.000 VND cho khu vực này và mặt khác công ty đã ký hợp đồng lao động và trả lương ở mức 2.400.000 VND trên tháng.

BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)

Ngày khắc phục thực tế: **19/Oct/2012**

Đại diện công ty: **Ông Tô**

Phân tích nguyên nhân

1. Do chưa hiểu tiêu chuẩn ASC về cách tính toán BNW theo SA 8000:2008

Diễn giải hành động khắc phục

Sửa chữa:

1. Nhân viên Farm tính toán nhu cầu cơ bản của người lao động tại Farm.

Hành động phòng ngừa:

1. Trưởng trại định kỳ (1 năm/lần) xem xét lại nhu cầu cơ bản đúng thực tế.

KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)

CHẤP NHẬN

CÓ

NHẬN XÉT:

- Đã kiểm tra bảng tính nhu cầu cơ bản ban hành 10/Sep/2012
- Phỏng vấn nhân viên nhân sự hiểu được phương pháp tính BNW
Điểm góp ý này được đóng với hành động hiệu lực.

ĐÁNH GIÁ VIỄN: **HUYNH VĂN THUẬN**

KÝ TÊN: **THUAN HUYNH**

NGÀY **19/Oct/2012**



BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

BUREAU
VERITAS

Công Ty: DOCIFISH F (FARM 1 & 6)		Điểm không phù hợp số: 22	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 7.11.1	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: ĐỖ THANH MUỘN	
Ngày: 29/AUG/2012	ĐÁNH GIÁ VIỄN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUAN		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ:	Điểm khuyến cáo: x	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông Tôí
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
Hạn cuối khắc phục: 27-nov-12			
Nhận xét của chuyên gia: Có 1 thùng thư góp ý tại một trang trại. Tuy nhiên không có bằng chứng mở thùng thư góp ý hàng tuần theo yêu cầu của thủ tục "Quan Ly Khieu Nai" PR-18. (phóng vấn công nhân không có khiếu nại)			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế: 19/Oct/2012		Đại diện công ty: Ông Tôí	
Phân tích nguyên nhân 1 Nhân viên mở thùng thư chưa nắm thủ tục "Quan Ly Khieu Nai" PR-18.			
Diễn giải hành động khắc phục Sửa chữa: 1. Lập sổ theo dõi mở thùng thư góp ý bên trong và bên ngoài Hành động phòng ngừa: 1. Nhân viên mở thùng thư góp ý đọc và hiểu rõ thủ tục "Quan Ly Khieu Nai" PR-18.			
KẾT THÚC BÁO CÁO(Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT: - Đã kiểm tra sổ theo dõi mỗi lần mở thùng thư khiếu nại bên trong và bên ngoài. - Phóng vấn nhân viên nhân sự hiểu về nội dung của thủ tục "Quan Ly Khieu Nai" PR-18. Điểm góp ý này được đóng với hành động hiệu lực.			
ĐÁNH GIÁ VIỄN: HUYNH VĂN THUAN		KÝ TÊN: THUAN HUYNH	NGÀY 19/Oct/2012